



# CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Chuyên sản xuất bao PP dệt, túi siêu thị, vải địa kỹ thuật

- Văn Phòng: 414 Lầu 5 - Lũy Bán Bích - P. Hòa Thạnh - Q. Tân Phú - Tp. Hồ Chí Minh  
ĐT: (84.8) 3.9737277 - 3.9737278 - 3.9737276 \* Fax: (84.8) 3.9737279
- Nhà Máy: C11 - C15 Cụm CN nhựa Đức Hòa Hạ - Huyện Đức Hòa - Tỉnh Long An  
ĐT: (84) 072.3779328 \* Fax: (84) 072.3779255  
Email: tdhplastic@gmail.com - Website: www.tandaihungplastic.com



Số: 08/2022/CV-TDH

TP.HCM, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán nhà nước

## Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM

Tên công ty : Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng  
Địa chỉ : 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM  
Điện thoại : (84.28) 39737277 Fax: (84.28) 39737279  
Mã chứng khoán : TPC  
Sàn niêm yết : Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE)  
Người thực hiện công bố thông tin: **Tôn Thị Hồng Minh** – P.Chủ tịch HĐQT kiêm P.Tổng Giám Đốc

Loại thông tin công bố:  24h  72h  Bất thường  Theo yêu cầu  Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo thường niên năm 2021./

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/03/2022 tại đường dẫn: <http://tandaihungplastic.com/>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VP./

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT  
P. CHỦ TỊCH HĐQT  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
NHỰA  
TÂN ĐẠI HƯNG  
Q. TÂN PHÚ TP. HỒ CHÍ MINH  
**Tôn Thị Hồng Minh**





CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA  
**TÂN ĐẠI HƯNG**

TAN DAI HUNG PLASTIC JOINT STOCK COMPANY

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2021**

## MỤC LỤC

### Lời ngỏ của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

#### Phần I. THÔNG TIN CHUNG

|  |         |             |
|--|---------|-------------|
| I. Thông tin khái quát   | Trang 2 | Đến trang 3 |
| II. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh                                     | Trang 3 | Đến trang 3 |
| III. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý | Trang 4 | Đến trang 5 |
| IV. Định hướng phát triển  | Trang 5 | Đến trang 7 |

#### Phần II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021

|   |          |              |
|---|----------|--------------|
| I. Tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh               | Trang 8  | Đến trang 9  |
| II. Tổ chức và nhân sự  | Trang 10 | Đến trang 10 |
| III. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án                | Trang 11 | Đến trang 11 |
| IV. Tình hình tài chính   | Trang 12 | Đến trang 12 |
| V. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu               | Trang 13 | Đến trang 15 |
| VI. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty | Trang 16 | Đến trang 19 |

#### Phần III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

|   |          |              |
|---|----------|--------------|
| I. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2021                    | Trang 20 | Đến trang 21 |
| II. Tình hình tài chính   | Trang 22 | Đến trang 23 |
| III. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý trong năm 2021 | Trang 23 | Đến trang 24 |
| IV. Kế hoạch phát triển trong tương lai                                   | Trang 24 | Đến trang 26 |
| V. Ý kiến của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán                       | Trang 26 | Đến trang 26 |
| VI. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội    | Trang 26 | Đến trang 27 |

#### Phần IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

|  |          |              |
|--|----------|--------------|
| I. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.      | Trang 28 | Đến trang 34 |
| II. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty | Trang 35 | Đến trang 35 |
| III. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị                      | Trang 35 | Đến trang 36 |

#### Phần V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

|   |          |              |
|---|----------|--------------|
| I. Hội đồng quản trị  | Trang 36 | Đến trang 40 |
| II. Ban Kiểm soát   | Trang 41 | Đến trang 42 |
| III. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, | Trang 43 | Đến trang 43 |

#### Phần VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2021

|          |              |
|----------|--------------|
| Trang 44 | Đến trang 79 |
|----------|--------------|



## **Lời ngỏ của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị.**

Kính thưa quý cổ đông,



Làn sóng dịch Covid-19 bùng phát từ cuối tháng 04/2021 với biến chủng mới có tốc độ lây lan nhanh chóng, nguy hiểm, diễn biến phức tạp tại nhiều địa phương, đặc biệt tại các tỉnh, thành phố kinh tế trọng điểm như: Hà Nội, Bắc Ninh, Bắc Giang, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Long An, Cần Thơ... đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống, sức khỏe, tính mạng của người dân và hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tình hình kinh tế thế giới khởi sắc trong năm 2021 khi các quốc gia triển khai mạnh mẽ chiến lược tiêm chủng vắc-xin phòng Covid-19 đã giúp giảm nhanh số ca lây nhiễm và tử vong. Tuy nhiên, tăng trưởng của các nền kinh tế có sự khác biệt do tốc độ triển khai vắc-xin và chính sách hỗ trợ khác nhau ở các quốc gia. Thương mại toàn cầu tiếp tục phục hồi nhưng có xu hướng chậm dần, giá nhiều mặt hàng tăng mạnh so với năm 2020, lạm phát gia tăng nhưng nhìn chung vẫn được kiểm soát trên toàn thế giới. Ngoài ra, đại dịch đã gây tác nghẽn trong chuỗi giá trị toàn cầu làm cho giá nguyên liệu sản xuất tăng là thách thức không nhỏ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các quốc gia.

Tại Việt Nam dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động thương mại và dịch vụ. Tăng trưởng âm trong năm 2021 của một số ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn đã làm giảm mức tăng chung của khu vực dịch vụ và toàn bộ nền kinh tế.

Đối với ngành Nhựa Việt Nam, trong năm 2021 các doanh nghiệp tiếp tục phải đối mặt với những thách thức còn lớn hơn năm 2020.

Đại dịch Covid-19 đã tạo ra sự gián đoạn lớn trong lĩnh vực bao bì do các biện pháp phong tỏa, hạn chế đi lại, thiếu lực lượng lao động. Chuỗi cung ứng bị đứt gãy, nguyên liệu bị thiếu hụt, giá nguyên liệu tăng cao nhưng nguyên liệu sản xuất chủ yếu từ nhập khẩu và chiếm 60%-70% giá thành.

Trong suốt quá trình 2021, Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và Ban Điều Hành luôn tuân thủ thống nhất theo các định hướng năng động - kỷ cương - minh bạch - chuyên nghiệp - hiệu quả, đảm bảo tài sản nguồn vốn và tình hình tài chính công ty lành mạnh, đề cao phòng tránh rủi ro không để phát sinh hệ lụy.

Đặc biệt giai đoạn 3 tháng giãn cách, trong khi nhiều doanh nghiệp phải đóng cửa thì công ty Tân Đại Hưng đã nỗ lực vượt qua những khó khăn của dịch bệnh Covid-19 để duy trì hoạt động sản xuất “3 tại chỗ”, góp phần giữ vững đơn hàng với khách hàng, giữ cho CBCNV có việc làm và hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty được diễn ra liên tục, không bị gián đoạn, đứt gãy.

Sau một năm phấn đấu trong hoàn cảnh khó khăn nhất hàng chục năm qua, tuy chưa đạt được chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận đề ra năm 2021 do ảnh hưởng của dịch bệnh, giãn cách. Tuy nhiên những kết quả đạt được của Tân Đại Hưng năm 2021 đã phản ánh những nỗ lực hết mình của CBCNV toàn công ty để duy trì và ổn định sản xuất ngay cả trong thời gian giãn cách kéo dài : sản lượng đạt 114%, doanh thu đạt 123%, lợi nhuận sau thuế đạt 76% chỉ tiêu kế hoạch năm 2021. So sánh với kết quả năm 2020, sản lượng giảm nhẹ 1%, doanh thu tăng 2,2% , lợi nhuận sau thuế giảm 30%.

Chặng đường sắp tới, tình hình kinh tế, chính trị, môi trường, dịch bệnh trên thế giới tiếp tục diễn biến khó lường, cạnh tranh sẽ khốc liệt hơn, nhưng kết quả đạt được trong những năm qua là cơ sở để công ty tiếp tục phát triển một cách bền vững. Tôi và Hội Đồng Quản Trị công ty cũng như Ban Giám Đốc vững tin rằng với những định hướng sát đúng với thị trường, giữ gìn và phát huy các giá trị cốt lõi, được sự tin tưởng và ủng hộ của khách hàng, Tân Đại Hưng sẽ tiếp tục gặt hái thành công mới trong thực hiện chỉ tiêu kế hoạch năm 2022.

Trân trọng,

**PHẠM ĐỖ ĐIỂM HƯƠNG**  
Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

# Phần I. THÔNG TIN CHUNG

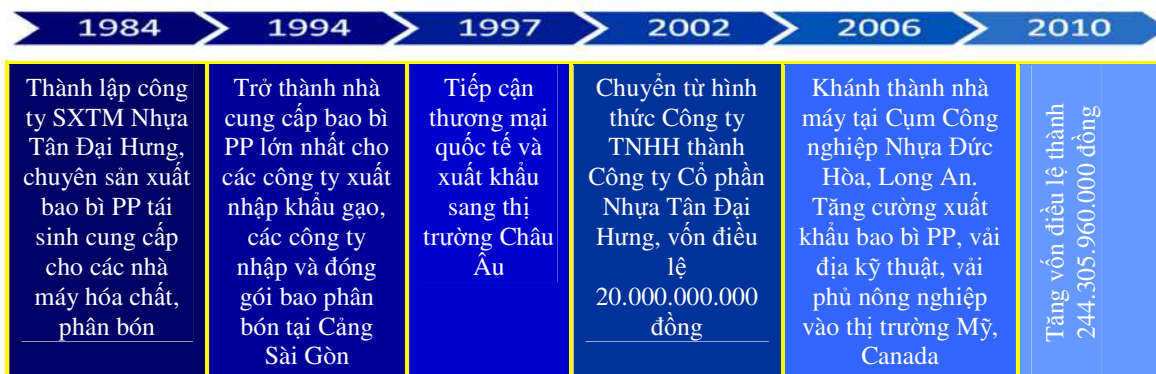
## I. Thông tin khái quát



|   |   |
|---|---|
| <b>Tên giao dịch:</b>                           | <b>Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng</b><br>TAN DAI HUNG PLASTIC JOINT STOCK COMPANY                      |
| <b>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:</b> | 0302760102, đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 04 năm 2002, đăng ký thay đổi lần 11 ngày 22 tháng 06 năm 2020. |
| <b>Vốn điều lệ:</b>                             | 244.305.960.000 đồng.   |
| <b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu:</b>               | 244.305.960.000 đồng.   |
| <b>Địa chỉ trụ sở văn phòng:</b>                | 414 Lầu 5, Lũy Bán Bích, P.Hòa Thạnh, Q.Tân Phú, TPHCM.   |
| <b>Số điện thoại:</b>                           | +84 (028) 39 73 72 77   |
| <b>Số fax:</b>                                  | +84 (028) 39 73 72 79   |
| <b>Website:</b>                                 | <a href="http://www.tandaihungplastic.com">http://www.tandaihungplastic.com</a>                           |
| <b>Email:</b>                                   | tdhplastic@gmail.com  |
| <b>Mã cổ phiếu:</b>                             | TPC   |

### Quá trình hình thành và phát triển

#### 1) **Quá trình hình thành và phát triển**



#### 2) **Quá trình Niêm yết :**

|  |  |
|--|--|
| <b>Ngày 28/11/2007</b>   | Chính thức giao dịch 10.400.000 cổ phiếu tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TPHCM, theo quyết định số: 149/QĐ-SGDCK ngày 20/11/2007. |
| <b>Ngày 30/09/2008</b>   | Niêm yết bổ sung 10.146.000 cổ phiếu theo quyết định số 107/QĐ-SGDCK TPHCM ngày 30/09/2008.                                    |
| <b>Ngày 20/08/2010</b>   | Niêm yết bổ sung 3.884.596 cổ phiếu thưởng theo quyết định số 167/QĐ-SGDHCM của Sở GDCK TPHCM ngày 11/08/2010.                 |
| <b>Loại chứng khoán</b>  | Cổ phiếu phổ thông.  |
| <b>Mã chứng khoán</b>  | TPC.   |
| <b>Mệnh giá:</b>   | 10.000 đồng/cổ phiếu.  |
| <b>Tổng số cổ phiếu đã phát hành:</b> 24.430.596 cổ phiếu. <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 22.516.956 cổ phiếu (giao dịch tự do).</li> <li>▪ Số lượng cổ phiếu quỹ: 1.913.640 cổ phiếu.</li> </ul> |  |

3) Các sự kiện khác:

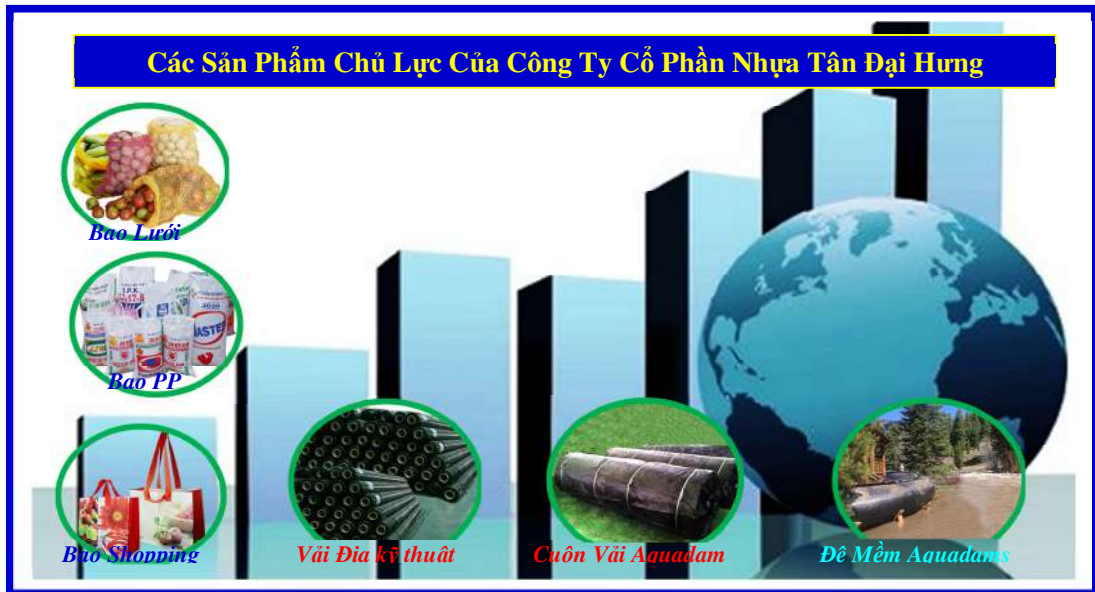


|                     |  |
|---------------------|--|
| <b>Từ năm 2003</b>  | Áp dụng hệ thống ISO 9001:2000, nâng cấp thành ISO 9001:2008 từ năm 2009.  |
| <b>27/2/2007</b>    | Được tổ chức TZU của Châu Âu đánh giá cấp “Chứng nhận đạt các yêu cầu về kiểm soát sản xuất tại nhà máy”.                                    |
| <b>Tháng 5/2009</b> | Được khách hàng tổ chức đánh giá công nhận đạt các tiêu chuẩn bộ luật ứng xử “BSCI” và đạt yêu cầu hệ thống quản lý vật liệu an toàn “MSDS”. |
| <b>Từ Năm 2003</b>  | Được Bộ Công Thương (trước đây là Bộ Thương Mại) liên tục xét tặng danh hiệu “Doanh Nghiệp Xuất Khẩu Uy Tín”.                                |

II. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

1) Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất, chế biến sản phẩm cao su (không hoạt động tại trụ sở) (chính).
- Sản xuất bao bì nhựa PP, PE, PET.
- Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành công nghiệp.
- Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành nông lâm nghiệp.
- Mua bán bao bì nhựa PP, PE, PET; mua bán sản phẩm nhựa, nguyên liệu nhựa, bột màu.
- Xây dựng công trình công ích khác.
- Xây dựng công trình thủy: Đập và đê.



Ảnh minh họa các nhóm sản phẩm chủ yếu của công ty.

2) Địa bàn kinh doanh:

|                             |   |
|-----------------------------|---|
| <b>Thị trường xuất khẩu</b> | Các sản phẩm bao lưới tròn, bao hộp, bao shopping, bao PP không in chủ yếu xuất vào các nước thuộc khối EU, vải địa kỹ thuật và Aquadams xuất vào Mỹ và Canada, doanh thu xuất khẩu chiếm khoảng 60% - 70% trong tổng doanh thu hàng năm. |
| <b>Thị trường nội địa</b>   | Các sản phẩm bao lưới, bao PP (có và không có tráng, có và không có PE, in và không in) chủ yếu cung cấp doanh nghiệp sản xuất phân bón và thức ăn gia súc tại các tỉnh miền Nam và Đông Nam bộ.  |

### III. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

#### 1) Mô hình quản trị.

- Tân Đại Hưng là công ty cổ phần đại chúng đã niêm yết, hoạt động theo luật doanh nghiệp Việt Nam, được tổ chức và quản trị theo mô hình công ty mẹ & công ty con.
- Cơ quan quyền lực cao nhất trong công ty là Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- Hội đồng quản trị do Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu ra theo nhiệm kỳ 5 năm, là cơ quan triển khai và giám sát việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT.
- Ban Kiểm soát do Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu ra theo nhiệm kỳ 5 năm, là cơ quan kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính định kỳ của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

#### 2) Cơ cấu bộ máy quản lý.

Sơ đồ Cơ Cấu Tổ Chức Công Ty Cổ Phần Nhựa Tân Đại Hưng



- **Hội Đồng Quản trị gồm:** 01 Chủ tịch, 03 Phó Chủ tịch và 05 thành viên.
- **Ban Giám Đốc gồm:** 01 Tổng Giám Đốc, 01 Phó TGD, các GD Trưởng Bộ phận chức năng.
- **Bộ phận kinh doanh & cung ứng:** đảm nhiệm chức năng quản trị hoạt động marketing, bán hàng, xuất nhập khẩu, cung ứng nguyên liệu vật tư, & gia công các công đoạn, do 01 Phó TGD phụ trách.
- **Bộ phận hành chính & nhân sự:** đảm nhiệm các chức năng quản trị hoạt động hành chính và nhân lực, do TGD phụ trách (kiêm giám đốc công ty con - nhà máy).
- **Bộ phận Tài chính kế toán:** đảm nhiệm các chức năng quản trị tài chính, kế toán, các kho nguyên phụ liệu và thành phẩm, do GD tài chính kiêm kế toán trưởng phụ trách.
- **Bộ phận Công nghệ kỹ thuật:** đảm nhiệm các chức năng quản trị hoạt động công nghệ, tái sinh nguyên liệu, đảm bảo chất lượng (QA), hệ thống điện, hệ thống máy móc thiết bị (sản xuất và phục vụ sản xuất), do Giám đốc Công nghệ KT phụ trách.
- **Bộ phận kế hoạch & sản xuất & gia công:** đảm nhiệm các chức năng quản trị hoạt động sản xuất và các kho bán thành phẩm, do GD Sản xuất & Gia công phụ trách.
  - **Phân xưởng 1:** gồm các công đoạn Kéo sợi, Dệt (bao PP).
  - **Phân xưởng 2:** gồm các công đoạn Tráng, Ghép, Lộn, PE, Vặn hông, In.
  - **Phân xưởng 3:** gồm 2 nhóm công đoạn Cắt & May và LDPT & Đóng kiện.

- *Phân xưởng 4: gồm các công đoạn Kéo sợi, Dệt (Vải địa kỹ thuật).*

**Trong mô hình công ty Mẹ -Con:**

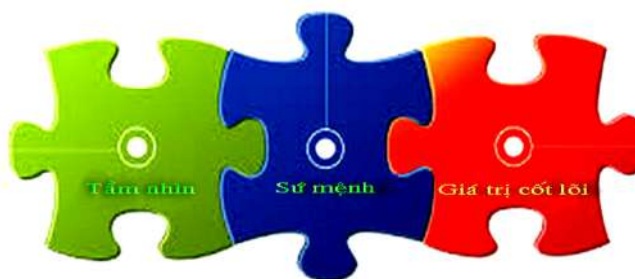
- *Trụ sở công ty tại thành phố Hồ Chí Minh:* là nơi giao dịch chính thức của công ty, nơi hoạt động thường xuyên của HĐQT và các bộ phận chức năng tài chính và kinh doanh cung ứng.
- *Nhà máy (Công ty TNHH TĐH) tại Long An:* là nơi hoạt động thường xuyên của BGD và các bộ phận chức năng khác của công ty.

**3) Các công ty con, công ty liên kết.**

- **Công ty con:** Công ty CP nhựa Tân Đại Hưng đang sở hữu 100% vốn điều lệ 45 tỷ đồng của “Công ty TNHH TĐH”, giấy chứng nhận ĐKKD số: 5002000837 do Sở KHĐT Tỉnh Long An cấp ngày 22/05/2006, địa chỉ: Lô C11-C15 Cụm Công Nghiệp Nhựa Đức Hòa, Long An. Đây là nhà máy và kho hàng của Công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng.
- **Công ty liên kết:** Không có.

**IV. Định hướng phát triển**

**1) Định hướng tổng thể:**



|                        |  |
|------------------------|--|
| <b>Tầm nhìn</b>        | Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng phát triển liên tục và bền vững cùng với ngành nhựa Việt Nam, gắn liền với bảo vệ môi trường thiên nhiên và lợi ích xã hội.  |
| <b>Sứ mệnh</b>         | Trở thành một doanh nghiệp bao bì hàng đầu tại Việt Nam và khu vực; phát huy thế mạnh và sở trường, chủ động hội nhập vào thị trường quốc tế theo các hiệp định thương mại đã ký kết giữa Việt Nam với các nước khác.  |
| <b>Giá trị cốt lõi</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>□ <b>Minh Bạch:</b> Công bố thông tin đầy đủ, các dữ liệu và số liệu của công ty rõ ràng, rành mạch, trung thực.</li> <li>□ <b>Kỷ Cương:</b> Tất cả tổ chức và hoạt động của công ty đúng trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam, phù hợp với chuẩn mực quốc tế và các chính sách qui định qui trình nội bộ.</li> <li>□ <b>Chuyên Nghiệp:</b> Công ty sản xuất kinh doanh bao bì nhựa hơn 30 năm, cán bộ công nhân năng động, có kiến thức và kinh nghiệm chuyên sâu, được sắp xếp phù hợp với năng lực trong môi trường làm việc khuyến khích sáng tạo và trách nhiệm cá nhân, phù hợp với văn hóa công ty và tinh thần đội ngũ (<i>team-work</i>).</li> <li>□ <b>Cạnh Tranh:</b> Tân Đại Hưng là Thương Hiệu uy tín, đảm bảo Chất Lượng, đáp ứng sản lượng lớn, giá cả có lợi cho khách hàng, đảm bảo giao hàng đúng hẹn, thực hiện đúng đủ những thoãn thuận và cam kết với khách hàng.</li> <li>□ <b>Hiệu Quả:</b> Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty mang đến lợi ích thiết thực và tốt nhất cho các đối tác và khách hàng, nhà đầu tư và cổ đông, người lao động và cộng đồng xã hội.</li> </ul> |



## 2) Chiến lược tổng thể trung và dài hạn (đến năm 2026)

|                                       |   |
|---------------------------------------|---|
| <b>Mục tiêu</b>                       | Duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân >10% hằng năm, giữ vững vị trí trong top 3 ngành bao bì nhựa của Việt nam.   |
| <b>Thương hiệu</b>                    | Tiếp thị nhạy bén, nắm bắt xu hướng và hoạch định sát đúng nhu cầu khách hàng, cơ cấu sản phẩm đáp ứng được sự cạnh tranh về giá bán, duy trì thương hiệu hàng đầu về bao bì, chọn lựa đối tác kết nối hợp lý trong chuỗi giá trị quốc tế.  |
| <b>Chất lượng sản phẩm</b>            | Lấy chất lượng sản phẩm làm trung tâm cạnh tranh và lấy công nghệ sản xuất tiên tiến làm nền tảng cho sự phát triển.  |
| <b>Công nghệ sản xuất</b>             | Liên tục cải tiến đổi mới nâng cấp máy móc thiết bị, tối ưu hóa các dòng sản phẩm và qui trình sản xuất, đầu tư thích đáng cho nghiên cứu và phát triển nhằm cải tiến công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất và năng suất lao động, đảm bảo chất lượng sản phẩm nhằm tối đa hóa lợi nhuận. |
| <b>Năng suất và sản lượng</b>         | Vận dụng Lean Production và 5S nhằm loại bỏ các lãng phí và giảm chi phí, hợp lý hoá quy trình sản xuất, ngăn ngừa sai lỗi ngay từ khâu đầu tiên, gia tăng hiệu suất và hiệu quả các quá trình sản xuất tổng thể và mỗi công đoạn.  |
| <b>Tài chính</b>                      | Kiểm soát nội bộ tốt, chú trọng quản trị phòng tránh rủi ro, đảm bảo tình hình tài chính công ty lành mạnh, đạt các chỉ tiêu lợi nhuận và cổ tức hàng năm.  |
| <b>Quản trị</b>                       | Liên tục cập nhật, vận dụng các hệ thống quản trị tiên tiến nâng cao năng lực quản trị điều hành công ty phù hợp theo sự phát triển công nghiệp 4.0, xây dựng môi trường làm việc thu hút nguồn nhân lực, mời gọi nhân tài.   |
| <b>Xây dựng và phát triển văn hoá</b> | Xây dựng tư duy quản trị tiên tiến trong đội ngũ cán bộ, công nhân viên dựa trên nền tảng nguồn nhân lực năng động sáng tạo, chuyên môn cao. Xây dựng một tác phong chuyên nghiệp, tất cả vì lợi ích cao nhất của khách hàng.   |

## 3) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2022.



| TT | Chỉ tiêu cơ bản          | Năm 2022   | Ghi chú   |
|----|--------------------------|--|---|
| 1  | Sản lượng bao bì (tấn)   | 16.599   | Tăng 2% so với kế hoạch 2021, thấp hơn 10% so với thực tế năm 2021. |
| 2  | Doanh thu bao bì (tỷ)    | 761,306  | Tăng 8% so với kế hoạch 2021, và giảm 12% so với thực tế 2021.      |
| 3  | Lợi nhuận sau thuế (tỷ)  | 18   | Giảm 10% so với kế hoạch 2021, và tăng 18% so với thực tế 2021.     |
| 4  | Mức chia cổ tức (%)      | 7%   | Tương đương kế hoạch 2021.  |
| 5  | Tỷ lệ phế/thành phẩm (%) | ≤ 6%   | Như năm 2021  |
| 6  | Công tác xã hội          | Trích 1 tỷ lợi nhuận trước thuế năm 2022 để tài trợ từ thiện (cho lĩnh vực y tế và giáo dục). HĐQT sẽ phối hợp với các tổ chức xã hội liên quan để thực hiện và giám sát kiểm tra. |   |

*Tình hình thị trường năm 2022 được dự báo sẽ còn nhiều biến động, khó lường trước những khó khăn do dịch bệnh, chiến tranh, thiên tai khắp nơi trên thế giới. Đặc biệt là tác động của dịch Covid-19 sang năm 2022 sẽ ngấm sâu hơn, xung đột quân sự Nga- Ukraina gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh tế thế giới, trong đó có các thị trường mục tiêu của công ty. Vì vậy chỉ tiêu sản lượng, doanh thu bao*

*bì & lợi nhuận sau thuế năm 2022 được xây dựng trên cơ sở những dự đoán về thị trường và năng lực của nhà máy.*

**4) Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.**

Tân Đại Hưng luôn đặt mục tiêu kinh doanh đi đôi với trách nhiệm đối với môi trường, xã hội và cộng đồng. Trong các hoạt động, Công ty quan tâm công tác xã hội và chú trọng chăm lo cải thiện đời sống vật chất tinh thần cho toàn thể CB – CNV tại Công ty. Công ty cam kết đảm bảo liên tục:

- Không ngừng cải tiến công nghệ kỹ thuật trong sản xuất, để giảm thiểu tiêu hao năng lượng, cường độ lao động và an toàn lao động trong sản xuất. Nghiên cứu áp dụng các công thức nguyên liệu để tăng dần tỷ lệ sử dụng nguyên liệu tái sinh hiệu quả nhằm giảm giá thành.
- Tổ chức thu gom và tái chế và sử dụng lại 100% phế liệu phế phẩm, không xả nước thải trực tiếp vào môi trường, tất cả chất thải rắn khác đều được công ty thu gom, tập trung và hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý (kể cả tại khu lưu trữ).
- Tham gia các cuộc vận động từ thiện (với mức độ khác nhau) do Hiệp Hội Nhựa Việt Nam tổ chức, các cuộc vận động tài trợ cộng đồng của các địa phương (các địa bàn trụ sở và nhà máy).

**V. Phòng chống các rủi ro:**

Công ty đã nhận diện, đã và đang thực hiện các biện pháp những biện pháp phòng chống rủi ro:

| <i>Lĩnh vực rủi ro</i>              | <i>Nhóm giải pháp và biện pháp</i>   |
|-------------------------------------|--|
| <i>Pháp luật</i>                    | Thay đổi về thể chế, chính sách, pháp luật sẽ được theo dõi và thay đổi kịp thời để đảm bảo tổ chức và hoạt động công ty luôn hiệu quả..   |
| <i>Thị trường và khách hàng</i>     | Cập nhật thường xuyên tình hình kinh tế và các chính sách vĩ mô tại các khu vực của khách hàng xuất khẩu, liên hệ thông tin hai chiều thường xuyên để nắm vững tình hình khách hàng, có những chiêu thức marketing và bán hàng phù hợp.  |
| <i>Giá nguyên liệu</i>              | Theo dõi xu hướng thay đổi của giá nguyên liệu để quyết định mua và tồn kho hợp lý, hạn chế tối đa biến động giá nguyên liệu tác động xấu đến giá thành và giá bán, đảm bảo ổn định cho sản xuất và nguồn vốn được sử dụng hiệu quả.   |
| <i>Tỷ giá và lãi suất ngân hàng</i> | Theo dõi chính sách tiền tệ, tình hình tỷ giá để sử dụng có lợi nhất nguồn USD từ doanh thu xuất khẩu, phòng tránh hệ quả khi tỷ giá biến động mạnh; kiểm soát thay đổi hạn mức và lãi suất vay ngân hàng để hạn chế ảnh hưởng đến quá trình mua nguyên vật liệu cho sản xuất và hiệu quả hoạt động chung của công ty. |
| <i>Giao nhận, vận chuyển</i>        | Thực hiện bảo hiểm cho tất cả hàng hóa; kiểm soát chặt chẽ quá trình xuất nhập giao hàng và vận chuyển.  |
| <i>Công nghệ</i>                    | Theo dõi thay đổi công nghệ sản xuất trong thời đại công nghiệp 4.0, có những dự báo và kế hoạch để chuyển đổi phù hợp theo yêu cầu cụ thể của khách hàng.   |
| <i>Chất lượng</i>                   | Chọn nhiều nhà cung cấp và sản xuất thử mẫu, đánh giá nguyên liệu. Kiểm tra kiểm soát đảm bảo chất lượng nguyên liệu đầu và tất cả công đoạn, tránh rủi ro trong quá trình sản xuất, dẫn đến chất lượng các thành phẩm không đảm bảo.  |
| <i>Thanh toán</i>                   | Kiểm soát chặt chẽ công nợ bán hàng, thường xuyên đánh giá khả năng thanh toán của các khách hàng qua việc đặt hàng và chi trả, không để phát sinh nợ xấu.   |
| <i>Lao động</i>                     | Tình trạng dịch chuyển lao động có xu hướng tăng: đào tạo để nâng cao tay nghề, kỹ năng vận hành thiết bị sản xuất mới, thực hiện chính sách chăm lo tốt để người lao động an tâm và gắn bó, đặc biệt là người có tay nghề cao. Điều phối kịp thời qua các công đoạn để đảm bảo sản lượng và tiến độ sản xuất.         |
| <i>Thông tin và internet</i>        | Nhắc nhở, giám sát quan hệ và phân công hợp lý nhân viên, có những biện pháp kỹ thuật và hành chính nhằm giữ an toàn của hệ thống mạng thông tin, phòng tránh các rủi ro từ mạng internet, tiết lộ các thông tin cần bảo mật của công ty.  |
| <i>Cơ sở hạ tầng</i>                | Lắp đặt hệ thống thiết bị giám sát, kiểm tra chặt chẽ, chủ động phòng chống cháy nổ, giông bão, không để xảy ra trộm cắp làm thiệt hại tài sản và uy tín công ty.  |
| <i>Giao dịch chứng khoán</i>        | Theo dõi tình hình giao dịch cổ phiếu TPC của công ty, phòng tránh biến động xấu và nguy cơ bị thao túng, đầu tư.  |

## Phần II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021

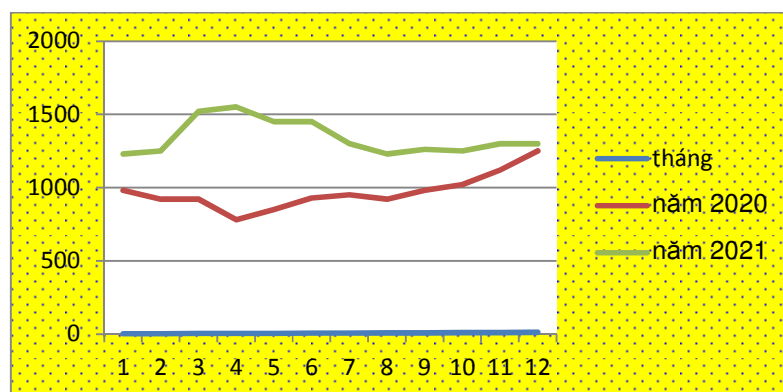
### I. Tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

#### 1) Những thay đổi của môi trường kinh doanh và các giải pháp đã thực thi đạt hiệu quả:

|   | <i>Tình hình môi trường kinh doanh 2021</i>   | <i>Nhóm giải pháp đã thực thi</i>   |
|---|---|---|
| ✚ | Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 trên toàn cầu, giá các nguyên liệu chủ yếu của sản xuất bao bì PP trong năm 2021 diễn biến tăng mạnh trong quý 2, giảm dần trong quý 3 nhưng vẫn duy trì ở mức cao trong quý 4. Giá bình quân năm 2021 tăng 38% so với năm 2020.   | Kiểm soát chi phí mua hàng và mức tồn kho, điều chỉnh cơ cấu sản phẩm tùy theo tình hình, tiếp thị khách hàng thị trường mới, cải tiến kỹ thuật nhằm giảm chi phí SX, giá bán cạnh tranh.   |
| ✚ | Thị trường XUẤT KHẨU : Sau Tết giá hạt nhựa tăng đột biến, việc nhận đơn hàng khó khăn, giá thành cao, nhu cầu khách hàng thấp do dịch Covid-19 cả thế giới. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam căng thẳng kéo dài từ tháng 6 đến tháng 9, nhà máy phải sản xuất 3 tại chỗ, hạn chế di chuyển. Điều này gây trở ngại lớn trong khâu xuất kho và kéo container từ nhà máy ra cảng. Bên cạnh đó, tình trạng thiếu container rỗng tiếp tục kéo dài từ cuối năm 2020 đến suốt năm 2021, giá cước tiếp tục tăng cao, dẫn đến việc công ty phải tồn kho số lượng lớn hàng thành phẩm chờ cấp container rỗng để xuất hàng và chịu lỗ chi phí cước tàu. | Kiểm soát tồn kho, điều chỉnh kế hoạch sản xuất để giảm lượng tồn kho, linh hoạt trong đàm phán và điều chỉnh lịch book container để giảm thiểu tồn thất chi phí do cước tàu tăng cao.  |
| ✚ | Thị trường NỘI ĐỊA : Ngành thức ăn gia súc, thủy sản chịu nhiều chi phí đầu vào cao do nguồn nguyên liệu đầu vào chủ yếu nhập khẩu, xu thế các công ty sản xuất thức ăn đầu tư khép kín từ chăn nuôi đến cung cấp thịt.<br><br>Nhìn chung các tháng đều vượt kế hoạch chỉ riêng tháng 07-09/2021 chịu ảnh hưởng khó khăn nhiều do phải tổ chức sản xuất 03 tại chỗ.   | Liên tục tìm kiếm khách hàng mới tiềm năng trong ngành thức ăn gia súc – thủy sản (có thêm một số khách hàng lớn - mới tiềm năng như Công ty Cargill, Cty De Heus, Cty Uni President, Cty Tiên Đại Phát, Cty BioMar Việt Úc. Ngoài ra Cty CJ Việt Nam cũng đã giới thiệu CJ Indonesia và CJ Philippine liên hệ đến TDH), đẩy mạnh tăng thị phần ở những khách hàng cũ |



## DIỄN BIẾN THỊ GIÁ NGUYÊN LIỆU PP – NĂM 2021 (usd/tấn)



- Giá PP bình quân năm 2021 tăng rất nhiều, cao hơn giá bình quân năm 2020 tới 38%

### 2) Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

#### a) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021:

| TT | Chỉ tiêu                | Kế hoạch 2021 | Thực hiện 2021 | % So với Kế hoạch |
|----|-------------------------|---------------|----------------|-------------------|
| 1  | Sản lượng bao bì (tấn)  | 16,214        | 18,465         | 114%              |
| 2  | Doanh thu: (triệu đồng) | 704,608       | 864,229        | 123%              |
| 3  | Lợi nhuận: (triệu đồng) | 20,000        | 15,201         | 76%               |

#### Trong đó:

- Tổng sản lượng thực hiện : 18.465 tấn (tăng 14% so với kế hoạch năm).
  - Sản lượng XK đạt : 9.177 tấn, chiếm 49,7% tổng sản lượng.
  - Sản lượng nội địa : 9.288 tấn, chiếm 50,3% tổng sản lượng.
- Tổng doanh thu bán hàng : 864.229 triệu đồng (tăng 23% so với kế hoạch năm).
  - Doanh thu XK : 482.958 triệu đồng chiếm 56% tổng doanh thu.
  - Doanh thu nội địa : 381.270 triệu đồng chiếm 44% tổng doanh thu.

#### b) So sánh kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu giữa năm 2021 với năm 2020:

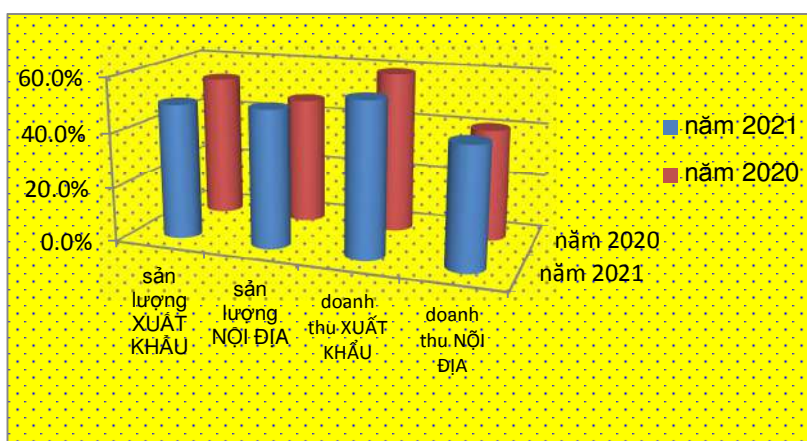
| TT | Chỉ tiêu                | Thực hiện 2021 | Thực hiện 2020 | So sánh 2021/2020 |
|----|-------------------------|----------------|----------------|-------------------|
| 1  | Sản lượng bao bì (tấn)  | 18,465         | 18,657         | 99%               |
| 2  | Doanh thu: (triệu đồng) | 864,229        | 845,300        | 102%              |
| 3  | Lợi nhuận: (triệu đồng) | 15,200         | 21,789         | 70%               |

✚ Cơ cấu sản lượng và doanh thu theo khu vực thị trường đạt được như sau:

| Sản lượng bán ra      | Tấn           | %           |
|-----------------------|---------------|-------------|
| Xuất khẩu             | 9,177         | 49.7%       |
| Nội địa               | 9,288         | 50.3%       |
| <b>Tổng sản lượng</b> | <b>18,465</b> | <b>100%</b> |

| Doanh thu bán ra      | Triệu đồng     | %           |
|-----------------------|----------------|-------------|
| Xuất khẩu             | 482,958        | 56%         |
| Nội địa               | 381,270        | 44%         |
| <b>Tổng doanh thu</b> | <b>864,229</b> | <b>100%</b> |

## CƠ CẤU SẢN LƯỢNG & DOANH THU THEO KHU VỰC THỊ TRƯỜNG



## II. Tổ chức và nhân sự

### 1) Danh sách Ban điều hành và tỷ lệ sở hữu cổ phiếu Nhựa Tân Đại Hưng (31/12/2021)

| TT | Họ và tên                | Giới tính | Năm sinh | Chức Danh      | Số lượng cp sở hữu cổ phần có biểu quyết | Tỷ lệ % |
|----|--------------------------|-----------|----------|----------------|--|---------|
| 1  | Ông Phạm Văn Mẹo         | Nam       | 1963     | Tổng Giám đốc  | 55,000                                   | 0,23%   |
| 2  | Bà Tôn Thị Hồng Minh     | Nữ        | 1974     | Phó Tổng GD    | 704,000                                  | 2,88%   |
| 3  | Bà Nguyễn Thị Thanh Loan | Nữ        | 1962     | Kế Toán Trưởng | 177,160                                  | 0,73%   |

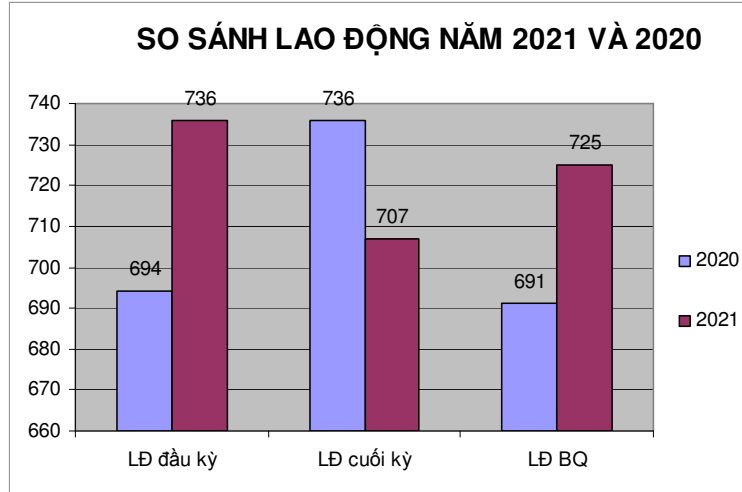
(tóm tắt lý lịch có trong phần quản trị công ty)

### 2) Những thay đổi trong ban điều hành:

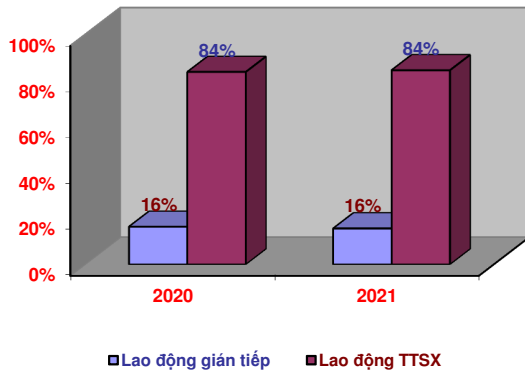
- Trong năm 2021, Bầu bổ sung 01 thành viên mới là Bà Doanh Thúy Oanh thay thế Bà Đoàn Thị Hồng là thành viên cũ xin từ nhiệm.
- Nhân sự khác của Ban giám đốc và các trưởng bộ phận của Công ty không thay đổi, thường xuyên hợp tác chia sẻ thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

### 3) Số lượng cán bộ, nhân viên và tóm lược chính sách đối với người lao động:

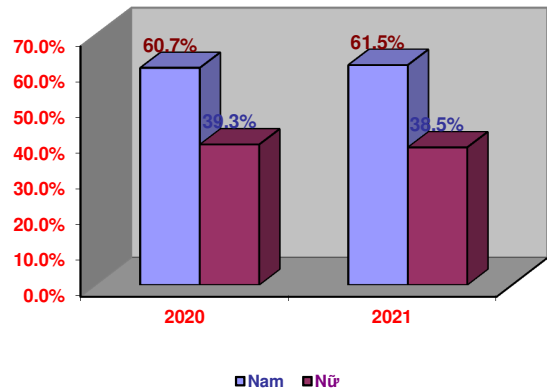
- Tổng số lao động trong công ty làm việc tại thời điểm ngày 31/12/2021 là 707 người: gồm 435 lao động nam, 272 lao động nữ. Trong đó lao động trực tiếp 597 lao động chiếm tỷ lệ 84% trên tổng số lao động (xem thêm chi tiết phần bên dưới).
- Tóm lược các Chính sách đối với người lao động (xem thêm chi tiết phần bên dưới):
  - Công ty đảm bảo thực hiện đầy đủ các chính sách theo luật lao động.
  - Lãnh đạo công ty luôn chú trọng ổn định việc làm, tiếp tục nâng cao thu nhập thông qua hiệu quả sản xuất, làm việc; có những chính sách khuyến khích sáng kiến cải tiến, thâm niên, thưởng thành tích định kỳ và đột xuất.
  - Định kỳ tổ chức các hoạt động vui chơi thể thao, văn nghệ trong nội bộ và giao lưu với các doanh nghiệp khác trong cụm công nghiệp.



**Biểu đồ cơ cấu theo tính chất công việc**



**Biểu đồ cơ cấu theo giới tính**



### III. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

#### 1) Các khoản đầu tư góp vốn.

Trong năm 2020 Công ty không có bổ sung vốn kinh doanh.

#### 2) Các khoản đầu tư cổ phiếu thể hiện như sau:

Các khoản đầu tư cổ phiếu công ty nắm giữ đến ngày 31/12/2021 như sau: (Đvt: đồng)

| Đơn vị đầu tư                       | Mã Cổ Phiếu | Cuối năm 2021 |                | Đầu năm 2021 |                |
|-------------------------------------|-------------|---------------|----------------|--------------|----------------|
|                                     |             | Số lượng      | Giá Trị        | Số lượng     | Giá Trị        |
| Ngân hàng TMCP Á Châu               | ACB         | 3             | 198,949        | 3            | 198,949        |
| Ngân Hàng TMCP XNK Việt Nam         | EIB         | 7             | 1,018,448      | 7            | 1,018,448      |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam | Trái phiếu  |               | 17,000,000,000 |              | 14,000,000,000 |

#### 3) Các công ty con, công ty liên kết:

- Công Ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/ vốn góp của Công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng: không có.
- Công Ty Cổ Phần Nhựa Tân Đại Hưng không liên kết với Công ty nào khác.
- Công ty con:
  - ✓ Công Ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng đầu tư và đang sở hữu 100% vốn điều lệ 45 tỷ đồng của “ Công Ty TNHH TĐH” GCNĐKKD số: 5002000837 do Sở KHĐT Tỉnh Long An cấp ngày 22/05/2006, địa chỉ Lô C11 – C15 Cụm Công Nghiệp Nhựa Đức Hòa, Long An.



- Tình hình hoạt động của công ty TNHH TĐH ổn định (thực chất đây là nhà máy sản xuất bao bì và kho hàng của Công ty Cổ phần nhựa Tân Đại Hưng),
- Công ty “con” hàng năm đều được kiểm toán và báo cáo cùng với công ty “Mẹ” để có báo cáo tài chính hợp nhất và công bố thông tin minh bạch (xem phần báo cáo tài chính).



#### IV. Tình hình tài chính

##### 1) Tình hình tài chính

(Đvt: đồng)

| Chỉ tiêu                          | Năm 2020        | Năm 2021        | So sánh 2021/2020 |
|-----------------------------------|-----------------|-----------------|-------------------|
| Tổng giá trị tài sản              | 701,465,593,551 | 749,101,035,092 | 106.79%           |
| Doanh thu thuần                   | 868,265,115,522 | 895,836,126,639 | 103.18%           |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 25,834,308,167  | 18,473,356,397  | 71.51%            |
| lợi nhuận khác                    | 1,707,573,780   | 749,389,900     | 43.89%            |
| lợi nhuận trước thuế              | 27,541,881,947  | 19,222,746,297  | 69.79%            |
| lợi nhuận sau thuế                | 21,789,425,093  | 15,201,049,511  | 69.76%            |

##### 2) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Chỉ tiêu - chỉ số                               | 2020    | 2021    | Ghi chú   |
|---|---------|---------|-----------|
| <b>Tổng Tài Sản</b>                             |         |         |           |
| Tài sản ngắn hạn/Tổng Tài Sản (%)               | 67.32%  | 71.59%  | Tăng      |
| Tài sản Dài hạn/Tổng Tài Sản (%)                | 32.68%  | 28.41%  | Giảm      |
| <b>Nợ phải trả</b>                              |         |         |           |
| Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn (%)                  | 51.59%  | 55.05%  | Tăng      |
| Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn (%)               | 48.41%  | 44.95%  | Giảm      |
| Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (%)                  | 106.59% | 122.46% | Tăng      |
| <b>Tỷ Số Lợi nhuận</b>                          |         |         |           |
| Tỷ Số Lợi nhuận/ST/Doanh thu thuần (LN biên)    | 2.51%   | 1.70%   | Giảm      |
| Tỷ Số Lợi nhuận/ tổng tài sản (ROA)             | 3.11%   | 2.03%   | Giảm      |
| Tỷ Số Lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu (ROE)           | 6.42%   | 4.51%   | Giảm      |
| Tỷ Số Lợi nhuận/ Vốn Cổ phần                    | 8.92%   | 6.22%   | Giảm      |
| <b>Chỉ tiêu khả năng thanh toán</b>             |         |         |           |
| Tỷ số khả năng thanh toán nhanh                 | 1.30    | 1.30    | không đổi |
| Tỷ số khả năng thanh toán = tiền mặt            | 0.81    | 0.67    | Giảm      |
| <b>Chỉ tiêu năng lực hoạt động</b>              |         |         |           |
| Vòng quay hàng tồn kho (giá vốn/hàng tồn khoBQ) | 4.01    | 3.71    | Giảm      |
| Doanh thu thuần trên tổng tài sản               | 123.78% | 119.59% | Giảm      |

## V. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

### 1) Cổ phần:

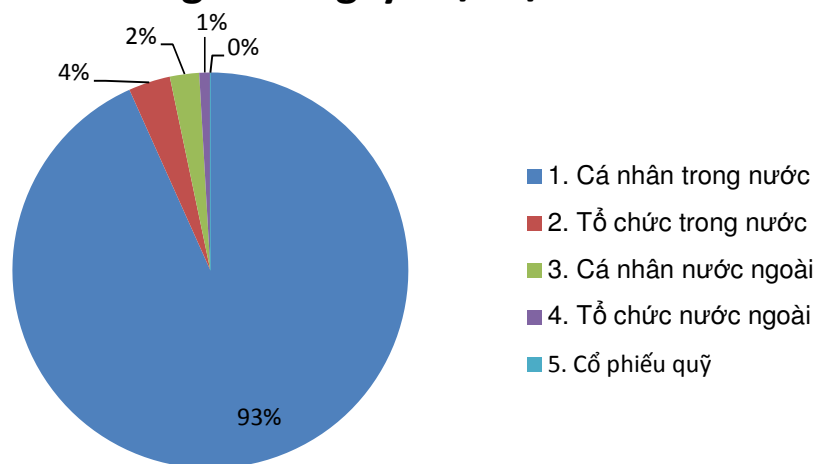
| Cổ Phiếu Công Ty Cổ Phần Nhựa Tân Đại Hưng     | Số Cổ phiếu |
|--|-------------|
| Tổng số cổ phần phát hành                      | 24.430.596  |
| Số cổ phần đang lưu hành (chuyển nhượng tự do) | 22.516.956  |
| Số Cổ phần Cổ phiếu quỹ nắm giữ                | 1.913.640   |
| Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng               | 00          |
| Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài           | 00          |

### 2) Cơ cấu cổ đông:

(Theo danh sách do TTLKCK TPHCM chốt ngày 16/03/2022)

| Loại cổ đông                  | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phần  | Tỷ lệ (%) sở hữu cổ phiếu | TS quyền biểu quyết | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|-------------------------------|------------------|-------------------|---------------------------|---------------------|------------------------|
| <b>I. Cổ đông trong nước</b>  | <b>648</b>       | <b>22,086,654</b> | <b>90.41%</b>             | <b>22,086,654</b>   | <b>98.09%</b>          |
| 1. Cá nhân                    | 625              | 19,163,282        | 78.44%                    | 19,163,282          | 85.11%                 |
| 2. Tổ chức                    | 23               | 2,923,372         | 11.97%                    | 2,923,372           | 12.98%                 |
| <b>II. Cổ đông nước ngoài</b> | <b>22</b>        | <b>430,302</b>    | <b>1.76%</b>              | <b>430,302</b>      | <b>1.91%</b>           |
| 1. Cá nhân                    | 16               | 383,452           | 1.57%                     | 383,452             | 1.70%                  |
| 2. Tổ chức                    | 6                | 46,850            | 0.19%                     | 46,850              | 0.21%                  |
| <b>III. Cổ phiếu quỹ</b>      |                  | <b>1913640</b>    | <b>7.83%</b>              | <b>0</b>            | <b>0%</b>              |
| <b>TỔNG CỘNG</b>              | <b>670</b>       | <b>24,430,596</b> | <b>100.00%</b>            | <b>22,516,956</b>   | <b>100.00%</b>         |

### Cơ cấu Cổ Đông theo danh sách cổ đông chốt ngày 16/03/2022



### 3) Các cổ đông lớn của công ty:

| TT | Tên cổ đông     | Quốc tịch | TSCP sở hữu | % Sở hữu/TSCP |
|----|-----------------|-----------|-------------|---------------|
| 1  | Lê Thị Mỹ Hạnh  | Việt Nam  | 3.382.590   | 13,85%        |
| 2  | Phạm Trung Cang | Việt Nam  | 3.223.220   | 13,19%        |
| 3  | Trương Thị Lệ   | Việt Nam  | 1.237.740   | 5,11%         |

### 4) Tình hình giao dịch liên quan của các “Cổ đông lớn” và “cổ đông nội bộ”:

Không có phát sinh giao dịch

**5) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu :**

| Vốn chủ sở hữu       | Vốn góp của Chủ Sở Hữu | Thặng dư vốn Cổ phần | Cổ phiếu quỹ     | Cộng            |
|----------------------|------------------------|----------------------|------------------|-----------------|
| Số dư đầu năm trước  | 244,305,906,000        | 82,683,222,451       | (24,593,180,860) | 302,395,947,591 |
| Số dư cuối năm trước | 244,305,906,000        | 82,683,222,451       | (24,593,180,860) | 302,395,947,591 |
| Số dư đầu năm nay    | 244,305,906,000        | 82,683,222,451       | (24,593,180,860) | 302,395,947,591 |
| Số dư cuối năm nay   | 244,305,906,000        | 82,683,222,451       | (24,593,180,860) | 302,395,947,591 |

**6) Giao dịch cổ phiếu quỹ:**

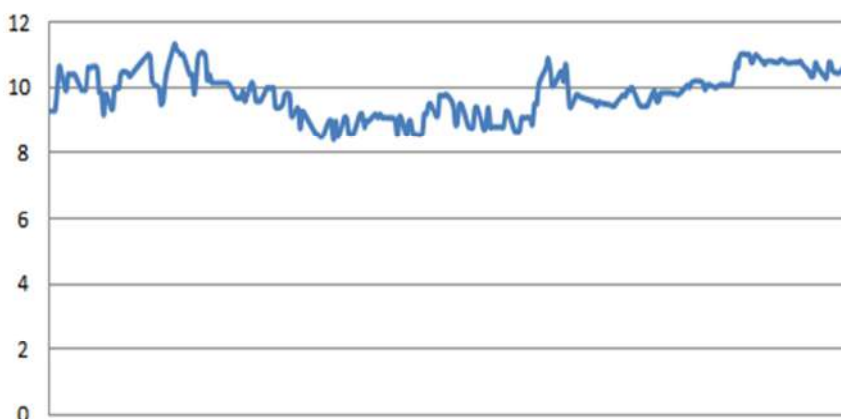
Trong năm 2021, Công ty đã không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

**7) Tình hình giao dịch cổ phiếu TPC trên sàn HOSE năm 2021.**

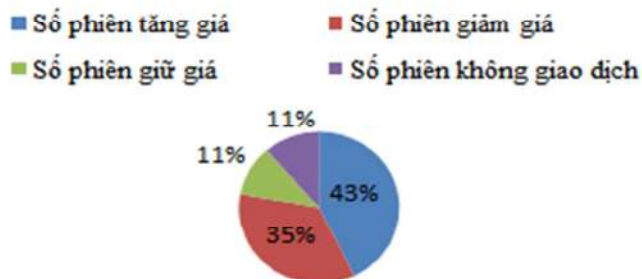
**Tình hình giao dịch cổ phiếu TPC của công ty trên sàn HOSE năm 2021:**

Theo ảnh hưởng chung của Thị trường chứng khoán Việt Nam, tổng khối lượng giao dịch và tổng giá trị giao dịch của cổ phiếu TPC năm 2021 đều tăng; bình quân giá giao dịch cả năm tăng 5.5% so với năm 2020, giá đóng cửa phiên cuối năm là 10.550 đồng tăng 550 đồng với phiên mở cửa đầu năm.

**Biểu đồ thị giá TPC năm 2021 (HOSE)**



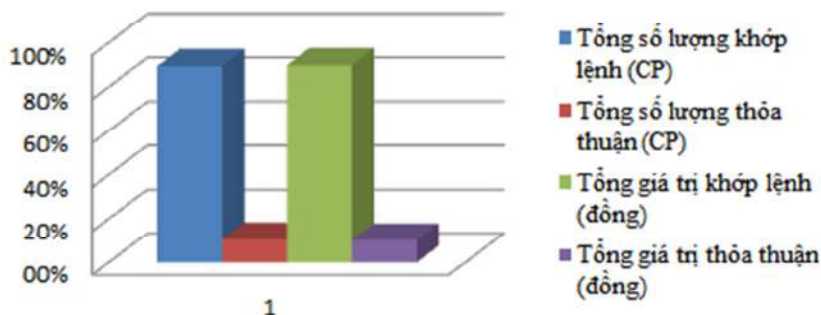
**Cơ cấu giá trị giao dịch TPC 2021**





| <b>THÔNG KÊ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TPC NĂM 2021</b> |                       |
|---|-----------------------|
| <i>Chỉ tiêu</i>                                 | <b>2021</b>           |
| TS phiên tăng giá                               | <b>136</b>            |
| TS phiên giảm giá                               | <b>112</b>            |
| TS phiên giữ giá                                | <b>34</b>             |
| TS phiên không GD                               | <b>36</b>             |
| Tổng KLGĐ khớp lệnh (cp)                        | <b>1.040.600</b>      |
| Tổng GTGD khớp lệnh (đồng)                      | <b>10.545.000.000</b> |
| Bình quân GTGDK.L/CP (đồng)                     | <b>10.134</b>         |
| Tổng KLGĐ thỏa thuận (cp)                       | <b>123.220</b>        |
| Tổng GTGD thỏa thuận (đồng)                     | <b>1.194.570.000</b>  |
| Bình quân GTGDTT/CP (đồng)                      | <b>9.695</b>          |
| Thị giá mở cửa 04/01/2021                       | <b>10.000</b>         |
| Thị giá đóng cửa 31/12/2021                     | <b>10.550</b>         |
| So sánh thị giá 2021 (cuối-đầu)                 | <b>550</b>            |
| Thay đổi giá trị vốn hóa tương ứng (đồng)       | <b>13.436.827.800</b> |

**Cơ cấu phương thức giao dịch TPC 2021**



**So sánh giao dịch cổ phiếu TPC giữa năm 2021 với năm 2020.**

| <b>THÔNG KÊ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TPC NĂM 2020-2021</b> |                 |                 |                          |
|--|-----------------|-----------------|--------------------------|
| <i>Hạng mục</i>                                      | <b>Năm 2020</b> | <b>Năm 2021</b> | <b>So sánh 2021/2020</b> |
| <i>TS phiên tăng giá</i>                             | 27,62%          | 42,77%          | <b>55%</b>               |
| <i>TS phiên giảm giá</i>                             | 51,40%          | 35,22%          | <b>-31%</b>              |
| <i>TS phiên giữ giá</i>                              | 7,34%           | 10,69%          | <b>46%</b>               |
| <i>TS phiên không GD</i>                             | 13,64%          | 11,32%          | <b>-17%</b>              |
| <i>Tổng KL giao dịch</i>                             | 459.920         | 1.163.820       | <b>153%</b>              |
| <i>Tổng GT giao dịch</i>                             | 3.856.000.000   | 11.739.570.000  | <b>204%</b>              |
| <i>Bình quân GTGD</i>                                | 8.384           | 10.087          | <b>20%</b>               |

**8) Các chứng khoán khác:**

- Trong năm Công Ty không có giao dịch các Chứng khoán khác.

- Tháng 11 năm 2021 Công ty chỉ đầu tư mua thêm trái phiếu dài hạn do Ngân Hàng Công Thương Việt Nam phát hành với Trị giá 3 tỷ đồng, nâng tổng tổng số trái phiếu đến 31/12/2021 là 17 tỷ đồng so với năm 2020 là 14 tỷ

## VI. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

### 1) Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a/ Tổng nguyên liệu được sử dụng năm 2021: 13,560,000 Kg

Tổng khối lượng sử dụng nguyên liệu năm 2021 gần như tương đương năm 2020 (13,522,533 kg)

b/ Tỷ lệ nguyên liệu tái chế được sử dụng sản xuất năm 2021: 15.3%

Tỷ lệ trên tương đương tỉ lệ sử dụng năm 2020 (15.41%).

### 2) Tiêu thụ năng lượng:

- a) Bảo trì bảo dưỡng thường xuyên hệ thống các TỤ BÙ của các trạm điện , Đảm bảo hệ  $\text{Cos}\Psi > 0.9$  .

Đẫn đến công ty không bị điện lực phạt ( Mua CS phản kháng) như các năm trước

- b) Gắn các thiết bị tự động mở theo giờ sử dụng hơi hiệu quả tránh lãng phí

- c) NĂM 2021 sử dụng tổng cộng **16,635,700Kw** điện ( Đo đếm trên đồng hồ điện lực )

- o Năm 2021 do ảnh hưởng của dịch Covid , công ty thực hiện 3T ( 3 tại chỗ ) sử dụng điện sinh hoạt nhiều, Máy móc hoạt động trong thời gian 3T không liên tục – đóng mở nhiều lần nhất là các dòng máy gia nhiệt như kéo sợi - tráng

d) Báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (xem thêm chi tiết phần bên dưới):

| STT | Nội dung- hạng mục  | Thuộc PX  | Phụ trách thực hiện | Kết quả               | Hiệu quả mang lại  |
|-----|---|-----------|---------------------|-----------------------|--|
| 1   | Thay thế dàn kéo lớn máy KS Đài Loan ( kéo sợi cho máy dệt lưới tròn )  | KS        | PCĐ, và PX kéo sợi  | Hoàn thành            | Chất lượng chỉ ổn định hơn về độ đồng đều bản chỉ  |
| 2   | Chế tạo làm mới thêm 06 dàn cuốn máy dệt – để dệt 02 cuộn   | Dệt       | PCĐ                 | Hoàn thành            | Tăng sản lượng vải dệt manh, Giảm công banh vải  |
| 3   | Lắp toàn bộ hệ thống báo thoi cho toàn bộ 55 máy CS và 10 máy TQ 6 thoi   | Dệt       | PCĐ                 | Hoàn thành 65 máy     | Giảm phế liệu dệt , Công nhân vận hành máy được khỏe hơn                                 |
| 4   | Thay đổi kết cấu lô in lấy mực  | In        | PCĐ, PX             | Hoàn thành cho 10 máy | Giảm gãy lô ( giảm chi phí vật tư , giảm thời gian ngừng máy sửa chữa, tăng sản lượng in |
| 5   | Cải tiến dàn băng tải ra bao in trên máy in Olger   | In        | PCĐ, PX             | Hoàn thành 03 máy     | Giảm lêm lệch bao, giảm phế do lệch bao,   |
| 6   | Nâng cấp máy cắt túi PE tự động chuyên động cơ , sang điều khiển motor step   | PE        | PCĐ                 | Hoàn tất 03 cụm máy   | Tăng sản lượng, ổn định chiều dài cắt  |
| 7   | Cải tiến các bộ phận trộn liệu, dàn cuốn để các máy đầu tư mới : Máy chỉ Hengly, và máy tráng Yongming đưa vào hoạt động được | KS, Tráng | PCĐ                 | Hoàn tất              | Đã đưa vào hoạt động ổn định   |
| 8.  | Cải tiến kết cấu trống in Olger để phù hợp với lực ép khi in không bị mộp trống in  | PX In     | PCĐ                 | Hoàn tất 3 máy        | Đã hoạt động ổn định, tăng sản lượng, giảm thời gian canh chỉnh mẫu                      |

### 3) Tiêu thụ nước:

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Trụ sở văn phòng sử dụng nguồn nước của TPHCM, nhà máy sử dụng nguồn nước của khu công nghiệp.
- **Nước sử dụng năm 2021** : là 94,848 m<sup>3</sup>/ Năm, so với năm 2020 là 71,576 m<sup>3</sup>/ Năm, tăng 33% do sinh hoạt trong thời gian thực hiện 3T

#### 4) **Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

Công ty không bị xử phạt vi phạm liên quan đến việc tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

#### 5) **Chính sách liên quan đến người lao động**

##### a) **Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.**

- **Tổng số lao động của công ty là 707 người:** gồm 435 lao động nam , 272 lao động nữ . Trong đó lao động trực tiếp 597 lao động chiếm tỷ lệ 84% trên tổng số lao động.
- Tổng số lao động năm 2021 giảm 3.9% so với năm 2020, do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh CoVid-19.
- **Thu nhập trực tiếp của CBNV bình quân năm 2021:** Tương đương năm 2020, riêng CNSX có giảm nhẹ không đáng kể so với năm 2020 (8.670.000 đồng /người /tháng so với năm 2020 là 8.700.000 đồng /người /tháng) do ảnh hưởng tình hình dịch Covid-19.

##### b) **Chính sách nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.**

- Chế độ đóng BHXH, BHYT, BHTN:** công ty trích đóng thay các khoản bảo hiểm bảo hiểm này cho toàn bộ cho người lao động (đây là chính sách đặc biệt so với các doanh nghiệp khác).
- Các chế độ thưởng:** lương tháng 13 (mức bình quân thu nhập tháng trong năm), thưởng thâm niên, thưởng thành tích ABC (từ 1 đến 2 tháng thu nhập),
- Các chế độ chăm sóc, phúc lợi khác:**
  - Có xe đưa rước CB-CNV từ các điểm tập trung đến nơi làm việc.
  - Đảm bảo thời gian nghỉ giữa ca, chế độ phép năm, chế độ phụ cấp tăng ca.
  - Tổ chức tham quan nghỉ mát và khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động; tặng quà tất cả dịp lễ tết (30/4, 2/9, tết Dương lịch, tết Âm lịch); có chế độ trợ cấp hợp lý các trường hợp tang chế, ma chay, cưới hỏi, thai sản, tai nạn lao động.
  - Tổ chức bếp ăn tập thể với diện tích 500m<sup>2</sup> trong khuôn viên công ty (bố trí 08 nhân viên nấu ăn & phục vụ, cung cấp bữa ăn giữa ca miễn phí cho CB-CNV Công ty, bếp ăn đạt GCN an toàn vệ sinh thực phẩm qua kiểm tra của ngành y tế địa phương).
  - Khu lưu trú với 50 phòng (gồm 40 phòng diện tích 60 m<sup>2</sup> /phòng và 20 phòng diện tích 32 m<sup>2</sup> /phòng) phục vụ chỗ ở miễn phí cho CB-CNV có nhu cầu. Tổng số CB-CNV ở lại khu lưu trú hiện nay là 343 người và một số người thân (48.5% tổng số lao động, chủ yếu là công nhân nhà ở xa).
  - Công đoàn Công ty phối hợp với công đoàn huyện trao các phần quà cho các gia đình CB-CNV khó khăn nhưng có con vượt khó đạt học sinh giỏi /tiên tiến. Thực hiện tổ chức thăm viếng các gia đình có tang gia, phát quà 8/3 cho chị em phụ nữ .v.v...
  - Thực hiện các chế độ trong năm.
  - Riêng năm 2021 do tình hình dịch Covid-19 bùng phát mạnh tại các tỉnh phía nam, UBND tỉnh chỉ đạo các doanh nghiệp phải sản xuất 3 tại chỗ. Công ty cũng lập phương án & thực hiện sản xuất 3 tại chỗ & chăm lo các chế độ chính sách đầy đủ trong thời gian sản xuất 3T (Thực hiện chi trả lương đầy đủ, thưởng cho các Anh /chị em CB-CNV tham gia sản xuất 3T, cung cấp đầy đủ suất ăn ngày 3 bữa cho CB-CNV, bố trí sắp xếp chỗ ăn ở, chăm lo y tế và các biện pháp phòng chống dịch theo yêu cầu của Bộ y tế & thông báo hướng dẫn của UBND tỉnh Long An)

| STT | Chế độ                          | Số trường hợp | Số tiền (VNĐ)      |
|-----|---------------------------------|---------------|--------------------|
| 1   | Tham quan nghỉ mát              | 707           | 357,600,000        |
| 2   | Mừng Quốc tế phụ nữ 8/3         | 272           | 68,500,000         |
| 3   | Mừng ngày phụ nữ Việt Nam 20/10 | 272           | 68,200,000         |
| 4   | Ma chay, cưới hỏi, thai sản     | 34            | 13,800,000         |
|     | <b>Tổng cộng</b>                |               | <b>508,100,000</b> |





*Hình ảnh hoạt động đội bóng đá phong trào của công ty*

### **c) Hoạt động đào tạo người lao động**

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên như sau:
  - Đào tạo công nhân mới: 119 người, trong đó đào tạo lý thuyết là 238 giờ, đào tạo thực hành đứng máy là 5.712 giờ.
  - Đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân: 50 người, trong đó đào tạo lý thuyết là 100 giờ, đào tạo thực hành là 300 giờ.
  - Tái đào tạo về ATLD & vệ sinh lao động cho tất cả CNSX: 24 giờ.
  - Tái đào tạo về ATLD & vệ sinh lao động cho tất cả đội ngũ quản lý & nhân viên nghiệp vụ kỹ thuật: 24 giờ.
- Đào tạo khác:
  - Đào tạo về sử dụng an toàn hóa chất (theo hệ thống MSDS), sơ cấp cứu, công tác an toàn PCCC, chính sách về trách nhiệm xã hội BSCI & nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật cho đội ngũ quản lý và kỹ thuật Công ty, quản lý hệ thống chất lượng Công ty.
  - Các chương trình phát triển kỹ năng (đa dạng tay nghề, có thể làm nhiều nghề tùy công nhân đăng ký, nhân viên đi học nâng cao nghiệp vụ) và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

### **6) Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.**

- Công ty thu gom và tái chế và sử dụng lại 100% phế liệu phế phẩm, không xả nước thải trực tiếp vào môi trường, hệ thống thoát nước sinh hoạt được thu gom chung vào hệ thống của cụm công nghiệp, tất cả chất thải rắn khác đều được công ty thu gom, tập trung và hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý (kể cả tại khu lưu trữ); nghiên cứu áp dụng các công thức nguyên liệu để tăng dần tỷ lệ sử dụng nguyên liệu tái sinh hiệu quả nhằm giảm giá thành.
- Không ngừng cải tiến công nghệ MMTB kỹ thuật trong sản xuất, để giảm thiểu cường độ lao động và an toàn lao động trong sản xuất.
- Ưu tiên giải quyết việc làm tại địa phương, thông tin và vận động CBCNV góp phần giữ gìn ANTT, an toàn giao thông, xây dựng lối sống văn hóa trong quan hệ với dân cư địa phương.
- Tham gia các cuộc vận động từ thiện (với mức độ khác nhau): chăm sóc trẻ em nghèo do Hiệp Hội Nhựa Việt Nam tổ chức, các cuộc vận động của các địa phương (tru sở và nhà máy) ủng hộ xây dựng nhà tình thương để ủng hộ chăm lo Tết cho người nghèo; hỗ trợ công đoàn Huyện Đức Hòa Long An trao học bổng cho con em CB-CNV gia đình khó khăn nhưng vượt khó (học sinh giỏi 3 năm liền).
- Trong năm 2021, Các Thành viên Hội đồng Quản Trị và quỹ quỹ Thiện Tâm đã tài trợ 750 suất học bổng cho trẻ em nghèo hiếu học các tỉnh, tài trợ 30 trường hợp mô tim cho trẻ em nghèo. Ngoài ra quỹ cũng tham gia đóng góp vào các chương trình từ thiện khác như : tặng 11 máy thở và 03 máy monitor, cho các bệnh viện địa phương để chữa bệnh nhân covid-19, trao tặng 2.200 phần quà cho các hộ khó khăn trong đợt đại dịch toàn tp.Hồ Chí Minh. Tổng số tiền tài trợ của Quỹ Thiện Tâm trong năm 2021 lên đến 4,694 triệu đồng, (trong đó Các Thành Viên HĐQT đã đóng góp 2.055 triệu đồng)

| TỔNG KẾT THỰC HIỆN TÀI TRỢ NĂM 2021 |  |     |          |                      |
|-------------------------------------|--|-----|----------|----------------------|
| STT                                 | NỘI DUNG   | ĐVT | NĂM 2021 |                      |
|                                     |  |     | SỐ LƯỢNG | THÀNH TIỀN           |
| 1                                   | TÀI TRỢ GIÁO DỤC   | HS  | 750      | 896,500,000          |
| 2                                   | TÀI TRỢ Y TẾ   | TH  | 30       | 954,000,000          |
| 3                                   | TÀI TRỢ KHÁC   | TH  |          | 2,844,060,000        |
|                                     | <b>TỔNG CỘNG</b>   |     |          | <b>4,694,560,000</b> |
|                                     | <b>Trong đó: Tài trợ khác gồm</b>                                |     |          | <b>2,844,060,000</b> |
|                                     | Tặng 11 máy thở , 03 máy Monitor cho BV để chữa bệnh nhân covid  |     |          | 2,395,000,000        |
|                                     | Hiệp Hội Nhựa Việt Nam (Tài trợ chăm lo tết Các Em Khuyết tật)   |     |          | 20,000,000           |
|                                     | Hội Chữ Thập Đỏ Các Huyện ( 2.200 phần quà trong đợt dịch Covid) |     |          | 429,060,000          |



*Hình ảnh hoạt động của  
Quỹ Thiện Tâm  
Trao quỹ học bổng cho học  
sinh nghèo các tỉnh*



*Hình ảnh hoạt động của  
Quỹ Thiện Tâm  
tài trợ chương trình MỠ  
TIM cho trẻ Em nghèo*

## Phần III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### I. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2021

#### 1) Phân tích tổng quan.

##### a) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính như sau ( bảng 1): (Đvt: đồng)

| Chỉ tiêu                | Thực hiện 2021 | Kế hoạch 2021 | Thực hiện 2020 | % So với Kế hoạch | % So với TH Năm trước |
|-------------------------|----------------|---------------|----------------|-------------------|-----------------------|
| Sản lượng bao bì (tấn)  | 18,465         | 16,214        | 18,657         | 113.88%           | 98.97%                |
| Doanh thu: (triệu đồng) | 864,229        | 704,608       | 845,300        | 122.65%           | 102.24%               |
| Lợi nhuận: (triệu đồng) | 15,201         | 20,000        | 21,789         | 76.01%            | 69.76%                |

##### b) Kết quả hoạt động năm 2021 (bảng 2):

(Đvt: đồng)

| TT | Chỉ tiêu chủ yếu                                    | Năm 2020        | Năm 2021        | Tỷ lệ +/- |
|----|---|-----------------|-----------------|-----------|
| 1  | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ              | 868,265,115,522 | 895,836,126,639 | 103.18%   |
| 2  | Các khoản giảm trừ doanh thu                        |                 |                 |           |
| 3  | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ     | 868,265,115,522 | 895,836,126,639 | 103.18%   |
| 4  | Giá vốn hàng bán                                    | 790,357,677,273 | 816,380,387,012 | 103.29%   |
| 5  | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ       | 77,907,438,249  | 79,455,739,627  | 101.99%   |
| 6  | Doanh thu hoạt động tài chính                       | 12,648,766,343  | 17,304,383,494  | 136.81%   |
| 7  | Chi phí tài chính                                   | 9,188,647,017   | 10,092,910,045  | 109.84%   |
|    | Trong đó: chi phí lãi vay                           | 7,390,429,137   | 6,130,059,981   | 82.95%    |
| 8  | Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết |                 |                 |           |
| 9  | Chi phí bán hàng                                    | 29,442,625,931  | 41,993,659,050  | 142.63%   |
| 10 | Chi phí quản lý doanh nghiệp                        | 26,090,623,477  | 26,200,197,629  | 100.42%   |
| 11 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh             | 25,834,308,167  | 18,473,356,397  | 71.51%    |
| 12 | Thu nhập khác                                       | 1,708,059,419   | 782,422,143     | 45.81%    |
| 13 | Chi phí khác  | 485,639         | 33,032,243      |           |
| 14 | Lợi nhuận khác                                      | 1,707,573,780   | 749,389,900     | 43.89%    |
| 15 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                   | 27,541,881,947  | 19,222,746,297  | 69.79%    |
| 16 | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành        | 5,752,456,854   | 4,021,696,786   | 69.91%    |
| 17 | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại         |                 |                 |           |
| 18 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp            | 21,789,425,093  | 15,201,049,511  | 69.76%    |
| 19 | Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ                   | 21,789,425,093  | 15,201,049,511  | 69.76%    |
| 20 | Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát      |                 |                 |           |
| 21 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu                            | 968.00          | 675.00          |           |
| 22 | Lãi suy giảm trên cổ phiếu                          | 968.00          | 675.00          |           |

#### Thuyết minh: (bảng 02)

Kết quả hoạt động SXKD trong năm 2021, lợi nhuận đạt 15.201.049.511 đồng - đạt 76,01% so với kế hoạch là 20 tỷ đồng, không đạt so với kế hoạch đề ra, bởi ảnh hưởng các nguyên nhân :

Các chỉ tiêu sản lượng và doanh thu bán hàng đều vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra như sau:

- Sản lượng bán hàng: đạt 18.465 tấn, tăng 2.251 tấn so với kế hoạch là 16.214 tấn (tương ứng tăng 13,88%)
- Doanh thu bán hàng đơn vị đạt 895.836 triệu đồng, trong đó doanh thu bao bì chiếm 96,47% tương ứng 864.229 triệu đồng, tăng 159.621 triệu đồng so với kế hoạch 704.608 triệu đồng, tương ứng tỷ lệ tăng 22,65%, trong đó: hoạt động kinh doanh Xuất khẩu chiếm 55,88% là 482.958 triệu đồng trên tổng doanh thu của Công ty so với cùng kỳ năm trước chỉ tăng 2,24% mức tăng không đáng kể. Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 khiến thị trường xuất khẩu sụt giảm, khan hiếm container để xuất hàng, giá cước vận chuyển quốc tế tăng phi mã, công ty phải chia sẻ với khách hàng chịu thêm một phần chi phí giá cước, thì mới xuất được hàng để có đồng ngoại tệ thu về trả nợ tiền mua nguyên vật liệu sản xuất xuất khẩu, duy trì sản xuất, người lao động có việc làm ổn định thường xuyên.

- Chỉ tiêu lợi nhuận đạt 15,201 triệu đồng - đạt 76,01% so với kế hoạch, tương ứng số không đạt là 4.199 triệu đồng : do tình hình đại dịch covid -19 trên toàn thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Ngoài ra còn các chỉ tiêu khác như sau:
  - Chỉ tiêu doanh thu và chi phí tài chính trong năm 2021 đạt dương 7.211 triệu đồng, cũng đóng góp đáng kể đến chỉ tiêu lợi nhuận,
  - Chi phí bán hàng năm 2021 so với năm 2020 tăng 42,63 % trong khi đó năm 2020 so với năm 2019 đã tăng 25,48%, do trong năm Công ty có những đơn hàng bán hàng xuất khẩu giá CIF, chi phí cước tàu tăng vọt gấp 6 lần so với giá cước từ đầu năm 2021, cũng là những nguyên nhân ảnh hưởng đến chỉ tiêu lợi nhuận.

## 2) Những tiến bộ Công ty đạt được trong năm 2021.

- *Về Marketing:* Mặc dù năm 2021 bị ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19 & thời gian giãn cách kéo dài nhưng bộ phận Kinh doanh vẫn làm việc hiệu quả và có thêm một số khách hàng mới tiềm năng như Công ty Cargill, công ty De Heus, Công ty Uni President, Công ty Tiến Đại Phát, Công ty BioMar Việt Úc. Ngoài ra Công ty CJ Việt Nam cũng đã giới thiệu CJ Indonesia và CJ Philippine liên hệ đến Tân Đại Hưng.
- *Về chính sách lao động:* Cải tiến về chính sách tuyển dụng & Chính sách tiền lương, thu hút lao động Đặc biệt trong thời gian dài giãn cách, công ty đã nỗ lực hết mình để duy trì được hoạt động sản xuất 3 tại chỗ, góp phần giữ cho việc sản xuất kinh doanh của công ty được liên tục, không bị gián đoạn, CBCNV vẫn có việc làm và thu nhập.
- *Về Máy móc thiết bị:* cùng với đầu tư thêm một số MMTB sản xuất, áp dụng nhiều sáng kiến cải tiến MMTB mang lại nhiều kết quả rõ nét về tiết kiệm chi phí, tăng năng suất sản lượng và góp phần đảm bảo chất lượng sản phẩm.

| STT | Nội dung- hạng mục  | Thuộc PX  | Phụ trách thực hiện | Kết quả               | Hiệu quả mang lại  |
|-----|---|-----------|---------------------|-----------------------|--|
| 1   | Thay thế dàn kéo lớn máy KS Đài Loan ( kéo sợi cho máy dệt lưới tròn )  | KS        | PCĐ, và PX kéo sợi  | Hoàn thành            | Chất lượng chỉ ổn định hơn về độ đồng đều bán chỉ  |
| 2   | Chế tạo làm mới thêm 06 dàn cuộn máy dệt – để dệt 02 cuộn   | Dệt       | PCĐ                 | Hoàn thành            | Tăng sản lượng vải dệt mạnh, Giảm công banh vải  |
| 3   | Lắp toàn bộ hệ thống báo thoi cho toàn bộ 55 máy CS và 10 máy TQ 6 thoi   | Dệt       | PCĐ                 | Hoàn thành 65 máy     | Giảm phế liệu dệt , Công nhân vận hành máy được khỏe hơn                                 |
| 4   | Thay đổi kết cấu lô in lấy mực  | In        | PCD, PX             | Hoàn thành cho 10 máy | Giảm gãy lô ( giảm chi phí vật tư , giảm thời gian ngừng máy sửa chữa, tăng sản lượng in |
| 5   | Cải tiến dàn băng tải ra bao in trên máy in Olger   | In        | PCĐ, PX             | Hoàn thành 03 máy     | Giảm lêm lệch bao, giảm phế do lệch bao,   |
| 6   | Nâng cấp máy cắt túi PE tự chuyển động cơ , sang điều khiển moter step  | PE        | PCD                 | Hoàn tất 03 cụm máy   | Tăng sản lượng, ổn định chiều dài cắt  |
| 7   | Cải tiến các bộ phận trộn liệu, dàn cuộn để các máy đầu tư mới : Máy chỉ Hengly, và máy tráng Yongming đưa vào hoạt động được | KS, Tráng | PCĐ                 | Hoàn tất              | Đã đưa vào hoạt động ổn định   |
| 8.  | Cải tiến kết cấu trống in Olger để phù hợp với lực ép khi in không bị mộp trống in  | PX In     | PCD                 | Hoàn tất 3 máy        | Đã hoạt động ổn định, tăng sản lượng, giảm thời gian canh chỉnh mẫu                      |



## II. Tình hình tài chính

### 1) Tình hình tài sản

□ So Sánh giá trị tài sản và nguồn vốn tại ngày 31/12/2021 và cuối kỳ năm trước. (Bảng 3)

| TÀI SẢN                               | SỐ DƯ CUỐI<br>Năm 2020 | SỐ DƯ CUỐI<br>Năm 2021 | So Sánh                |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>A-TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>             | <b>472,203,090,811</b> | <b>536,289,534,743</b> | <b>64,086,443,932</b>  |
| I.Tiền và các khoản tương đương tiền  | 42,201,969,062         | 30,978,993,605         | (11,222,975,457)       |
| II.Các khoản đầu tư ngắn hạn          | 135,200,000,000        | 134,186,250,548        | (1,013,749,452)        |
| III.Các khoản phải thu ngắn hạn       | 108,959,550,349        | 105,076,319,422        | (3,883,230,927)        |
| IV.Hàng tồn kho                       | 179,628,103,897        | 260,194,875,672        | 80,566,771,775         |
| V.Tài sản ngắn hạn khác               | 6,213,467,503          | 5,853,095,496          | (360,372,007)          |
| <b>B.TÀI SẢN DÀI HẠN</b>              | <b>229,262,502,740</b> | <b>212,811,500,349</b> | <b>-16,451,002,391</b> |
| I.Các khoản phải thu dài hạn          | -                      | -                      | -                      |
| II.Tài sản cố định                    | 204,339,162,527        | 189,755,111,953        | (14,584,050,574)       |
| IV.Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 14,000,347,397         | 17,000,347,397         | 3,000,000,000          |
| V.Tài sản dài hạn khác                | 10,922,992,816         | 6,056,040,999          | (4,866,951,817)        |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>              | <b>701,465,593,551</b> | <b>749,101,035,092</b> | <b>47,635,441,541</b>  |
| <b>A.NỢ PHẢI TRẢ</b>                  | <b>361,915,971,054</b> | <b>412,363,927,884</b> | 50,447,956,830         |
| I.Nợ ngắn hạn                         | 361,915,971,054        | 412,363,927,884        | 50,447,956,830         |
| II.Nợ dài hạn                         | -                      | -                      | -                      |
| <b>B.VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>               | <b>339,549,622,497</b> | <b>336,737,107,208</b> | (2,812,515,289)        |
| I.Vốn chủ sở hữu                      | 339,549,622,497        | 336,737,107,208        | (2,812,515,289)        |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>            | <b>701,465,593,551</b> | <b>749,101,035,092</b> | <b>47,635,441,541</b>  |

#### \* Thuyết minh (bảng 3)

- Tổng giá trị tài sản cuối năm 2021 so với năm 2020 tăng 47.635 triệu đồng, trong đó:
- Tài sản ngắn hạn tăng 64.086 triệu đồng, chủ yếu giảm nợ phải thu và hàng tồn kho tăng 80.566 triệu đồng,
  - và tài sản dài hạn thì giảm 16.451 triệu đồng, chủ yếu do đầu tư máy móc thiết bị và tăng các khoản đầu tư dài hạn như sau:
    1. Mua mới Máy móc thiết bị 5,528 triệu đồng, chủ yếu thay thế máy cũ.
    2. Đầu tư tài sản dài hạn, mua trái phiếu kỳ hạn 8 năm là 3 tỷ đồng do Ngân Hàng Công Thương phát hành.
- Tổng nguồn vốn nợ phải trả  
Tổng nguồn vốn đến 31/12/2021 là 749 tỷ đồng so với năm 2020 là 701 tỷ đồng tăng 6,79%, Chủ yếu là tăng các khoản nợ phải trả người bán và nợ vay ngân hàng trong đó:
- Nợ phải trả người bán năm 2021 so với năm 2020 tăng 50.447 triệu đồng tương ứng tỷ lệ tăng 13,9 % chủ yếu là nợ vay ngân hàng, các khoản nợ phải trả cho nhà cung cấp trong nước tăng không đáng kể.
  - Trong năm 2021 đã chi trả cổ tức 2020 là: 18.013.564.800 đồng với tỷ lệ chi trả 800 đồng / cổ phiếu.
  - Cổ phiếu còn nắm giữ đến 31/12/2021 là: 1.913.940 cổ phiếu, tỷ lệ 7,83% trên tổng số phát hành.

## 2) So Sánh các chỉ số tài chính năm 2021 và năm 2020 ( bảng 4)

| Chỉ tiêu - chỉ số                               | 2020    | 2021    | Ghi chú   |
|---|---------|---------|-----------|
| <b>Tổng Tài Sản</b>                             |         |         |           |
| Tài sản ngắn hạn/Tổng Tài Sản (%)               | 67.32%  | 71.59%  | Tăng      |
| Tài sản Dài hạn/Tổng Tài Sản (%)                | 32.68%  | 28.41%  | Giảm      |
| <b>Nợ phải trả</b>                              |         |         |           |
| Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn (%)                  | 51.59%  | 55.05%  | Tăng      |
| Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn (%)               | 48.41%  | 44.95%  | Giảm      |
| Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (%)                  | 106.59% | 122.46% | Tăng      |
| <b>Tỷ Số Lợi nhuận</b>                          |         |         |           |
| Tỷ Số Lợi nhuận/ST/Doanh thu thuần (LN biên)    | 2.51%   | 1.70%   | Giảm      |
| Tỷ Số Lợi nhuận/ tổng tài sản (ROA)             | 3.11%   | 2.03%   | Giảm      |
| Tỷ Số Lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu (ROE)           | 6.42%   | 4.51%   | Giảm      |
| Tỷ Số Lợi nhuận/ Vốn Cố phần                    | 8.92%   | 6.22%   | Giảm      |
| <b>Chỉ tiêu khả năng thanh toán</b>             |         |         |           |
| Tỷ số khả năng thanh toán nhanh                 | 1.30    | 1.30    | không đổi |
| Tỷ số khả năng thanh toán = tiền mặt            | 0.81    | 0.67    | Giảm      |
| <b>Chỉ tiêu năng lực hoạt động</b>              |         |         |           |
| Vòng quay hàng tồn kho (giá vốn/hàng tồn khoBQ) | 4.01    | 3.71    | Giảm      |
| Doanh thu thuần trên tổng tài sản               | 123.78% | 119.59% | Giảm      |

### \* Thuyết minh : (Bảng 04)

Tóm lược trong năm 2021, với tình hình đại dịch Covid-19 trên toàn thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng, đã ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công Ty dẫn đến các chỉ tiêu lợi nhuận trên doanh thu và trên vốn chủ sở hữu đều giảm so với năm 2020.

## III. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý trong năm 2021.

### 1) Về cơ cấu tổ chức

- Phối hợp với Bộ phận quy hoạch Sắp xếp & bố trí thêm mặt bằng kho Thành phẩm, Phụ liệu do tình hình lịch giao hàng luôn thay đổi & dời ngày xuất.
- Tiếp tục sắp xếp bố trí lại mặt bằng & quy định cụ thể về trật tự vệ sinh công nghiệp tại các công đoạn sản xuất.
- Thành lập thêm 01 nhóm tráng mới trong năm 2021.
- Phối hợp với Bộ phận Công nghệ sắp xếp, phân công lại công việc các Nhân viên trong phòng Công nghệ.

### 2) Về chính sách quản lý

Luôn phối hợp với Phòng Công nghệ, sản xuất xác lập quy trình & định mức đối với một số sản phẩm mới một cách kịp thời.

Tiếp tục triển khai các chính sách khen thưởng sáng kiến cải tiến góp phần cải tiến máy móc thiết bị, quy trình SX nhằm tăng năng suất, sản lượng, chất lượng (khen thưởng cho sáng kiến cải tiến năm 2021).



*Hình ảnh  
Lễ Tổng  
kết và  
Khen  
thưởng  
thành tích  
năm 2021.*

## **IV. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

### **1) Những dự báo về môi trường kinh doanh năm 2022**

- Biến chủng Omicron, lạm phát, chính sách thắt chặt và bất ổn chính trị khắp nơi sẽ khiến kinh tế thế giới càng khó đoán
- Covid-19 đã làm đảo lộn kinh tế thế giới 2 năm liên tiếp, với những diễn biến không thể đoán trước. Bước sang năm 2022, Bloomberg Economics cho rằng toàn cầu sẽ còn phải đối mặt với nhiều rủi ro nữa, từ biến chủng Omicron, lạm phát, Fed nâng lãi suất đến rắc rối của hãng bắt động sản Evergrande.
- Nếu biến chủng vừa lây lan nhanh, vừa nguy hiểm hơn, các nền kinh tế sẽ bị kéo tụt. Chỉ cần 3 tháng quay về thời kỳ phong tỏa chặt nhất như năm nay, tăng trưởng năm 2022 sẽ tụt về 4,2%. Một số nước, như Anh, đã tái khởi động quá trình này.
- Nếu đợt dịch mới bùng phát, việc đi lại bị ảnh hưởng, giá dầu sẽ giảm. Dù vậy, sự kết hợp giữa lạm phát và tăng trưởng chậm sẽ càng đẩy các ngân hàng vào thế khó.
- Bloomberg dự báo Trung Quốc tăng trưởng 5,7% năm sau. Tuy nhiên, nếu tăng trưởng thực tế lùi về 3%, toàn cầu sẽ chịu ảnh hưởng. Các nước xuất khẩu sẽ mất thị trường tiêu thụ lớn. Các kế hoạch của Fed cũng có thể đi chệch quỹ đạo ban đầu.
- Các chính phủ đã chi rất mạnh tay để hỗ trợ người lao động và doanh nghiệp trong đại dịch. Nhiều nước giờ lại muốn thắt lưng buộc bụng. Việc giảm chi tiêu công trong năm 2022 có thể tương đương 2,5% GDP toàn cầu, lớn gấp 5 lần các chính sách thắt chặt sau khủng hoảng 2008, UBS ước tính.
- Dĩ nhiên cũng có ngoại lệ. Chính phủ mới của Nhật Bản đã thông báo thêm gói kích thích kỷ lục nữa. Giới chức Trung Quốc cũng ra tín hiệu chuyển hướng sau kích thích kinh tế sau thời gian dài thắt lưng buộc bụng.

### **2) Định hướng chung 2022:**

- Đạt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2022, gồm : tổng sản lượng bao bì 16.599 tấn, tổng doanh thu bao bì 761.306 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế 18 tỷ đồng.
- Xác định và tập trung phát triển các giá trị cốt lõi của Tân Đại Hưng như các sản phẩm chủ lực, nguồn khách hàng ổn định và đội ngũ nhân sự tâm huyết để củng cố và nâng cao lợi thế cạnh tranh, trở thành doanh nghiệp bao bì có tiềm lực và uy tín nhất Việt Nam.
- Linh hoạt trong tiếp thị và cơ cấu sản phẩm, chào giá cạnh tranh, tìm kiếm khách hàng để nhận đủ đơn hàng theo chỉ tiêu kế hoạch, ưu tiên cho xuất khẩu & lựa chọn đơn hàng hiệu quả.
- Đầu tư thêm máy móc thiết bị mới, duy trì bảo dưỡng tốt máy móc thiết bị, thanh lý máy cũ không hiệu quả nhằm tăng năng suất sản lượng & chất lượng sản phẩm.
- Tiếp tục phát huy sáng kiến cải tiến liên tục, trong đó chú trọng cải tiến MMTB thiết bị và quy trình sản xuất sản phẩm, hạn chế tối đa việc sử dụng lao động nhằm tinh gọn bộ máy, giảm chi phí sản xuất tăng sức cạnh tranh đối tất cả các mặt hàng sản xuất.
- Cải tiến quy trình kiểm soát đơn hàng, cải tiến nâng cấp hệ thống quản lý dữ liệu thống kê sản xuất.
- Cải tiến hệ thống quản lý chất lượng, đồng thời nâng cao vai trò chủ động của các phân xưởng sản xuất trong việc kiểm soát tình hình chất lượng sản phẩm.
- Kiểm soát công nợ bán hàng, điều phối hiệu quả dòng tiền không để phát sinh nợ xấu.

- Nâng cao trình độ chuyên môn và tiếp cận các công nghệ mới để tăng hiệu quả sản xuất và giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh.
- Tiếp tục tuyển dụng nhân sự & đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ kế thừa.

### 3) Về hoạt động kinh doanh và cung ứng:

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tiếp thị tìm kiếm thêm khách hàng mới & tiềm năng. Trong đó ưu tiên xuất khẩu vải địa kỹ thuật vào Mỹ và Canada. Tăng cường hoạt động chăm sóc khách hàng, chú trọng thu thập và phân tích thông tin về xu hướng thị trường và đối thủ cạnh tranh để có các chính sách thị trường phù hợp và hiệu quả. Tăng thị phần ở những khách hàng cũ với những khách hàng thanh toán tốt & đầy tiềm năng. Linh hoạt trong việc đàm phán về giá (*chính sách giá hợp lý để ưu tiên nhận đơn hàng có số lượng lớn*). Ưu tiên máy sản xuất cho những khách hàng lớn để đáp ứng nhanh những đơn hàng gấp, đột xuất.
- Phối hợp P.KTTC để thường xuyên theo dõi tình hình công nợ bán hàng, qua đó xác định chiến lược bán hàng đối với từng khách hàng.
- Tổ chức và gia công đảm bảo tiến độ cung cấp nguyên phụ liệu, gia công đúng kế hoạch.
- Tìm thêm đơn vị gia công vải dệt, để đáp ứng được nhu cầu tăng đột biến của khách hàng khi vào mùa vụ hoặc những tháng cuối năm.

### 4) Về Kỹ thuật Công nghệ và Chất lượng sản phẩm:

- **Công nghệ:**
  - Tiếp tục cải tiến thông số kỹ thuật sản phẩm làm tăng sản lượng sản xuất.
  - Cải tiến công thức phối trộn của từng đơn hàng sao cho hiệu quả tùy theo nguồn PP2.
  - Duy trì giám sát công thức và nguyên liệu sử dụng PX kéo sợi, PX tráng ghép.
- **Quản lý chất lượng:**
  - Tăng cường các hoạt động giám sát, kiểm tra việc tuân thủ qui định, qui trình đảm bảo chất lượng nội bộ và cung ứng gia công.
  - Dự báo, cảnh báo lỗi chất lượng tiềm ẩn, tham mưu các giải pháp khắc phục phòng ngừa hiệu quả.
  - Giám sát, kiểm tra, đánh giá hiệu quả của hành động khắc phục phòng ngừa tại các bộ phận và đơn vị gia công.
  - Tuân thủ phương pháp lấy mẫu kiểm tra nhằm hạn chế mặt trái của phương pháp kiểm tra xác suất.
  - Đào tạo QA về nhận thức chất lượng “first in time”, phòng ngừa là chính.
- **Kỹ thuật Cơ điện:**
  - Quản lý tốt các thông số kỹ thuật : Tải , công suất tiêu thụ của thiết bị, hệ số Cosφ, Độ lệch pha.
  - Giảm số lần xảy ra sự cố phát sinh hư hỏng do BTSC kém
  - Giải quyết kịp thời nhanh nhất những hư hỏng phát sinh MMTB để kịp SX không ảnh hưởng đến tiến độ giao hàng mà nguyên nhân do MMTB.
  - Chất lượng sau sửa chữa đạt thông số vận hành ban đầu.

### 5) Về sản xuất và gia công:

- Tuân thủ Quy trình sản xuất đã được ban hành .
- Giải quyết tất cả các sự cố về chất lượng sản phẩm và MMTB trong vòng 24h: không được chậm trễ ( huy động tất cả nguồn lực ).
- Tuân thủ việc thực hiện đúng 09 trọng tâm của BPSX :
  - Kiểm soát sản lượng, trọng lượng và năng suất, đảm bảo lịch giao hàng.
  - Giảm lỗi và chống sót lỗi.
  - Tiết kiệm giảm chi phí vật tư kỹ thuật.
  - Kiểm soát giảm thời gian ngừng máy.
  - Tiết kiệm điện và nhiên liệu.
  - Giảm phế liệu phế phẩm.
  - Duy trì trật tự vệ sinh, phòng chống côn trùng và tai nạn lao động.
  - Thực hiện 5S
  - Phòng chống Covid-19



## 6) Về Hành Chính Nhân Sự:

- **Cơ cấu tổ chức & chính sách:** Tiếp tục phối hợp với bộ phận Kỹ thuật và Sản xuất thực hiện đồng thời các giải pháp, kiểm soát giờ giấc làm việc, cải tiến MMTB, công đoạn sản xuất, sắp xếp phân bổ máy & bố trí lại mặt bằng các Phân xưởng sao cho hợp lý và thông thoáng. Phối hợp Bộ phận SX & Kỹ thuật cơ điện tổ chức lại việc cân nhập liệu tại sản xuất (*đầu tư hệ thống phần mềm & chủ động cân nhập liệu bằng điện tử tại các công đoạn sản xuất*) cho một số công đoạn còn lại của SX: Dệt, Tráng, Cắt, In.
- **Tuyển dụng:** Tiếp tục tuyển dụng bổ sung các vị trí nghiệp vụ: Kinh doanh, kỹ thuật. Tiếp tục cải tiến hoạt động tuyển chọn và sàng lọc trong tuyển dụng nhằm giảm tỷ lệ bỏ việc trong giai đoạn thử việc & đào tạo.
- **Đào tạo:** Triển khai đầy đủ các chương trình đào tạo định kỳ hàng năm đã được phê duyệt. Đặc biệt chú trọng đào tạo quản lý trung gian (cấp TTSSX, Quản lý Phân xưởng), đào tạo nâng cao tay nghề công nhân & QA trong việc kiểm soát chất lượng do yêu cầu khách hàng ngày càng đòi hỏi cao về mặt chất lượng.
- **An toàn lao động và Trật tự vệ sinh công nghiệp:** Giám sát chặt chẽ công tác đảm bảo An toàn lao động, rà soát các điểm có rủi ro xảy ra TNLD, thực hiện các biện pháp cải tiến máy móc để giảm nguy cơ TNLD, thường xuyên nhắc nhở CB-CNV luôn đề cao cảnh giác để đảm bảo An toàn lao động. Trong đó, trọng tâm là cải tiến MMTB để ngăn ngừa TNLD & công tác tuyên truyền nhắc nhở công nhân. Hỗ trợ các PX trong việc tổ chức sàng lọc, sắp xếp mặt bằng tại phân xưởng. Duy trì công tác kiểm tra An toàn - VSCN định kỳ hàng tuần. Nhân mạnh vai trò của quản lý trực tiếp (Tổ trưởng, QLPX) trong công tác đảm bảo ATLD-VSCN. Tổ chức quy định lại các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp ở từng khâu, công đoạn sản xuất & cơ chế giám sát đánh giá việc duy trì, thực hiện.
- **An ninh trật tự:** Duy trì hệ thống giám sát an ninh tại nhà máy, cải tổ & nâng cấp đội ngũ bảo vệ. Duy trì nghiêm công tác tuần tra, kiểm soát của tổ bảo vệ. Nhằm mục tiêu đảm bảo không xảy ra mất cắp, mất An ninh trật tự tại công ty.
- **Quản lý hành chính:** Cải tiến hệ thống theo dõi chấm công, kiểm soát hàng hóa ra vào công ty đặc biệt là giám sát chặt chẽ khách đến làm việc & tham quan tại Nhà máy công ty.

## 7) Về tài chính kế toán:

- Đảm bảo tình hình Tài chính ổn định và lành mạnh. Quản trị các rủi ro về tỷ giá và giá cả các nguyên vật liệu/phụ liệu đầu vào, quản lý các chi phí, chống thất thoát hoặc lãng phí
- Tiếp tục duy trì việc quản lý doanh thu, chi phí, kiểm soát chặt hệ thống Kho và các khoản tồn kho lâu nhằm tránh thất thoát và giảm tồn Kho lâu.
- Đầu tư máy vi tính mới cho máy chủ và các máy con. Kết chuyển số liệu cũ mang sang giúp hệ thống xử lý số liệu nhanh chóng và kịp thời.

## V. Ý kiến của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Nhất trí hoàn toàn với ý kiến của kiểm toán công ty A&C năm 2021 (*trong chứng thư bên dưới*).

## VI. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội.

Tóm lược như sau:

### 1) Về môi trường:



#### Công ty đã và đang chủ động thực hiện :

- Tiết kiệm điện nước để giảm chi phí hoạt động.
- Gia tăng sử dụng vật liệu tái sinh.
- Thu gom 100% chất thải rắn và không xả thải trực tiếp ra môi trường đúng theo các quy định, được đánh giá tốt sau các lần kiểm tra định kỳ và đột xuất của cơ quan thẩm quyền.

## 2) Về người lao động:



*Nguồn nhân lực được xem là tài sản quý của công ty, được công ty tôn trọng ứng xử theo chuẩn mực văn hóa.*

Ban giám đốc đã thực thi đầy đủ các chính sách chăm sóc đãi ngộ chăm lo công ăn việc làm, ổn định và tăng dần thu nhập đối với cán bộ nhân viên và công nhân, tạo điều kiện để xây dựng quan hệ con người lành mạnh, giao lưu vui chơi văn nghệ thể thao, không xảy ra tranh chấp lao động trong năm 2021.

## 3) Về trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:



Ban giám đốc đã xây dựng và duy trì quan hệ mật thiết với chính quyền địa phương, tham dự đầy đủ các cuộc họp theo thư mời của các cấp thẩm quyền, tham gia tất cả các cuộc vận động từ thiện tài trợ của chính quyền địa phương (*trụ sở văn phòng và nhà máy*), nắm vững tình hình và phối hợp thực hiện theo các yêu cầu của địa phương về tình hình ANTT, an toàn giao thông, giải quyết việc làm, bảo vệ môi trường.

## Phần IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

### I. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.



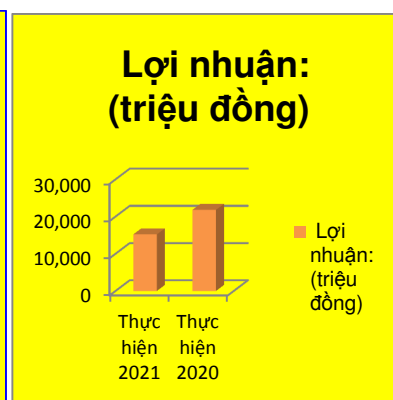
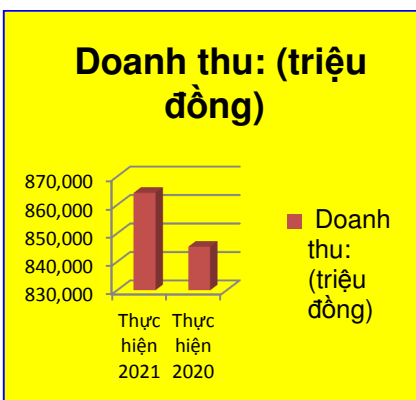
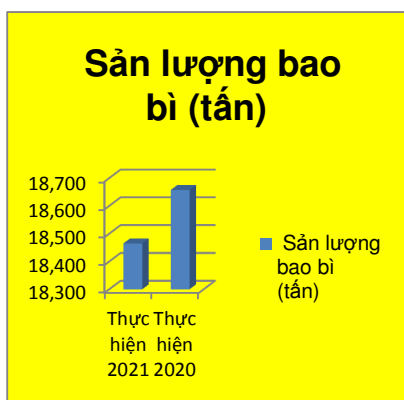
#### Đánh giá tổng thể:

- Quản trị và điều hành công ty luôn bám sát thực thi định hướng chiến lược sản xuất kinh doanh, các bộ phận chức năng đã phát huy tốt vai trò nhiệm vụ.
- Đặc biệt trong bối cảnh phức tạp của dịch bệnh Covid-19, HĐQT đã phối hợp chặt chẽ và hỗ trợ tối đa Ban điều hành nhà máy để duy trì hoạt động sản xuất “3 tại chỗ”. Đồng thời đối phó, xử lý với tình hình lây nhiễm dịch bệnh trong nhà máy.

- Phát huy cao tính năng động linh hoạt trong tiếp thị và thay đổi cơ cấu sản phẩm khi khách hàng và thị trường thay đổi.

Những yếu tố nêu trên có ý nghĩa quyết định làm cho công ty CP nhựa Tân Đại Hưng tuy chưa đạt một số chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2021, nhưng có thể nói là khả quan trong bối cảnh dịch bệnh nghiêm trọng năm 2021, tài chính lành mạnh; củng cố và phát triển uy tín thương hiệu và thị phần của công ty.

| TT | Chỉ tiêu                | Thực hiện 2021 | Thực hiện 2020 | So sánh 2021/2020 |
|----|-------------------------|----------------|----------------|-------------------|
| 1  | Sản lượng bao bì (tấn)  | 18,465         | 18,657         | 99%               |
| 2  | Doanh thu: (triệu đồng) | 864,229        | 845,299        | 102%              |
| 3  | Lợi nhuận: (triệu đồng) | 15,201         | 21,789         | 70%               |



## 1) Hoạt động kinh doanh và cung ứng gia công đầu vào.

- Phòng kinh doanh đã phối hợp với các bộ phận khác trong công ty vượt qua được tất cả các cuộc đánh giá tiêu chuẩn nhà sản xuất do khách hàng thực hiện. Điều này góp phần giúp Tân Đại Hưng nhận được các đơn hàng bao shopping số lượng lớn của các tập đoàn siêu thị.
- Liên tục tìm kiếm khách hàng mới tiềm năng, đẩy mạnh tăng thị phần ở khách hàng cũ.
- Khai thác thị trường, linh hoạt điều chỉnh kế hoạch đơn hàng và cơ cấu sản phẩm để giữ vững thị phần, sản lượng đạt 114%, giúp ổn định sản xuất và gia công; linh hoạt đàm phán về giá, ưu tiên nhận đơn hàng có lợi nhuận cao và số lượng lớn, doanh thu đạt 123% chỉ tiêu.
- Hoạt động thông tin 2 chiều với khách hàng tiếp tục được tăng cường, thu thập và phân tích những thông tin về thị phần, giá cả, thị trường, đối thủ cạnh tranh để có các chính sách phù hợp và hiệu quả; phản ánh kịp thời mong muốn và yêu cầu của khách hàng về chất lượng sản phẩm để cải tiến và đáp ứng. Đẩy mạnh hoạt động tiếp thị, tìm kiếm khách hàng mới và tiềm năng, ưu tiên thị trường xuất khẩu, tăng thị phần những khách hàng cũ và những khách hàng thanh toán tốt và tiềm năng.
- Cung ứng nguyên liệu vật tư dụng cụ phụ tùng kỹ thuật, gia công vật tư đầu vào đáp ứng yêu cầu kịp thời, chất lượng và chi phí hợp lý.
- Phối hợp với kế toán tài chính thường xuyên theo dõi công nợ bán hàng, thông qua đó xác định chiến lược bán hàng đối với từng khách hàng, phối hợp với các bộ phận thông nhất đưa ra các giải pháp tối ưu về sản xuất và lợi nhuận.
- ***Đánh giá chung:*** CBNV phòng kinh doanh cung ứng thể hiện năng động và trách nhiệm cao, thực hiện xuất sắc các nhiệm vụ và yêu cầu trong kế hoạch kinh doanh năm 2021, gắn kết phối hợp hỗ trợ nhiều mặt đối với các bộ phận sản xuất.

## • Hoạt động đảm bảo chất lượng.

- ***Đảm bảo chất lượng (QA):***
  - Duy trì, tuân thủ hệ thống quản lý chất lượng ISO, phối hợp tốt giữa nội bộ và bên ngoài nhằm kiểm tra, giám sát hiệu quả việc áp dụng HTQLCL
  - Các thông số kỹ thuật và yêu cầu chất lượng sản phẩm được thông tin rộng rãi trước khi triển khai sản xuất.
  - Thực hiện tốt việc cảnh báo chất lượng cho bộ phận sản xuất, ĐVGCC, các nhà cung cấp nguyên phụ liệu nhằm phòng ngừa sự cố chất lượng.
  - Cung cấp đầy đủ chính xác các thông tin về lỗi chất lượng, nguyên nhân, các biện pháp khắc phục phòng ngừa và yêu cầu cải tiến đến từng công nhân, phân xưởng và các đơn vị gia công.
- ***Quản lý phòng Thí nghiệm (Lab):***
  - Quản lý tốt phòng Lab, đảm bảo kiểm soát và báo cáo kịp thời các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng
  - Hoạt động lấy mẫu, kiểm tra, đối chiếu các tiêu chuẩn chất lượng đảm bảo tuân thủ qui định, qui trình đã ban hành.
  - MMTB phòng TN được bảo quản tốt, kiểm tra hiệu chuẩn định kì.
- ***Quản lý nhân viên:***
  - Duy trì tốt các quan hệ với các bộ phận nội bộ và bên ngoài đáp ứng được yêu cầu thông tin, xử lý các vấn đề chất lượng kịp thời và hiệu quả.
  - Thể hiện quan điểm nghiêm túc trong việc đánh giá và tự đánh giá kết quả công việc, xử lý vi phạm nội qui công ty.
  - Linh hoạt đào tạo, điều động nhân viên giữa các bộ phận nhằm đáp ứng nhu cầu kiểm soát chất lượng.
  - Kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng MMTB, vật tư văn phòng phẩm nhằm loại bỏ các lãng phí.
- ***Quản lý và điều hành:***
  - Nhân viên QA nắm vững những yêu cầu, nhiệm vụ trọng tâm kiểm soát hiệu quả



- chất lượng, phối hợp giải quyết hiệu quả các vấn đề liên quan.
  - Đội ngũ nhân viên được thông tin chính xác đầy đủ kịp thời về các tiêu chuẩn chất lượng, về tổ chức và kết quả kiểm soát chất lượng, làm cơ sở để cải tiến chất lượng đạt mục tiêu kế hoạch của bộ phận.
  - Mục tiêu kế hoạch, nhiệm vụ trọng tâm và chương trình hành động được xây dựng và triển khai theo tháng/tuần, tổ chức đánh giá đúc kết thường xuyên, kịp thời và nghiêm túc.
  - Nhân viên chủ động thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm; phong cách làm việc sâu sát; tuân thủ qui định, qui trình, nội qui công ty
  - Các nhân viên chia sẻ đầy đủ, kịp thời các thông tin liên quan; tham mưu, tư vấn các biện pháp khắc phục, phòng ngừa và xử lý chất lượng hiệu quả.
  - Công tác đào tạo nghiệp vụ, qui định, nội qui, phong cách, giao tiếp được duy trì thường xuyên.
  - Quản lý QA đã điều hành các hoạt động đảm bảo chất lượng theo đúng thẩm quyền, mục tiêu kế hoạch được BGD duyệt. Triển khai toàn diện, nghiêm túc các chỉ đạo của BGD.
  - Tham mưu các biện pháp KPPN và xử lý kịp thời các sự cố chất lượng, tăng cường các hoạt động cải tiến chất lượng đáp ứng yêu cầu của khách hàng
  - Quyết định đúng đắn, kịp thời trên cơ sở tuân thủ những định hướng và chiến lược thị trường/sản phẩm, chiến lược quản lý điều hành.
- ***Đánh giá chung:*** *đội ngũ CBNV khá ổn định, hoàn thành tốt các chức năng nhiệm vụ và yêu cầu trong năm 2021, nâng cao ý thức trách nhiệm về chất lượng của bộ máy sản xuất gia công, góp phần giảm phế, tăng sản lượng, đáp ứng thời hạn giao hàng, phòng tránh khiếu nại của khách hàng.*

#### • **Hoạt động Công nghệ, Kỹ thuật cơ điện.**

##### **Công nghệ:**

##### **Lắp đặt và đưa vào hoạt động**

\***Khâu In :** Lắp đặt thêm 02 máy in 10 màu Olger mới ( nâng tổng số máy in lên 10 máy )

\***Khâu Thổi:** Lắp đặt thêm 01 máy thổi HDPE

##### **Cơ điện:**

- ***Tuân thủ thực hiện đúng kế hoạch BTSC ban hành , Giám sát đánh giá kết quả BTSC của các phân xưởng.***
  - Năm 2021 thực hiện tốt qui chế đồng bộ giữa PCD lên lịch Bảo trì, Phân xưởng thực hiện tác nghiệp bảo trì – PCD kiểm tra đánh giá lại kết quả thực hiện,
  - Máy móc trong năm qua hoạt động ổn định và hạn chế được hư hỏng đột xuất
- **Quản lý, kiểm soát VTKT hiệu quả**
  - Kiểm soát tốt qui trình cấp phát
  - Dự trù được phần lớn vật tư thường xuyên sử dụng
  - Đánh giá và phân loại được vật tư thay thế ra để sửa chữa tái sử dụng
  - Thay đổi nguồn cung cấp vật tư hiệu quả, chất lượng hơn
- **Quản lý kiểm soát sử dụng các nguồn năng lượng : Điện – Nước hiệu quả**
  - Bảo trì bảo dưỡng thường xuyên hệ thống các TỤ BÙ của các trạm điện , Đảm bảo hệ  $\text{Cos}\Psi > 0.9$  . Dẫn đến công ty không bị điện lực phạt ( Mua CS phản kháng) như các năm trước
  - Gắn các thiết bị tự động mở theo giờ sử dụng hơi hiệu quả tránh lãng phí
  - NĂM 2021 sử dụng tổng cộng **16,635,700Kw** điện

***Đánh giá chung :*** *đội ngũ CBNV công nghệ kỹ thuật ổn định, đã hoàn thành rất tốt các chức*

*năng nhiệm vụ và yêu cầu phục vụ sản xuất trong năm 2021, nhất là trong hoạt động kiểm soát phối trộn nguyên liệu, lắp đặt các MMTB mới và cải tiến các thông số kỹ thuật vận hành MMTB, góp phần rất quan trọng nâng cao hiệu quả sản xuất.*

## **2) Hoạt động sản xuất và gia công sản xuất.**

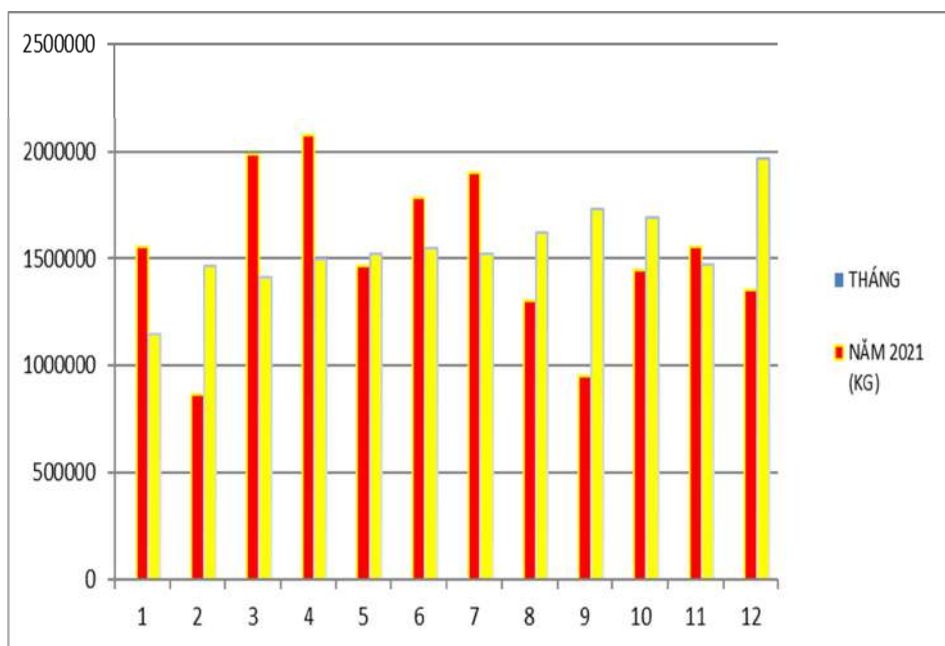
- Hoạt động kế hoạch điều độ sản xuất đã duy trì được sự liên hệ mật thiết giữa bộ phận kinh doanh với sản xuất trong xác định năng lực sản xuất nội bộ và gia công, hoạch định tốt kế hoạch sản xuất, bảo đảm tiến độ giao hàng trước khi ký kết đơn hàng.
- Chế độ triển khai KHSX tháng và Lệnh sản xuất hàng ngày đến các PXSX được thực thi nghiêm túc, hoạt động điều độ sản xuất nhìn chung là hợp lý theo thứ tự ưu tiên của đơn hàng
- Làm tốt công tác thống kê sản xuất và cung cấp thông tin cần thiết đến các phân xưởng và cho các bộ phận có nhu cầu. Kiểm tra giám sát kịp thời, phát hiện điều chỉnh nhanh những sai sót về qui trình, sản lượng, chất lượng sản phẩm.
- Năm 2021, trong điều kiện khó khăn vì dịch bệnh Covid-19 nhưng hoạt động quản trị sản xuất và gia công may đã đạt những kết quả:
  - Năng suất ,sản lượng , tiến độ giao hàng : đúng tiến độ
  - Chất lượng sản phẩm ngày càng cải tiến
  - Bảo trì sửa chữa các MMTB trong Cty : Đạt yêu cầu
  - Tập trung nguồn lực sản xuất thực hiện 5S tại nhà máy.
  - Phòng chống dịch Covid-19
  - Năng suất các công đoạn trong qui trình của nhà máy đều đạt cao hơn định mức.
  - Sản lượng tăng 114% so với chỉ tiêu, năng suất bình quân đạt 106% so với định mức.
  - Không có trường hợp trễ thời hạn giao hàng.
  - Chất lượng: tỷ lệ phàn nàn khiếu nại sau khi giao hàng giảm so với năm 2020.
  - Tỷ lệ phế/thành phẩm được kèm chế, đạt 5,7% (thấp hơn chỉ tiêu cho phép 6%).

**Đánh giá chung:** *hoạt động sản xuất gia công, CBNV kế hoạch điều độ và các CBQL sản xuất tại các phân xưởng đã hoàn thành xuất sắc vai trò chức năng nhiệm vụ và các mục tiêu sản xuất năm 2021, góp phần quan trọng vào kết quả hoạt động của công ty năm 2021.*

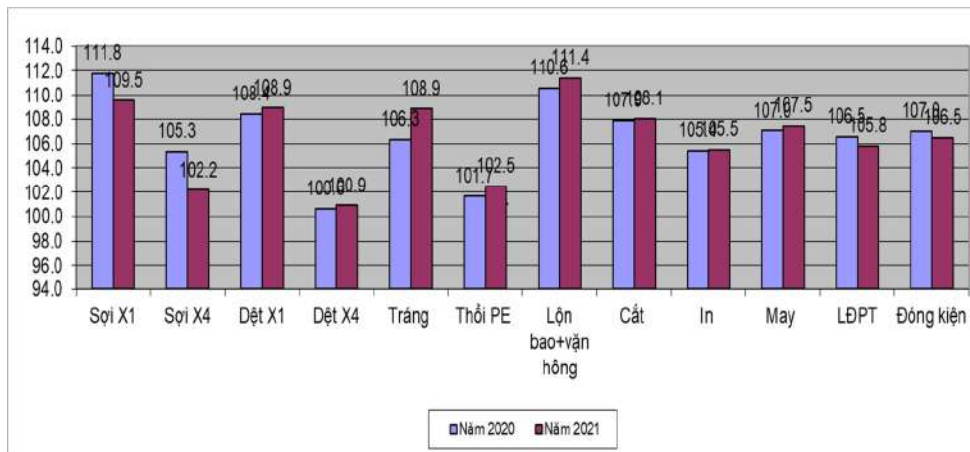
**Biểu đồ so sánh sản lượng sản xuất 2021 và 2020**

**SO SÁNH SẢN LƯỢNG NĂM 2021 VỚI NĂM 2020**

| THÁNG       | NĂM 2021 (KG)     | NĂM 2020 (KG)     | SO SÁNH TRỌNG LƯỢNG 2021 / 2020 (%) | SO SÁNH (KG)      | NHẬN ĐỊNH  |
|-------------|-------------------|-------------------|-------------------------------------|-------------------|------------|
| 1           | 1,555,321         | 1,144,818         | 136%                                | 410,504           | Tăng       |
| 2           | 868,266           | 1,464,209         | 59%                                 | (595,943)         | Giảm       |
| 3           | 1,984,947         | 1,411,040         | 141%                                | 573,907           | Tăng       |
| 4           | <b>2,073,545</b>  | <b>1,497,492</b>  | 138%                                | 576,053           | Tăng       |
| 5           | 1,464,496         | 1,525,333         | 96%                                 | (60,837)          | Giảm       |
| 6           | 1,786,246         | 1,547,155         | 115%                                | 239,091           | Tăng       |
| 7           | 1,902,452         | 1,521,667         | 125%                                | 380,784           | Tăng       |
| 8           | <b>1,301,534</b>  | <b>1,619,708</b>  | 80%                                 | (318,174)         | Giảm       |
| 9           | 947,621           | 1,737,604         | 55%                                 | (789,983)         | Giảm       |
| 10          | 1,447,689         | 1,698,519         | 85%                                 | (250,831)         | Giảm       |
| 11          | 1,551,462         | 1,472,416         | 105%                                | 79,045            | Tăng       |
| 12          | <b>1,355,995</b>  | <b>1,967,849</b>  | 69%                                 | (611,854)         | Giảm       |
| <b>TỔNG</b> | <b>18,239,573</b> | <b>18,607,810</b> | <b>98.02</b>                        | <b>18,607,712</b> | <b>***</b> |



### Biểu đồ so sánh tỷ lệ năng suất vượt định mức giữa năm 2021 và 2020



### 3) Hoạt động hành chính và nhân lực.

#### Về mặt Cơ cấu tổ chức & Chính sách:

- Luôn tham gia cùng với các Bộ phận phòng ban /Phân xưởng nhằm đáp ứng kịp thời tình hình mục tiêu phát triển của Công ty & nhu cầu kế hoạch sản xuất: Cấu trúc lại PX3 & PXCM (chuyên nhóm Luân lưới sang PXCM thành chuyên may lưới hoàn chỉnh), tách nhóm kiểm hàng xác suất về Bộ phận QA quản lý để đáp ứng vai trò chức năng công việc. Đã triển khai các phần mềm cập nhật sản xuất tại công đoạn Kéo sợi, Đóng kiện.
- Nhìn chung công tác tuyển dụng vẫn đảm bảo nhu cầu cầu nhân sự cho sản xuất, tỷ lệ nghỉ việc, biến động nhân sự tăng so với năm 2020 nhưng không đáng nhiều do ảnh hưởng bởi những tháng dịch bệnh COVID. Tuyển dụng bổ sung một số vị trí nghiệp vụ ở các Bộ phận: Công nghệ, quản lý chất lượng, Cơ khí đạt yêu cầu.
- Thực hiện các chương trình đào tạo cho công nhân mới, ATLĐ, PCCC, nâng cao tay nghề cho CNSX, chính sách chất lượng được triển khai đầy đủ và nghiêm túc đúng theo nội qui lao động và các qui chế, như một số chương trình đào tạo nâng cao tay nghề công nhân về kiểm soát chất lượng, quản lý cấp trung gian chưa chú trọng trong năm.
- Thực hiện đúng và đủ hệ thống chính sách lao động của công ty, trong đó:
- Cập nhật định mức kịp thời theo các dự án cải tiến MMTB & quy trình sản xuất .... khuyến khích công nhân vận hành máy tăng năng suất lao động, lập tính lương chính xác và kịp thời.
- Nhà ăn cung cấp 235,526 suất ăn đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, đầy đủ và không xảy ra lãng phí suất ăn, tuân thủ các quy định quy trình về ATVSTP, đảm bảo nguồn cung cấp thực phẩm & cung cấp đầy đủ suất ăn cho CB-CNV đặc biệt là giai đoạn sản xuất 3 tại chỗ (thời gian dịch nguồn cấp thực phẩm rất hạn chế), tăng chất lượng khẩu suất ăn cho Anh /chị em CB-CNV năm 2021 là 20.000 đồng /suất “năm 2020 là 18.000 đồng /suất)
- Tình trạng công nhân vi phạm nội quy, quy trình, quy định năm 2021 giảm so với năm 2020.

#### Về lĩnh vực hành chính:

- Duy trì việc giám sát ca đêm có ký nhận giữa tổ bảo vệ và các tổ trưởng, kỹ thuật, vận hành hệ thống camera giám sát ANTT, ghi hình các trường hợp vi phạm làm bằng chứng xử lý các vi phạm nội qui qui chế làm việc. Việc kiểm ANTT của Bảo vệ đã được cải thiện nên không xảy ra tình trạng mất trộm nào trong năm 2021. Công tác PCCC thực hiện chưa được tốt vẫn còn bị nhắc nhở khâu kiểm tra duy tu bảo trì hệ thống đường ống & bình chữa cháy.
- Tổ chức lại lực lượng Bảo vệ cho phù hợp với tình hình mới.
- Số ngày công vắng nghỉ trong năm 2021 tăng so với năm 2020, tuy nhiên tỷ lệ vắng K là có giảm 166 ngày so với 189 ngày năm 2020, nghỉ chờ việc có tăng so với năm 2020 nhưng không đáng kể.
- Công tác ATLĐ sự cố về TNLĐ ở các phân xưởng có tăng so với 2020, do vẫn còn chủ quan

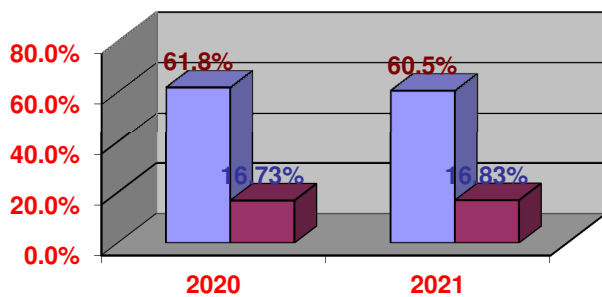


ở một số công đoạn sản xuất (mặc dù đa phần là các tai nạn nhẹ).

- Công tác vệ sinh công nghiệp được duy trì thực hiện, Ban 5S thường xuyên kiểm tra hàng tuần & có đánh giá thưởng phạt hàng tháng.
- Tiết kiệm sử dụng vật tư văn phòng phẩm, làm tốt việc điều phối sử dụng xe, kiểm soát lộ trình và định mức xăng dầu phòng tránh lạm dụng, lãng phí.
- Bảo mật những thông tin sản xuất kinh doanh, phòng tránh rủi ro từ hệ thống mạng internet và các quan hệ giao dịch.
- Quan hệ đối ngoại: Duy trì quan hệ mật thiết với chính quyền sở tại đặc biệt trong giai đoạn sản xuất xuất 3 tại chỗ (đã có sự hỗ trợ rất lớn từ Trung tâm ý tế quận huyện, Sở công thương trong công tác phòng chống dịch tại Công ty).
- Cho cải tổ lại 50 phòng ở khu lưu trú cũ & xây dựng thêm 07 phòng ở khu lưu trú mới dành cho CB-CNV => Đảm bảo cải thiện điều kiện chỗ ăn ở cho người lao động được thông thoáng, tiện nghi hơn. Đồng thời cũng xây dựng quy chế nội quy để tổ chức quản lý khu lưu trú đảm bảo các yêu cầu về: ANTT, PCCC.
- Cho xây thêm nhà giữ xe, quy hoạch khu vực để xe cho CB-CNV.
- Duy trì quan hệ mật thiết với chính quyền sở tại.

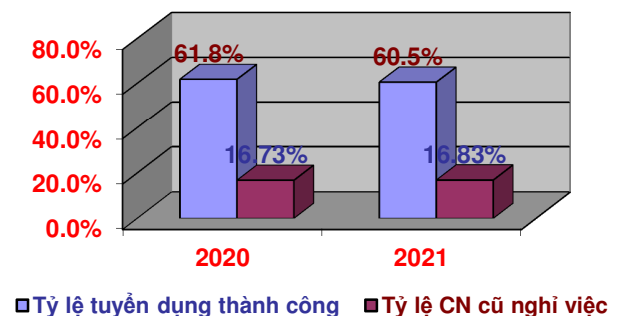
***Đánh giá chung:*** Bộ phận HCNS đã hoàn thành tốt vai trò chức năng nhiệm vụ được giao trong năm 2021, nổi bật là nhóm CBNV hành chính và nhà ăn, hoạt động tuyển dụng đào tạo bổ sung công nhân đạt kết quả tốt.

**Biểu đồ nghị việc**



□ Tỷ lệ tuyển dụng thành công

**Biểu đồ nghị việc**



□ Tỷ lệ tuyển dụng thành công ■ Tỷ lệ CN cũ nghỉ việc

#### 4) Hoạt động tài chính và kế toán.

- **Quản lý nghiệp vụ kế toán:**
  - Kiểm soát chặt chẽ thu chi và thanh toán không xảy ra tình trạng nợ xấu.
  - Quản lý và thường xuyên phân tích nguyên nhân tăng giảm các loại doanh thu, chi phí và có biện pháp xử lý kịp thời.
  - Các báo cáo tài chính và kế toán luôn đúng thời hạn, không có các sai sót trọng yếu.
- **Quản lý vốn và dòng tiền:**
  - Tình hình tài chính tốt, cân đối thu chi kịp thời. Các khoản chi phí lương, nợ phải trả.. đáp ứng kịp thời tiến độ thanh toán.
- **Quản lý và sắp xếp kho bãi:**
  - Quản lý kho bãi đã cải tiến và tốt hơn so với năm trước nhưng vẫn cần hoàn thiện và theo dõi sát hơn.

***Đánh giá chung:*** Phòng TCKT đã hoàn thành các yêu cầu nhiệm vụ trong năm 2021 về hoạt động tài chính và kế toán. Hoàn thành vai trò quản trị hệ thống, kiểm soát thông tin và tham mưu với bộ máy điều hành sản xuất kinh doanh.

## II. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Ban giám đốc luôn sâu sát nắm chắc tình hình tổ chức hoạt động chung của công ty cũng như từng bộ phận và phân xưởng.
- Từng cán bộ quản lý đều thể hiện tốt trách nhiệm và tinh thần hợp tác trong các hoạt động vì lợi ích chung của công ty, tôn trọng các chính sách quy chế quy trình làm việc, phát huy vai trò đầu tàu dẫn dắt bộ phận, triển khai và giám sát kiểm tra các hoạt động thuộc trách nhiệm được phân công.
- Trong các hoạt động, chú trọng bàn bạc, tham vấn, tham mưu trong Ban giám đốc và giữa các giám đốc trưởng bộ phận chức năng (có mở rộng đến các nhân viên nòng cốt khi cần thiết), từ đó phát huy được vai trò và khả năng của cá nhân; các chủ trương và ý định được xem xét cân nhắc trước khi ra quyết định điều hành nên được cấp dưới và tuyệt đại đa số CBCN có liên quan đồng tình thực hiện.
- Trong tổ chức thực hiện, thể hiện sự năng động, nhạy bén, linh hoạt và sáng tạo, chịu nghiên cứu học hỏi, biết sử dụng các nguồn lực tiết kiệm và hiệu quả, biết đúc kết kịp thời các kinh nghiệm.

***Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực và hiệu quả hoạt động của Ban giám đốc và các Trưởng bộ phận, đem lại những kết quả khả quan trong tình hình dịch bệnh và giãn cách kéo dài năm 2021.***

***Hội đồng quản trị đề nghị Ban giám đốc chú trọng những hoạt động sau đây trong năm 2022:***

- 1) Thường xuyên đánh giá định vị các sản phẩm chủ yếu để có những giải pháp, biện pháp củng cố các lợi thế cạnh tranh trong các thị trường mục tiêu.
- 2) Tìm nguồn thông tin nghiên cứu áp dụng công nghệ sản phẩm mới, đặc biệt là các sản phẩm có tính cạnh tranh cao mang đến lợi nhuận cao và các sản phẩm đáp ứng được xu thế thân thiện hơn với môi trường.
- 3) Tiếp tục phát triển công ty theo hướng công nghiệp 4.0, tập trung vào đổi mới thiết bị sản xuất, cơ giới và tự động hóa một số công đoạn thủ công, cải tiến hệ thống dữ liệu và thông tin nội bộ qua internet.
- 4) Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị và tính chuyên nghiệp của các bộ phận chức năng, xem đây là hai yếu tố cạnh tranh đặc biệt trong giai đoạn tới.
- 5) Đề cao hơn nữa tính chủ động của các trưởng bộ phận, trách nhiệm của từng cán bộ điều hành đối với tổ chức, hoạt động và kết quả trong từng lĩnh vực, bộ phận được giao; biểu dương và khen thưởng kịp thời hơn nữa đề động viên người có thành tích mang đến hiệu quả chung cho công ty và từng lĩnh vực.
- 6) Khắc phục những hạn chế tồn tại (nhất là những vấn đề tuy nhỏ nhưng lặp lại nhiều lần) của các bộ phận chức năng, tiếp tục cải tiến các giải pháp cải thiện kết quả tuyển dụng đào tạo công nhân.

## III. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



Theo Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), mức tăng trưởng toàn cầu của năm 2022 dự báo chỉ dưới 5%, trong đó các nền kinh tế tiên tiến được cho là sẽ tăng trưởng tốt hơn nhiều so với các nước đang phát triển.

Fitch Ratings dự báo tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2022 là 7,9%. Nhiều chuyên gia và tổ chức quốc tế nhận định Việt Nam vẫn là điểm đến hấp dẫn các nhà đầu tư trong trung hạn.



Sau khi tình hình dịch bệnh từng bước được kiểm soát, khả năng sản xuất đi vào ổn định. Đó là tín hiệu đáng mừng cho thấy triển vọng phát triển của ngành nhựa Việt Nam đang dần hồi phục và phát triển trong năm 2022.

Đặc biệt là những hiệp định thương mại: Thương mại tự do Việt Nam – Liên minh Châu Âu, Hiệp định Đối tác kinh tế Toàn diện khu vực... đã bắt đầu có hiệu lực và đi vào thực thi. Điều này hứa hẹn mở ra nhiều cơ hội xuất khẩu sản phẩm nhựa của doanh nghiệp Việt trong tương lai.

Trong bối cảnh kinh tế thế giới và Việt Nam trong năm 2022 phải thách thức với nhiều vấn đề nghiêm trọng, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty sẽ phải đối mặt với muôn vàn khó khăn.

Tuy nhiên với những lợi thế về năng lực sản xuất và khả năng tài chính, kinh nghiệm quản trị và thương trường, đang có một lượng khách hàng truyền thống tương đối ổn định, thương hiệu của công ty được tin cậy cùng với cùng với

khả năng cạnh tranh của công ty trên cả hai thị trường nội địa và xuất khẩu là những cơ sở và thời cơ để Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng tiếp tục phát triển bền vững trước những biến động khó lường và cạnh tranh ngày càng khốc liệt.

***Trong năm 2022, HĐQT sẽ tập trung vào một số hoạt động sau đây nhằm nâng cao hơn nữa qui mô và hiệu quả hoạt động của công ty:***

- 1) Tiếp tục đầu tư đổi mới và tăng thêm các loại máy móc thiết bị sản xuất mới để tăng năng suất, sản lượng, chất lượng sản phẩm, tiết kiệm lao động, nguyên liệu và năng lượng.*
- 2) Tạo điều kiện tiếp cận, nghiên cứu áp dụng một số công nghệ để phát triển sản phẩm mới.*
- 3) Chú trọng nắm bắt thông tin, đề cao quản trị rủi ro từ những biến động của thị trường và khách hàng để hạn chế tối đa hệ lụy đến công ty.*
- 4) Mở rộng các quan hệ với các đối tác, tìm cách giới thiệu và hỗ trợ cho Ban giám đốc tìm kiếm và khai thác cơ hội thị trường, trong đó thúc đẩy tiếp thị một số sản phẩm tiềm năng ở thị trường nội địa (Túi chứa nước ngọt cho các vùng hạn mặn)*
- 5) Tạo điều kiện cho đào tạo năng lực quản trị, điều hành, chuyên môn nghiệp vụ, thúc đẩy việc phát triển đội ngũ kế thừa.*
- 6) Có những định hướng, ra quyết định kịp thời về chủ trương, chính sách nhằm đảm bảo cho tổ chức và hoạt động của công ty luôn hiệu quả.*
- 7) Phát huy hơn nữa vai trò của Ban kiểm soát trong giám sát tổ chức hoạt động của công ty.*
- 8) Đảm bảo quan hệ cổ đông theo điều lệ, qui chế công ty và qui định của pháp luật.*

## Phần V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### I. Hội đồng quản trị

#### 1) Danh sách thành viên HĐQT, tỷ lệ sở hữu cổ phần tại ngày 16/03/2022.

| Stt | Thành viên HĐQT          | Chức Danh | Ngày Bổ nhiệm | Số lượng cp sở hữu cổ phần biểu quyết | Tỷ lệ % | Ghi Chú      |
|-----|--------------------------|-----------|---------------|---------------------------------------|---------|--------------|
| 1   | Bà Phạm Đỗ Diễm Hương    | CT.HĐQT   | 22/05/2020    | 896,700                               | 3.67%   | Tái bổ nhiệm |
| 2   | Ông Phạm Trung Cang      | PCT.HĐQT  | 22/05/2020    | 3,223,220                             | 13.19%  | Tái bổ nhiệm |
| 3   | Ông Phạm Văn Mẹo         | PCT.HĐQT  | 22/05/2020    | 55,000                                | 0.23%   | Tái bổ nhiệm |
| 4   | Cô Tôn Thị Hồng Minh     | PCT.HĐQT  | 22/05/2020    | 704,000                               | 2.88%   | Tái bổ nhiệm |
| 5   | Bà Nguyễn Thị Thanh Loan | T/v.HĐQT  | 22/05/2020    | 177,160                               | 0.73%   | Tái bổ nhiệm |
| 6   | Ông Trần Hữu Vinh        | T/v.HĐQT  | 22/05/2020    | 7,000                                 | 0.03%   | Tái bổ nhiệm |
| 7   | Bà Phạm Thị Trúc Ngân    | T/v.HĐQT  | 22/05/2020    | 1,000                                 | 0.004%  | Tái bổ nhiệm |
| 8   | Ông Huỳnh Minh Việt      | T/v.HĐQT  | 22/05/2020    | -                                     | -       | Tái bổ nhiệm |
| 9   | Bà Danh Thúy Oanh        | T/v.HĐQT  | 26/04/2021    | -                                     | -       | Mới bổ nhiệm |
| 10  | Bà Đoàn Thị Hồng Tươi    | T/v.HĐQT  | 22/05/2020    | 30,000                                | 1.12%   | Từ nhiệm     |

#### 2) Tóm tắt lý lịch của các thành viên Hội Đồng Quản Trị:



**Bà PHẠM ĐỖ DIỄM HƯƠNG**  
**Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị**

- Trình độ: Đại học Chapman Hoa Kỳ, ngành Tài chính Marketing.
- 01 năm làm chuyên viên nghiên cứu thị trường & Phát triển khách hàng Cty Phát triển Địa ốc Continental East Development (Hoa Kỳ).
- 01 năm chuyên viên Quản lý Rủi ro ngân hàng ACB.
- Tham gia và là Chủ Tịch HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng từ năm 2013 đến nay.



**Ông PHẠM TRUNG CANG**  
**Phó Chủ tịch HĐQT**

- Trình độ: Đại Học Kinh tế.
- Sáng lập công ty Tân Đại Hưng từ năm 1978.
- Từ 1993-2007: Chủ tịch kiêm TGD công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng.
- Là một thành viên sáng lập ngân hàng ACB, tham gia quản trị ACB từ khi thành lập đến 2007.
- Thành viên HĐQT Eximbank từ 2007-2013.
- Từ 2007-2013: Chủ tịch HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng
- Phó Chủ tịch HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng năm 2017, TGD công ty từ 25/01/2019.



**Bà TÔN THỊ HỒNG MINH**  
**Phó CTHĐQT**

**Phó TGD & GD Kinh Doanh.**

- Trình độ: Đại học Kinh tế.
- Làm việc tại phòng kinh doanh công ty từ năm 1997.
- Giám đốc kinh doanh công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng từ năm 2000.
- Tham gia HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng từ năm 2007 đến nay.



**Ông PHẠM VĂN MỆO**  
**Thành viên HĐQT- TGD**  
**kiêm GD Nhà máy (công ty**  
**con: Công ty TNHH TĐH).**

- Trình độ: Trung cấp Hành chính.
- Hoạt động trong ngành bao bì nhựa từ 1983.
- Phó TGD Công ty từ 1993-2019.
- Tham gia HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng từ 2007 đến nay.



**Bà NGUYỄN THỊ THANH LOAN**

**Thành viên HĐQT**  
**kiêm GD Tài chính**

- Trình độ: Thạc sĩ ngành TCKT.
  - 09 năm kế toán tổng hợp công ty Tổng hợp quận 6 TPHCM.
  - Làm việc tại phòng TCKT công ty và là Kế toán trưởng từ năm 1993.
- Tham gia HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng từ năm 2007 đến nay



**Ông TRẦN HỮU VINH**  
**Thành viên HĐQT**

**kiêm Giám đốc SX và gia công.**

- Trình độ: Đại học Kinh tế.
- Làm việc tại phòng kế hoạch sản xuất công ty từ năm 1999.
- Giám đốc SX công ty từ năm 2007.
- Tham gia HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng từ 2007 đến nay.



**Bà DANH THÚY OANH**  
**Thành viên HĐQT**

- Trình độ: Đại học Kinh tế.
- **Từ năm 2000 - 2005:** Kế toán Tổng hợp Công ty TNHH Hào Quang.
- **Từ năm 2006 đến 2015:** Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xây Dựng Hoàng Ngân
- **Từ năm 2016 đến nay:** Kinh doanh tự do
- **Tham gia TV HĐQT Cty CP Nhựa Tân Đại Hưng từ 26/4/2021 đến nay**



**Ông HUỖNH MINH VIỆT**  
**Thành viên HĐQT**

- Trình độ: Đại học Kinh doanh Quốc tế.
- **2011 - 2012:** NV XNK công ty Yicheng Logistics Việt Nam.
- **2012-2013:** NVKD Cty Muller Partner Việt Nam.
- **2014 đến nay:** TPKD XNK Cty CP Eastwood Energy.
- Tham gia HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng từ 22/05/2020 đến nay.



**Bà PHẠM THỊ TRÚC NGÂN**  
**Thành viên HĐQT**

- Trình độ: Đại học Kế toán kiểm toán.
- **2008-2017:** KTT công ty CP KD Đại Hưng Thịnh.
- **2018 đến nay:** KTT công ty CP Giải pháp sáng tạo Mekong.
- Tham gia HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng từ 22/05/2020 đến nay.



**3) Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị:**

HDQT công ty không có tiêu ban.

**4) Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

- HDQT hoạt động đúng theo điều lệ công ty, tập trung vào các lĩnh vực: thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ 2021, chiến lược kinh doanh, chỉ tiêu kế hoạch năm 2021, đánh giá tình hình kết quả hoạt động công ty năm 2021 và xác định những nhiệm vụ trọng tâm trong các quý năm 2021.
- Chủ tịch HDQT đã ủy nhiệm cho Phó Chủ Tịch điều hành hoạt động của HDQT đúng theo điều lệ, qui chế, các mục tiêu chương trình đã được ĐHĐCĐ và HDQT quyết định.
- Các thành viên độc lập trong HDQT (cũng như tất cả các thành viên HDQT và BKS) đều được chia sẻ đầy đủ kịp thời các thông tin nội bộ; sâu sát nắm vững tình hình; phát huy vai trò tư vấn, tham gia trong hoạch định, quyết định các chủ trương kế hoạch và giám sát các hoạt động của công ty, thể hiện đầy đủ vai trò và trách nhiệm đúng theo điều lệ công ty.
- HDQT đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 vào ngày 26/04/2021 đúng theo luật pháp và điều lệ công ty.
- Bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị là Bà Danh Thúy Oanh, thay thế 01 Thành viên HDQT là Bà Đoàn Thị Hồng Tươi xin từ nhiệm, nhiệm kỳ V (2020- 2024).
- HDQT đã triển khai nghị quyết ĐHĐCĐ, tập trung vào một số hạng mục:
  - Nhận định, dự báo, đánh giá và định hướng hoạt động công ty trong từng quý, tháng.
  - Quyết định chủ trương sử dụng ngoại tệ, thay đổi đầu tư thêm máy móc thiết bị sản xuất, cải tiến chế độ lương sản phẩm, tăng năng suất lao động, duy trì hệ thống gia công, định mức tồn kho nguyên vật liệu, chính sách tài chính đối với một số cơ sở gia công dựa trên khả năng tài chính của công ty nhằm hỗ trợ phát triển và thắt chặt hơn nữa mối quan hệ hợp tác giữa hai bên.
  - Quyết định chính sách và chế độ khen thưởng nhằm khuyến khích hiệu quả làm việc và thừa nhận thành tích của cán bộ nhân viên và công nhân.
  - Hoàn tất chi trả cổ tức năm 2020 theo nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 26/04/2021.
  - Thực hiện đầy đủ các qui định về báo cáo đến các cơ quan thẩm quyền.
- Trong năm qua là đợt đại dịch Covid\_19 trên toàn thế giới và Việt Nam nói riêng, trong đó các tỉnh thành và Tp. Hồ Chí Minh đã chứng kiến nhiều mất mát đau thương tổn thất, HDQT đã quyết định những chủ trương và chính sách kịp thời, hỗ trợ BGĐ trong hoạt động điều hành vừa hoạt động sản xuất vừa thực hiện các biện pháp phòng chống dịch theo yêu cầu của Bộ Y tế và thông báo hướng dẫn của UBND tỉnh Thành các cấp, đề CB CNV an tâm tham gia hoạt động sản xuất 3 tại chỗ tại Công ty.
- Hội đồng quản trị luôn luôn đồng hành cùng với các hoạt động Công ty như bám sát tình hình sản xuất kinh doanh qua các buổi họp đánh giá hàng tháng và hàng quý của Ban Giám đốc, đưa ra những đánh giá, dự báo, định hướng, tập trung lãnh đạo và giám sát toàn diện tổ chức hoạt động của công ty.
- Các cuộc họp hội đồng quản trị trong năm 2021**

| Stt | Thành viên HDQT          | Chức Danh | Số buổi họp HDQT tham dự | Tỷ lệ | Lý do không tham dự     |
|-----|--------------------------|-----------|--------------------------|-------|-------------------------|
| 1   | Bà Phạm Đỗ Diễm Hương    | CT. HDQT  | 07/07                    | 100%  |                         |
| 2   | Ông Phạm Trung Cang      | PCT. HDQT | 07/07                    | 100%  |                         |
| 3   | Ông Phạm Văn Mẹo         | PCT. HDQT | 07/07                    | 100%  |                         |
| 4   | Cô Tôn Thị Hồng Minh     | PCT. HDQT | 07/07                    | 100%  |                         |
| 5   | Bà Nguyễn Thị Thanh Loan | T/v.HDQT  | 07/07                    | 100%  |                         |
| 6   | Ông Trần Hữu Vinh        | T/v.HDQT  | 07/07                    | 100%  |                         |
| 7   | Bà Phạm Thị Trúc Ngân    | T/v.HDQT  | 07/07                    | 100%  |                         |
| 8   | Ông Huỳnh Minh Việt      | T/v.HDQT  | 07/07                    | 100%  |                         |
| 9   | Bà Đoàn Thị Hồng Tươi    | T/v.HDQT  | 04/07                    | 57%   | Từ nhiệm 26/04/2021     |
| 10  | Bà Danh Thúy Oanh        | T/v.HDQT  | 03/07                    | 43%   | Mới bổ nhiệm 26/04/2021 |

□ **Các nghị quyết của HĐQT thực hiện trong năm 2021.**

| <b>Stt</b> | <b>Số nghị quyết</b> | <b>Ngày</b> | <b>Nội dung</b>  | <b>Tỷ lệ thông qua</b> |
|------------|----------------------|-------------|--|------------------------|
| 1          | 01/NQ.HĐQT.2021      | 27/01/2021  | Tóm lược tình hình và kết quả hoạt động quý 4/2020 và cả năm 2020, thông qua kế hoạch khen thưởng và chính sách chăm lo tết Tân Sửu , Xác lập chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và chỉ tiêu lợi nhuận năm 2021, Xác định các nhiệm vụ trọng tâm quý 01/2021.   | <b>100%</b>            |
| 2          | 02/NQ.HĐQT.2021      | 05/03/2021  | Thông qua báo cáo tài chính Công ty “me” và Báo cáo tài Chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công Ty kiểm toán A&C, Chuẩn bị tổ chức Đại Hội Cổ Đông thường niên năm 2021, Xác định ngày chốt danh sách cổ đông để tham dự Đại Hội CĐTN, xác định thời gian địa điểm, ngày tổ chức ĐHCĐ.  | <b>100%</b>            |
| 3          | 03/NQ.HĐQT.2021      | 02/04/2021  | Thông qua các văn bản Chuẩn bị tổ chức Đại Hội Cổ Đông thường niên năm 2021, thông qua báo cáo thường niên 2020, các văn bản biểu mẫu và tờ trình và danh mục tài liệu có liên quan đến Đại hội cổ đông thường niên năm 2021, Thay đổi 1 TV HĐQT xin từ nhiệm và bầu bổ sung 01 TV mới .   | <b>100%</b>            |
| 4          | 04/NQ.HĐQT.2021      | 26/04/2021  | Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh quý 01/2021 và xác định phương hướng hoạt động quý 02/2021.  | <b>100%</b>            |
| 5          | 01/NQ.HĐQT.2021      | 26/04/2021  | Tổ chức Đại hội Cổ Đông Thường niên năm 2021, Bầu bổ sung 1 TV HĐQT.   | <b>100%</b>            |
| 6          | 05/NQ.HĐQT.2021      | 12/08/2021  | Đánh giá tóm lược kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2021, thông qua Báo cáo soát xét và chứng thư soát xét do Cty kiểm toán A&C lập, xác định phương hướng hoạt động 6 tháng cuối năm 2021, thông qua ngày chốt DS Cổ đông để chi trả cổ tức 2020, Thực hiện các biện pháp phòng chống Dịch covid theo chỉ thị của Thủ Tướng Chính Phủ. | <b>100%</b>            |
| 7          | 06/NQ.HĐQT.2021      | 28/10/2021  | Sơ lược hoạt động SXKD của quý 03 trong giai đoạn giãn cách XH và áp dụng hoạt động SX theo phương án “3T”, thông qua KQKD 09 tháng, Phương hướng hoạt động SXKD 03 tháng cuối năm 2021 còn nhiều khó khăn sau khi giãn cách Xã hội, Công ty đã hoàn tất chi trả cổ tức 2020 cho cổ đông .   | <b>100%</b>            |

- HĐQT triển khai nghiêm túc các nghị quyết, quá trình thực hiện có sự phối hợp với ban kiểm soát và sâu sát nắm vững tình hình tổ chức hoạt động của bộ máy điều hành và của các lĩnh vực chức năng, kết quả thực hiện tốt các nghị quyết trong năm dẫn đến hiệu quả tốt của công ty năm 2021

**5) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập(có 03 thành viên HĐQT độc lập).**

- Không tham gia vào hoạt động điều hành.
- Tham gia đầy đủ và nêu Ý kiến tham gia biểu quyết, trong các cuộc họp HĐQT, góp ý kiến vào các hoạt động của HĐQT và của công ty, góp ý vào các văn bản của HĐQT.

**6) Các thành viên HĐQT tham gia đào tạo về quản trị công ty theo qui định.**

## II. Ban Kiểm soát

### 1) Danh sách Thành viên và của Ban Kiểm Soát (BKS) và tỷ lệ sở hữu cổ phần :

| Stt | Thành viên BKS            | Chức vụ    | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS | Số lượng cp sở hữu cp có quyền biểu quyết | Tỷ lệ % sở hữu cp có quyền biểu quyết |
|-----|---------------------------|------------|--|---|---------------------------------------|
| 1   | Ông Lâm Nguyễn Quốc Nghĩa | Trưởng ban | 22/05/2020                               | 2.050                                     | 0.10%                                 |
| 2   | Bà Đào Thanh Tuyền        | Thành viên | 22/05/2020                               | 33.600                                    | 0.16%                                 |
| 3   | Bà Lê Thị Minh Trí        | Thành viên | 22/05/2020                               | 0   | 0%                                    |

### Tóm tắt lý lịch Ban Kiểm Soát

|  |   |   |
|--|---|---|
|   |    |    |
| <p><b>Ông LÂM NGUYỄN QUỐC NGHĨA</b><br/><i>Trưởng Ban Kiểm Soát</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li><input type="checkbox"/> Trình độ: Thạc sĩ ngành TCKT.</li> <li><input type="checkbox"/> Làm việc tại phòng TCKT công ty từ năm 1999.</li> <li><input type="checkbox"/> Kế toán trưởng công ty TNHH TĐT từ 2006.</li> <li><input type="checkbox"/> Tham gia Ban kiểm soát từ năm 2007.</li> </ul> | <p><b>Bà ĐÀO THANH TUYỀN</b><br/><i>Thành viên Ban kiểm soát</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li><input type="checkbox"/> Trình độ: Thạc sĩ ngành TCKT.</li> <li><input type="checkbox"/> Làm việc tại phòng TCKT công ty từ năm 1998.</li> <li><input type="checkbox"/> Thành viên HĐQT từ 2007-2011</li> <li><input type="checkbox"/> Thành viên Ban kiểm soát từ 2012 đến nay.</li> </ul> | <p><b>Bà LÊ THỊ MINH TRÍ</b><br/><i>Thành viên Ban kiểm soát</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li><input type="checkbox"/> Trình độ: Cao đẳng TCKT.</li> <li><input type="checkbox"/> Làm việc tại công ty từ năm 2004, phụ trách về kế toán tổng hợp</li> <li><input type="checkbox"/> Thành viên Ban kiểm soát từ 04/2019.</li> </ul> |

### 2) Các hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2021

#### a) Ban Kiểm Soát đã tham gia các buổi dự họp với các thành viên HĐQT :

| Stt | Thành viên HĐQT           | Chức vụ    | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ | Lý do không tham dự |
|-----|---------------------------|------------|---------------------|-------|---------------------|
| 1   | Ông Lâm Nguyễn Quốc Nghĩa | Trưởng ban | 07/07               | 100%  |                     |
| 2   | Bà Đào Thanh Tuyền        | Thành viên | 07/07               | 100%  |                     |
| 3   | Bà Lê Thị Minh Trí        | Thành viên | 07/07               | 100%  |                     |

#### Kết quả các cuộc họp với HĐQT :

- BKS giám sát các hoạt động của HĐQT. HĐQT trong năm 2021 đã thực hiện đúng theo điều lệ Cty, tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm trong chiến lược kinh doanh năm 2021. Đánh giá tình hình và kết quả hoạt động từng quý và cả năm. Xác lập các phương hướng mục tiêu kế hoạch kinh doanh cốt lõi năm 2021, các nhiệm vụ trọng tâm trong từng quý.
- HĐQT đã thực thi 08 Nghị quyết và Quyết định của trong năm 2021, công bố thông tin theo các Quy định của luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.
- BKS cùng với HĐQT đề xuất và lựa chọn Cty kiểm toán độc lập. Thẩm định các Báo cáo tài chính bán niên và cả năm được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán A&C.

- Ngoài các buổi họp và làm việc trực tiếp, BKS thường xuyên liên lạc, trao đổi qua email, điện thoại..những thông tin, tài liệu, những giải pháp cụ thể thiết thực để cập nhật và đưa ra các ý kiến đóng góp kịp thời.

**BKS đã tham gia đầy đủ các buổi họp với BGD Cty.**

**Kết quả các cuộc họp với BGD :**

- BGD tuân thủ điều lệ và quy chế nội bộ Cty trong việc quản lý và điều hành.
- BGD đã triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 theo định hướng của HĐQT.
- BGD tiến hành họp hàng tháng để xem xét và đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong tháng, tình hình sử dụng vốn, phân tích nguyên nhân tăng giảm các chỉ tiêu tài chính.

**b) Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban giám đốc điều hành và cổ đông:**

- Thực hiện theo đúng chức năng, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính của Công ty để kịp thời có những kiến nghị phù hợp, tham gia các cuộc họp của HĐQT Công ty.
- Kiểm tra báo cáo tài chính từng tháng, từng quý.
- Xem xét tính hợp lý, hợp pháp các qui trình, qui chế nội bộ của Công ty.

**c) Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:**

- Thường xuyên phối hợp, trao đổi thảo luận giữa BKS và HĐQT, Ban giám đốc.
- BKS đều được mời tham dự tất cả các cuộc họp HĐQT của Công ty.

**d) Đánh giá báo cáo sơ kết, báo cáo tài chính trước và sau kiểm toán:**

- BKS đã phối hợp với kiểm toán độc lập xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.
- Về báo cáo tài chính năm 2020 của công ty : đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán A&C. Báo cáo này phản ánh trung thực, hợp lý, đầy đủ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của công ty. Báo cáo được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan .
- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế, các khoản chi phí, khoản trích dự phòng, được ghi nhận đúng theo các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành.
- Ban kiểm soát đã thẩm tra báo cáo tài chính, qua đó đồng ý với các đánh giá hoạt động tài chính của công ty đã nêu trong báo cáo kiểm toán.

**e) Đánh giá chung hoạt động của BKS :**

- Trong năm 2021, BKS đã hoàn thành tốt các chức năng kiểm tra và giám sát các hoạt động của HĐQT và BGD Cty.
- BKS đánh giá cao HĐQT và BGD Cty, đã tạo điều kiện thuận lợi để BKS hoàn thành nhiệm vụ.

**3) Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của BKS:**

- Công ty đã thực hiện việc trả thù lao cho BKS theo mức chi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.
- Không có Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ.
- Không có Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ.
- Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty : HĐQT và BGD Cty đã thực hiện các quy định về quản trị Cty. Các biên bản, quyết định, nghị quyết do HĐQT và BGD được lập đúng theo quy định, thuộc thẩm quyền của HĐQT và BGD phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của Cty.

**4) Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021**

- 1) BKS cần tiếp tục bám sát các chỉ tiêu trong Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua, đề có kế hoạch kiểm tra việc thực hiện theo quy định.
- 2) Kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Cty.
- 3) Tổ chức xem xét và kiểm tra các báo cáo tài chính tháng, quý, 06 tháng và cả năm của công ty.
- 4) Tham gia các cuộc họp của HĐQT và BGD để nắm bắt và kiểm tra việc tuân thủ điều lệ và các quy chế nội bộ.
- 5) Kiểm tra việc thực hiện công bố thông tin đến các cổ đông và nhà đầu tư theo đúng quy định.
- 6) Thực hiện các công tác khác.

### III. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

1) Công ty đã thực hiện việc trả thù lao cho HĐQT và BKS theo mức chi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

| Stt | Họ và Tên                | Chức Danh      | Số tiền thù lao Năm 2021 (vnd) | Ghi Chú |
|-----|--------------------------|----------------|--------------------------------|---------|
|     | <b>Hội đồng quản trị</b> |                |                                |         |
| 1   | Bà Phạm Đỗ Diễm Hương    | CT. HĐQT       | 120,000,000                    |         |
| 2   | Ông Phạm Trung Cang      | PCT. HĐQT      | 120,000,000                    |         |
| 3   | Ông Phạm Văn Mẹo         | PCT. HĐQT      | 120,000,000                    |         |
| 4   | Cô Tôn Thị Hồng Minh     | PCT. HĐQT      | 120,000,000                    |         |
| 5   | Bà Nguyễn Thị Thanh Loan | T/v.HĐQT       | 120,000,000                    |         |
| 6   | Ông Trần Hữu Vinh        | T/v.HĐQT       | 120,000,000                    |         |
| 7   | Bà Phạm Thị Trúc Ngân    | T/v.HĐQT       | 120,000,000                    |         |
| 8   | Ông Huỳnh Minh Việt      | T/v.HĐQT       | 120,000,000                    |         |
| 9   | Bà Đoàn Thị Hồng Tươi    | T/v.HĐQT       | 60,000,000                     |         |
| 10  | Bà Danh Thúy Oanh        | T/v.HĐQT       | 60,000,000                     |         |
|     | <b>Ban Kiểm Soát</b>     |                |                                |         |
| 1   | Lâm Nguyễn Quốc Nghĩa    | Trưởng BKS     | 120,000,000                    |         |
| 2   | Đào Thanh Tuyên          | Thành Viên BKS | 100,000,000                    |         |
| 3   | Lê Thị Minh Trí          | Thành Viên BKS | 100,000,000                    |         |
|     | <b>Tổng Cộng</b>         |                | <b>1,400,000,000</b>           |         |

2) **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và cổ đông lớn:**

Trong năm 2021, không có giao dịch

3) **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:**

Không có giao dịch trong năm 2021.

4) **Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:**

- HĐQT và BGD Cty đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về quản trị Cty.
- Các biên bản, quyết định, nghị quyết do HĐQT được lập đúng theo quy định, thuộc thẩm quyền của HĐQT, phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ của công ty.
- HĐQT phân công người duy trì quan hệ với Sở Giao dịch chứng khoán, thường xuyên trao đổi thông tin và tham vấn khi cần thiết, cử người tham dự các cuộc họp và các khóa học, thực hiện đúng và đủ chế độ báo cáo đến Sở GDCK TPHCM và UBCKNN.

### Phần VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2021



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG**

MỤC LỤC

|  | Trang   |
|--|---------|
| 1. Mục lục   | 1       |
| 2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc   | 2 - 3   |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập   | 4       |
| 4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021   | 5 - 8   |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 9       |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021           | 10 - 11 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021    | 12 - 31 |
| 8. Phụ lục   | 32 - 34 |

\*\*\*\*\*

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

#### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302760102, đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 4 năm 2002 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 22 tháng 6 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

#### Trụ sở chính

- Địa chỉ : 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84 – 28) 39 737 277 - 39 737 278
- Fax : (84 – 28) 39 737 279 - 39 737 276

#### Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, chế biến sản phẩm cao su (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất bao bì nhựa PP, PE, PET (trừ tái chế phế thải) (trừ sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b, sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b);
- Mua bán bao bì nhựa PP, PE, PET ; mua bán sản phẩm nhựa, nguyên liệu nhựa, bột màu;
- Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành nông lâm nghiệp;
- Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành công nghiệp;
- Xây dựng công trình công ích khác chưa được phân đầu vào;
- Xây dựng công trình thủy: đập và đê

#### Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

| Họ và tên                | Chức vụ                  | Ngày bổ nhiệm/từ nhiệm            |
|--------------------------|--------------------------|-----------------------------------|
| Bà Phạm Đỗ Diễm Hương    | Chủ tịch                 | Bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2020 |
| Ông Phạm Trung Cang      | Phó Chủ tịch thường trực | Bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2020 |
| Ông Phạm Văn Mẹo         | Phó Chủ tịch             | Bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2020 |
| Bà Tôn Thị Hồng Minh     | Phó Chủ tịch             | Bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2020 |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Loan | Thành viên               | Bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2020 |
| Ông Trần Hữu Vinh        | Thành viên               | Bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2020 |
| Bà Đoàn Thị Hồng Tươi    | Thành viên               | Từ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2021 |
| Bà Danh Thúy Oanh        | Thành viên               | Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2021 |
| Bà Phạm Thị Trúc Ngân    | Thành viên               | Bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2020 |
| Ông Huỳnh Minh Việt      | Thành viên               | Bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2020 |

#### Ban kiểm soát

| Họ và tên                 | Chức vụ    | Ngày tái bổ nhiệm                     |
|---------------------------|------------|---------------------------------------|
| Ông Lâm Nguyễn Quốc Nghĩa | Trưởng ban | Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2020 |
| Bà Lê Thị Minh Trí        | Ủy viên    | Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2020 |
| Bà Đào Thanh Tuyền        | Ủy viên    | Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2020 |



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG**  
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

**Ban Tổng Giám đốc**

| Họ và tên            | Chức vụ           | Ngày bổ nhiệm                     |
|----------------------|-------------------|-----------------------------------|
| Ông Phạm Văn Mẹo     | Tổng Giám đốc     | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2019 |
| Bà Tôn Thị Hồng Minh | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2016 |

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phạm Văn Mẹo – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tập đoàn.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



**Phạm Văn Mẹo**  
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2022





## A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Head Office : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn  
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn  
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn  
Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn



www.a-c.com.vn

Số: 1.0480/22/TC-AC

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng (sau đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 17 tháng 3 năm 2022, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0099-2018-008-1

Lê Đình Long - Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4161-2022-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2022



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG**

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
|   |            |             |                        |                        |
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b> |             | <b>536.289.534.743</b> | <b>472.203.090.811</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>30.978.993.605</b>  | <b>42.201.969.062</b>  |
| 1. Tiền   | 111        |             | 27.978.993.605         | 32.901.969.062         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | 3.000.000.000          | 9.300.000.000          |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                | <b>120</b> |             | <b>134.186.250.548</b> | <b>135.200.000.000</b> |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                           | 121        |             | -                      | -                      |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122        |             | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        | V.2a        | 134.186.250.548        | 135.200.000.000        |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |             | <b>105.076.319.422</b> | <b>108.959.550.349</b> |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | V.3         | 87.973.994.143         | 97.893.506.373         |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        | V.4         | 4.373.570.855          | 1.396.747.500          |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        | V.5         | 14.023.022.564         | 10.963.564.616         |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 137        | V.6         | (1.294.268.140)        | (1.294.268.140)        |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> | <b>V.7</b>  | <b>260.194.875.672</b> | <b>179.628.103.897</b> |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        |             | 260.194.875.672        | 179.628.103.897        |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        |             | -                      | -                      |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>5.853.095.496</b>   | <b>6.213.467.503</b>   |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        | V.8a        | 1.519.081.731          | 185.998.742            |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |             | 4.334.013.765          | 6.027.468.761          |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        |             | -                      | -                      |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        |             | -                      | -                      |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |             | -                      | -                      |

0300  
CÔ  
LÁCH N  
ÊM TÔ  
A  
BÌNH

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

5

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG**

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh |                        |                        |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
|   |            |             | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
| <b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                       | <b>200</b> |             | <b>212.811.500.349</b> | <b>229.262.502.740</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        |             | -                      | -                      |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn              | 212        |             | -                      | -                      |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc           | 213        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                      | 214        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu dài hạn khác                        | 216        |             | -                      | -                      |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |             | <b>189.755.111.953</b> | <b>204.339.162.527</b> |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | V.9         | 158.477.111.953        | 172.101.162.527        |
| - Nguyên giá                                    | 222        |             | 295.328.367.670        | 289.799.474.034        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 223        |             | (136.851.255.717)      | (117.698.311.507)      |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                    | 225        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 226        |             | -                      | -                      |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227        | V.10        | 31.278.000.000         | 32.238.000.000         |
| - Nguyên giá                                    | 228        |             | 33.364.800.000         | 33.364.800.000         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 229        |             | (2.086.800.000)        | (1.126.800.000)        |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>230</b> |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                    | 231        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 232        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>240</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | -                      | -                      |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        |             | -                      | -                      |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b> |             | <b>17.000.347.397</b>  | <b>14.000.347.397</b>  |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | 251        |             | -                      | -                      |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        |             | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        | V.2b        | 347.397                | 347.397                |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        |             | -                      | -                      |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255        | V.2a        | 17.000.000.000         | 14.000.000.000         |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>6.056.040.999</b>   | <b>10.922.992.816</b>  |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        | V.8b        | 6.056.040.999          | 10.922.992.816         |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại               | 262        |             | -                      | -                      |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 263        |             | -                      | -                      |
| 4. Tài sản dài hạn khác                         | 268        |             | -                      | -                      |
| 5. Lợi thế thương mại                           | 269        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b> |             | <b>749.101.035.092</b> | <b>701.465.593.551</b> |

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

6

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG**

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh |                        |                        |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
|   |            |             | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>412.363.927.884</b> | <b>361.915.971.054</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>412.363.927.884</b> | <b>361.915.971.054</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | V.11        | 127.323.740.397        | 65.920.094.970         |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        | V.12        | 4.410.340.755          | 4.519.366.399          |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | V.13        | 4.231.080.046          | 7.362.139.727          |
| 4. Phải trả người lao động                          | 314        | V.14        | 13.179.925.936         | 13.684.389.871         |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        | V.15        | 728.710.258            | 592.121.819            |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                      | -                      |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                      | -                      |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        |             | -                      | -                      |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | V.16        | 3.654.177.972          | 2.991.019.168          |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        | V.17        | 258.835.952.520        | 266.846.839.100        |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 321        |             | -                      | -                      |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        |             | -                      | -                      |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 | 323        |             | -                      | -                      |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 324        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        |             | -                      | -                      |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                      | -                      |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                      | -                      |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        |             | -                      | -                      |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            | 337        |             | -                      | -                      |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        |             | -                      | -                      |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                      | -                      |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                                 | 340        |             | -                      | -                      |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 341        |             | -                      | -                      |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 342        |             | -                      | -                      |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | 343        |             | -                      | -                      |

315-C  
 TY  
 HỮU HỮ  
 À TỰ V  
 C  
 HỒ C

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

7

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG**

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU   | Mã số      | Thuyết minh | Số                     |                        |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
|  |            |             | cuối năm               | đầu năm                |
| <b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                    | <b>400</b> |             | <b>336.737.107.208</b> | <b>339.549.622.497</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                     | <b>410</b> |             | <b>336.737.107.208</b> | <b>339.549.622.497</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                                    | 411        | V.18        | 244.305.960.000        | 244.305.960.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                     | 411a       |             | 244.305.960.000        | 244.305.960.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi  | 411b       |             | -                      | -                      |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                                      | 412        | V.18        | 82.683.222.451         | 82.683.222.451         |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu                          | 413        |             | -                      | -                      |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                                   | 414        |             | -                      | -                      |
| 5. Cổ phiếu quỹ  | 415        | V.18        | (24.593.180.860)       | (24.593.180.860)       |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản                           | 416        |             | -                      | -                      |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                                | 417        |             | -                      | -                      |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                                     | 418        |             | -                      | -                      |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp                           | 419        |             | -                      | -                      |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                            | 420        |             | -                      | -                      |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                        | 421        | V.18        | 34.341.105.617         | 37.153.620.906         |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a       |             | 19.140.056.106         | 37.153.620.906         |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này                   | 421b       |             | 15.201.049.511         | -                      |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản                         | 422        |             | -                      | -                      |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát                          | 429        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>                        | <b>430</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| 1. Nguồn kinh phí  | 431        |             | -                      | -                      |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định              | 432        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                                   | <b>440</b> |             | <b>749.101.035.092</b> | <b>701.465.593.551</b> |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2022



Hồ Nhật Minh  
Người lập



Nguyễn Thị Thanh Loan  
Kế toán trưởng



Phạm Văn Mẹo  
Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

8



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG**

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh | Năm nay               | Năm trước             |
|--|-------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ              | 01    | VI.1        | 895.836.126.639       | 868.265.115.522       |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                        | 02    |             | -                     | -                     |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ     | 10    | VI.1        | 895.836.126.639       | 868.265.115.522       |
| 4. Giá vốn hàng bán                                    | 11    | VI.2        | 816.380.387.012       | 790.357.677.273       |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ       | 20    |             | 79.455.739.627        | 77.907.438.249        |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                       | 21    | VI.3        | 17.304.383.494        | 12.648.766.343        |
| 7. Chi phí tài chính                                   | 22    | VI.4        | 10.092.910.045        | 9.188.647.017         |
| Trong đó: chi phí lãi vay                              | 23    |             | 6.130.059.981         | 7.390.429.137         |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24    |             | -                     | -                     |
| 9. Chi phí bán hàng                                    | 25    | VI.5        | 41.993.659.050        | 29.442.625.931        |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp                       | 26    | VI.6        | 26.200.197.629        | 26.090.623.477        |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh            | 30    |             | 18.473.356.397        | 25.834.308.167        |
| 12. Thu nhập khác                                      | 31    |             | 782.422.143           | 1.708.059.370         |
| 13. Chi phí khác                                       | 32    |             | 33.032.243            | 485.590               |
| 14. Lợi nhuận khác                                     | 40    |             | 749.389.900           | 1.707.573.780         |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                  | 50    |             | 19.222.746.297        | 27.541.881.947        |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành       | 51    | V.13        | 4.021.696.786         | 5.752.456.854         |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại        | 52    |             | -                     | -                     |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp           | 60    |             | <u>15.201.049.511</u> | <u>21.789.425.093</u> |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ                  | 61    |             | <u>15.201.049.511</u> | <u>21.789.425.093</u> |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát     | 62    |             | -                     | -                     |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                           | 70    | VI.7        | <u>675</u>            | <u>968</u>            |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                         | 71    | VI.7        | <u>675</u>            | <u>968</u>            |



Hồ Nhật Minh  
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Loan  
Kế toán trưởng



Phạm Văn Mẹo  
Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

9



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG**

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                | Năm trước               |
|--|-----------|-------------|------------------------|-------------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>  |           |             |                        |                         |
| 1. Lợi nhuận trước thuế  | 01        |             | 19.222.746.297         | 27.541.881.947          |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:   |           |             |                        |                         |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư  | 02        | V.9;V.10    | 20.112.944.210         | 18.468.886.651          |
| - Các khoản dự phòng   | 03        |             | -                      | -                       |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04        | VI.3        | (654.866.575)          | (735.076.798)           |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  | 05        | VI.3        | (10.025.597.174)       | (9.836.380.082)         |
| - Chi phí lãi vay  | 06        | VI.4        | 6.130.059.981          | 7.390.429.137           |
| - Các khoản điều chỉnh khác  | 07        |             | -                      | -                       |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                           | 08        |             | 34.785.286.739         | 42.829.740.855          |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu  | 09        |             | (73.745.252.641)       | 14.495.330.403          |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho  | 10        |             | (80.566.771.775)       | 34.493.916.055          |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả  | 11        |             | 144.875.111.918        | (5.971.738.952)         |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước   | 12        |             | 3.533.868.828          | (3.678.979.795)         |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh  | 13        |             | -                      | -                       |
| - Tiền lãi vay đã trả  | 14        | V.15;VI.4   | (6.127.059.981)        | (7.576.029.137)         |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 15        | V.13        | (5.823.051.033)        | (3.404.812.508)         |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  | 16        |             | -                      | -                       |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   | 17        |             | -                      | -                       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                       | <b>20</b> |             | <b>16.932.132.055</b>  | <b>71.187.426.921</b>   |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>   |           |             |                        |                         |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác               | 21        | V.9;VII     | (10.818.126.136)       | (30.996.212.263)        |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác            | 22        |             | -                      | -                       |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                    | 23        | V.2a        | (70.186.250.548)       | (81.200.000.000)        |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                            | 24        | V.2a        | 68.200.000.000         | 18.000.000.000          |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 25        |             | -                      | -                       |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 26        |             | -                      | -                       |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                     | 27        | V.5;VI.3    | 9.916.200.458          | 7.971.801.452           |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>   | <b>30</b> |             | <b>(2.888.176.226)</b> | <b>(86.224.410.811)</b> |

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

10

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG**

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất** (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh |                         |                        |
|--|-----------|-------------|-------------------------|------------------------|
|  |           |             | Năm nay                 | Năm trước              |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>   |           |             |                         |                        |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             | 31        |             | -                       | -                      |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        |             | -                       | -                      |
| 3. Tiền thu từ đi vay  | 33        | V.17        | 552.101.661.210         | 493.430.989.796        |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay   | 34        | V.17        | (559.260.274.910)       | (463.035.000.925)      |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính  | 35        |             | -                       | -                      |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   | 36        | V.16;V.18   | (17.993.371.600)        | (18.011.243.200)       |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>  | <b>40</b> |             | <b>(25.151.985.300)</b> | <b>12.384.745.671</b>  |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>   | <b>50</b> |             | <b>(11.108.029.471)</b> | <b>(2.652.238.219)</b> |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>  | <b>60</b> | <b>V.1</b>  | <b>42.201.969.062</b>   | <b>44.892.001.815</b>  |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61        |             | (114.945.986)           | (37.794.534)           |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>   | <b>70</b> | <b>V.1</b>  | <b>30.978.993.605</b>   | <b>42.201.969.062</b>  |



Hồ Nhật Minh  
Người lập



Nguyễn Thị Thanh Loan  
Kế toán trưởng



Phạm Văn Mẹo  
Tổng Giám đốc

4498  
NG T  
HIỆM H  
ÁN VÀ  
&  
- T.P.I

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất, chế biến sản phẩm cao su (không hoạt động tại trụ sở); Sản xuất bao bì nhựa PP, PE, PET (trừ tái chế phế thải) (trừ sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b, sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b); Mua bán bao bì nhựa PP, PE, PET ; mua bán sản phẩm nhựa, nguyên liệu nhựa, bột màu.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Đại dịch Covid-19

Năm 2021, dịch Covid-19 lây lan trên diện rộng đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng do nhiều địa phương (TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Miền Trung, TP. Hà Nội,...) phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16+, Chỉ thị 16 hoặc Chỉ thị 15 trong thời gian dài để kiểm soát dịch bệnh. Các biện pháp ngăn chặn nghiêm ngặt được áp dụng trên phạm vi rộng, giãn cách xã hội kéo dài dẫn đến đứt gãy lưu thông, sản xuất kinh doanh bị đình trệ. Hầu hết các hoạt động thương mại, lưu trú ăn uống phải đóng cửa; chỉ một số cơ sở lưu trú được phép cung cấp dịch vụ cho người bị cách ly có thể hoạt động cầm chừng.

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá về tác động tổng thể của tình hình đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cũng như các ảnh hưởng đến tài chính, bao gồm khả năng thu hồi nợ và nhận thấy dịch Covid-19 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

#### 6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH TĐH có trụ sở chính tại C11 - C15, Cụm công nghiệp nhựa Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất kinh doanh bao bì nhựa, kinh doanh bất động sản. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 100%.

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại công ty con.

#### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 691 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 694 nhân viên).

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất*

12



## **CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG**

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

---

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất*

13

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

#### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 5. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

14





## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### 6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung và những chi phí liên quan trực tiếp khác.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ và chi phí nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

##### *Chi phí nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới*

Chi phí nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới bao gồm các chi phí phát sinh cho việc nghiên cứu, phát triển sản phẩm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

#### 9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 05 – 34       |
| Máy móc và thiết bị             | 02 – 12       |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 03 – 10       |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 – 10       |

#### 11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất (34 năm 03 tháng).



## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### *Chương trình phần mềm máy tính*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

#### 12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### 13. Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

#### 14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có quyết định chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.



## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hoá dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hoá, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

#### *Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền*

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

#### *Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động*

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### 16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.



## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### 17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất*

19



## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

|  | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>            |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt   | 5.327.562.692                | 322.042.676                  |
| Tiền gửi ngân hàng   | 22.651.430.913               | 32.579.926.386               |
| Các khoản tương đương tiền – Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng | 3.000.000.000                | 9.300.000.000                |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>30.978.993.605</u></b> | <b><u>42.201.969.062</u></b> |

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

##### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

|                    | <u>Số cuối năm</u>            |                               | <u>Số đầu năm</u>             |                               |
|--------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
|                    | <u>Giá gốc</u>                | <u>Giá trị ghi sổ</u>         | <u>Giá gốc</u>                | <u>Giá trị ghi sổ</u>         |
| <b>Ngắn hạn</b>    |                               |                               |                               |                               |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 134.186.250.548               | 134.186.250.548               | 135.200.000.000               | 135.200.000.000               |
| <b>Dài hạn</b>     |                               |                               |                               |                               |
| Trái phiếu         | 17.000.000.000                | 17.000.000.000                | 14.000.000.000                | 14.000.000.000                |
| <b>Cộng</b>        | <b><u>151.186.250.548</u></b> | <b><u>151.186.250.548</u></b> | <b><u>149.200.000.000</u></b> | <b><u>149.200.000.000</u></b> |

Tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng đến dưới 01 năm trị giá 131.186.250.548 VND được thế chấp để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình (xem thuyết minh số 17).

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

20

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG**

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

|  | Số cuối năm    |          | Số đầu năm     |          |
|--|----------------|----------|----------------|----------|
|  | Giá gốc        | Dự phòng | Giá gốc        | Dự phòng |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần A Châu                  | 198.949        | -        | 198.949        | -        |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam | 148.448        | -        | 148.448        | -        |
| <b>Cộng</b>  | <b>347.397</b> | <b>-</b> | <b>347.397</b> | <b>-</b> |

**Giá trị hợp lý**

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

|                              | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Kiobe Phils. Opc             | 8.784.922.255         | 16.194.051.027        |
| Phải thu các khách hàng khác | 79.189.071.889        | 81.699.455.346        |
| <b>Cộng</b>                  | <b>87.973.994.143</b> | <b>97.893.506.373</b> |

Một số khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.17).

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

|  | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
|--|----------------------|----------------------|
| Guangdonglger Precise Machinery Technology Co., Ltd. | -                    | 465.367.500          |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tân Đô            | -                    | 500.000.000          |
| Công ty Cổ phần ĐPH                                  | 3.700.000.000        | -                    |
| Các nhà cung cấp khác                                | 673.570.855          | 431.380.000          |
| <b>Cộng</b>  | <b>4.373.570.855</b> | <b>1.396.747.500</b> |

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

|   | Số cuối năm           |          | Số đầu năm            |          |
|---|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
|   | Giá trị               | Dự phòng | Giá trị               | Dự phòng |
| Phải thu liên quan đến quyền sử dụng đất dự án đất Tân Đô | 4.518.845.457         | -        | 4.518.845.457         | -        |
| Tiền lãi có kỳ hạn dự thu                                 | 4.158.675.346         | -        | 4.049.278.630         | -        |
| Tạm ứng   | 4.078.418.355         | -        | 1.196.070.095         | -        |
| Ký quỹ, đặt cọc ngắn hạn                                  | 899.330.000           | -        | 899.330.000           | -        |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác                          | 367.753.406           | -        | 300.040.434           | -        |
| <b>Cộng</b>   | <b>14.023.022.564</b> | <b>-</b> | <b>10.963.564.616</b> | <b>-</b> |

**6. Nợ xấu**

Tập đoàn chỉ có khoản nợ xấu là khoản phải thu Doanh nghiệp tư nhân Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thành Phú về tiền bán hàng với số tiền 1.294.268.140 VND đã quá hạn trên 03 năm. Giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu này là 0 VND.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG**

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****7. Hàng tồn kho**

|                                      | Số cuối năm            |          | Số đầu năm             |          |
|--------------------------------------|------------------------|----------|------------------------|----------|
|                                      | Giá gốc                | Dự phòng | Giá gốc                | Dự phòng |
| Hàng mua đang đi trên đường          | 10.296.914.731         | -        | 5.068.399.050          | -        |
| Nguyên liệu, vật liệu                | 68.620.974.526         | -        | 59.324.272.133         | -        |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 162.835.446.491        | -        | 94.789.241.606         | -        |
| Thành phẩm                           | 18.271.382.951         | -        | 13.830.147.907         | -        |
| Hàng hóa                             | 170.156.973            | -        | 6.616.043.201          | -        |
| <b>Cộng</b>                          | <b>260.194.875.672</b> | <b>-</b> | <b>179.628.103.897</b> | <b>-</b> |

Hàng tồn kho luân chuyển có giá trị 28.537.900.273 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số 17).

**8. Chi phí trả trước****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

|                                 | Số cuối năm          | Số đầu năm         |
|---------------------------------|----------------------|--------------------|
| Công cụ, dụng cụ                | 878.081.731          | 185.998.742        |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 641.000.000          | -                  |
| <b>Cộng</b>                     | <b>1.519.081.731</b> | <b>185.998.742</b> |

**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

|   | Số cuối năm          | Số đầu năm            |
|---|----------------------|-----------------------|
| Công cụ, dụng cụ                            | 739.305.000          | 4.647.275.000         |
| Chi phí nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới | 5.316.735.999        | 6.275.717.816         |
| <b>Cộng</b>                                 | <b>6.056.040.999</b> | <b>10.922.992.816</b> |

**9. Tài sản cố định hữu hình**

|                                       | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị    | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng                   |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|---------------------------------|---------------------------|------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                     |                        |                        |                                 |                           |                        |
| Số đầu năm                            | 78.231.959.580         | 190.704.158.182        | 20.519.278.440                  | 344.077.832               | 289.799.474.034        |
| Mua trong năm                         | -                      | 3.947.630.000          | 1.581.263.636                   | -                         | 5.528.893.636          |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b>78.231.959.580</b>  | <b>194.651.788.182</b> | <b>22.100.542.076</b>           | <b>344.077.832</b>        | <b>295.328.367.670</b> |
| <i>Trong đó:</i>                      |                        |                        |                                 |                           |                        |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 4.502.329.042          | 758.956.424            | 4.179.706.381                   | 338.469.100               | 9.779.460.947          |
| Chờ thanh lý                          | -                      | -                      | -                               | -                         | -                      |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                |                        |                        |                                 |                           |                        |
| Số đầu năm                            | 6.756.079.680          | 99.115.718.023         | 11.482.435.972                  | 344.077.832               | 117.698.311.507        |
| Khấu hao trong năm                    | 2.136.000.000          | 14.396.394.802         | 2.620.549.408                   | -                         | 19.152.944.210         |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b>8.892.079.680</b>   | <b>113.512.112.825</b> | <b>14.102.985.380</b>           | <b>344.077.832</b>        | <b>136.851.255.717</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>                |                        |                        |                                 |                           |                        |
| Số đầu năm                            | 71.475.879.900         | 91.588.440.159         | 9.036.842.468                   | -                         | 172.101.162.527        |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b>69.339.879.900</b>  | <b>81.139.675.357</b>  | <b>7.997.556.696</b>            | <b>-</b>                  | <b>158.477.111.953</b> |
| <i>Trong đó:</i>                      |                        |                        |                                 |                           |                        |
| Tạm thời chưa sử dụng                 | -                      | -                      | -                               | -                         | -                      |
| Đang chờ thanh lý                     | -                      | -                      | -                               | -                         | -                      |

Nhà xưởng có giá trị còn lại theo sổ sách là 69.339.879.900 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 6 TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.17).



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG**

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**10. Tài sản cố định vô hình**

|  | Quyền<br>sử dụng đất  | Chương trình<br>phần mềm<br>máy tính | Cộng                  |
|--|-----------------------|--------------------------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                        |                       |                                      |                       |
| Số đầu năm                               | 33.200.000.000        | 164.800.000                          | 33.364.800.000        |
| <b>Số cuối năm</b>                       | <b>33.200.000.000</b> | <b>164.800.000</b>                   | <b>33.364.800.000</b> |
| <i>Trong đó:</i>                         |                       |                                      |                       |
| Đã khấu hao hết nhưng<br>vẫn còn sử dụng | -                     | 164.800.000                          | 164.800.000           |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                   |                       |                                      |                       |
| Số đầu năm                               | 962.000.000           | 164.800.000                          | 1.126.800.000         |
| Khấu hao trong năm                       | 960.000.000           | -                                    | 960.000.000           |
| <b>Số cuối năm</b>                       | <b>1.922.000.000</b>  | <b>164.800.000</b>                   | <b>2.086.800.000</b>  |
| <b>Giá trị còn lại</b>                   |                       |                                      |                       |
| Số đầu năm                               | 32.238.000.000        | -                                    | 32.238.000.000        |
| <b>Số cuối năm</b>                       | <b>31.278.000.000</b> | <b>-</b>                             | <b>31.278.000.000</b> |
| <i>Trong đó:</i>                         |                       |                                      |                       |
| Tạm thời không sử dụng                   | -                     | -                                    | -                     |
| Đang chờ thanh lý                        | -                     | -                                    | -                     |

Quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 31.278.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 6 TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.17).

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

|                                       | Số cuối năm            | Số đầu năm            |
|---------------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH MTV Nhựa Châu Âu Nghệ An | 6.078.665.000          | 6.178.445.000         |
| Công ty Cổ phần Bao bì Tín Thành      | -                      | 2.593.497.708         |
| Lotte Trading Co., Ltd                | 25.061.644.800         | -                     |
| Samsung C&T Hongkong Limited          | 16.172.342.080         | -                     |
| Intraco Trading Pte., Ltd             | 13.296.686.000         | -                     |
| IRPC Public Company Limited           | 13.012.619.400         | -                     |
| Các nhà cung cấp khác                 | 53.701.783.117         | 57.148.152.262        |
| <b>Cộng</b>                           | <b>127.323.740.397</b> | <b>65.920.094.970</b> |

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

|                     | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
|---------------------|----------------------|----------------------|
| Ly Eco Ltd.         | 1.864.309.278        | 1.499.139.873        |
| Hummingbag Limited  | 1.995.523.900        | 1.418.587.863        |
| Aqua Dam Inc.       | -                    | 782.402.136          |
| Các khách hàng khác | 550.507.578          | 819.236.527          |
| <b>Cộng</b>         | <b>4.410.340.755</b> | <b>4.519.366.399</b> |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

23

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG**

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

|                            | Số đầu năm           | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Số cuối năm          |
|----------------------------|----------------------|-----------------------|--------------------------|----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 1.384.814.298        | 4.701.089.271         | (5.793.503.437)          | 292.400.132          |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu   | -                    | 9.296.437.458         | (9.296.437.458)          | -                    |
| Thuế xuất, nhập khẩu       | -                    | 20.788.543            | (20.788.543)             | -                    |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 5.590.696.340        | 4.021.696.786         | (5.823.051.033)          | 3.789.342.093        |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 386.629.089          | 1.464.379.478         | (1.701.670.746)          | 149.337.821          |
| Các loại thuế khác         | -                    | 6.000.000             | (6.000.000)              | -                    |
| <b>Cộng</b>                | <b>7.362.139.727</b> | <b>19.510.391.536</b> | <b>(22.641.451.217)</b>  | <b>4.231.080.046</b> |

**Thuế giá trị gia tăng**

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

|                                |     |
|--------------------------------|-----|
| - Hàng hóa xuất khẩu           | 0%  |
| - Hàng hóa tiêu thụ trong nước | 10% |

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

|  | Năm nay              | Năm trước            |
|--|----------------------|----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế  | 19.222.746.297       | 27.541.881.947       |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: |                      |                      |
| - Các khoản điều chỉnh tăng  | 885.737.630          | 1.220.402.324        |
| - Các khoản điều chỉnh giảm  | -                    | -                    |
| Thu nhập tính thuế   | 20.108.483.927       | 28.762.284.271       |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp   | 20%                  | 20%                  |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>   | <b>4.021.696.786</b> | <b>5.752.456.854</b> |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Các loại thuế khác**

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

**14. Phải trả người lao động**

Tiền lương tháng 13 còn phải trả.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

24



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG**

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

|                                | <u>Số cuối năm</u>        | <u>Số đầu năm</u>         |
|--------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí lãi vay                | 235.000.000               | 232.000.000               |
| Chi phí phải trả ngắn hạn khác | 493.710.258               | 360.121.819               |
| <b>Cộng</b>                    | <b><u>728.710.258</u></b> | <b><u>592.121.819</u></b> |

**16. Phải trả ngắn hạn khác**

|  | <u>Số cuối năm</u>          | <u>Số đầu năm</u>           |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn           | 2.121.542.812               | 1.499.622.208               |
| Cổ tức phải trả  | 1.396.990.160               | 1.376.796.960               |
| Trả trước theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp vào dự án Tân Đô | 111.800.000                 | 111.800.000                 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác                               | 23.845.000                  | 2.800.000                   |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>3.654.177.972</u></b> | <b><u>2.991.019.168</u></b> |

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

**17. Vay ngắn hạn**

|   | <u>Số cuối năm</u>            | <u>Số đầu năm</u>             |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(i)</sup>                  | 36.076.686.000                | 47.087.178.600                |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 6 TP. Hồ Chí Minh <sup>(ii)</sup> | 57.012.189.400                | 72.318.597.500                |
| Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(iii)</sup>                   | 34.170.000.000                | 22.984.500.000                |
| Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín <sup>(iv)</sup>                                | 78.292.151.320                | 103.346.628.000               |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình <sup>(v)</sup>          | 53.284.925.800                | 21.109.935.000                |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>258.835.952.520</u></b> | <b><u>266.846.839.100</u></b> |

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.2a).

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 6 TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ và được điều chỉnh 06 tháng một lần theo biểu lãi suất của Ngân hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà xưởng và quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số V.9 và V.10).

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.2a).

(iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ và được điều chỉnh 03 tháng một lần theo biểu lãi suất của Ngân hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.2a).

(v) Khoản vay Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ và được điều chỉnh 06 tháng một lần theo biểu lãi suất của Ngân hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản phải thu luân chuyển và hàng tồn kho của Công ty (xem thuyết minh số V.3 và V.7).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

25

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG**

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Chi tiết số phát sinh của các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

|                       | <b>Năm nay</b>         | <b>Năm trước</b>       |
|-----------------------|------------------------|------------------------|
| Số đầu năm            | 266.846.839.100        | 237.271.852.089        |
| Số tiền vay phát sinh | 552.101.661.210        | 493.430.989.796        |
| Số tiền vay đã trả    | (559.260.274.910)      | (463.035.000.925)      |
| Chênh lệch tỷ giá     | (852.272.880)          | (821.001.860)          |
| <b>Số cuối năm</b>    | <b>258.835.952.520</b> | <b>266.846.839.100</b> |

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

**18. Vốn chủ sở hữu****18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

|                             | Vốn góp của<br>chủ sở hữu | Thặng dư<br>vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ            | Lợi nhuận<br>sau thuế chưa<br>phân phối | Cộng                   |
|-----------------------------|---------------------------|-------------------------|-------------------------|---|------------------------|
| Số dư đầu năm trước         | 244.305.960.000           | 82.683.222.451          | (24.593.180.860)        | 33.377.760.613                          | 335.773.762.204        |
| Lợi nhuận trong năm trước   | -                         | -                       | -                       | 21.789.425.093                          | 21.789.425.093         |
| Chia cổ tức trong năm trước | -                         | -                       | -                       | (18.013.564.800)                        | (18.013.564.800)       |
| <b>Số dư cuối năm trước</b> | <b>244.305.960.000</b>    | <b>82.683.222.451</b>   | <b>(24.593.180.860)</b> | <b>37.153.620.906</b>                   | <b>339.549.622.497</b> |
| Số dư đầu năm nay           | 244.305.960.000           | 82.683.222.451          | (24.593.180.860)        | 37.153.620.906                          | 339.549.622.497        |
| Lợi nhuận trong năm nay     | -                         | -                       | -                       | 15.201.049.511                          | 15.201.049.511         |
| Chia cổ tức trong năm nay   | -                         | -                       | -                       | (18.013.564.800)                        | (18.013.564.800)       |
| <b>Số dư cuối năm nay</b>   | <b>244.305.960.000</b>    | <b>82.683.222.451</b>   | <b>(24.593.180.860)</b> | <b>34.341.105.617</b>                   | <b>336.737.107.208</b> |

**18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

|                     | <b>Số cuối năm</b>     | <b>Số đầu năm</b>      |
|---------------------|------------------------|------------------------|
| Bà Lê Thị Mỹ Hạnh   | 33.825.900.000         | 33.825.900.000         |
| Ông Phạm Trung Cang | 32.232.200.000         | 32.232.200.000         |
| Các cổ đông khác    | 159.111.460.000        | 159.111.460.000        |
| Cổ phiếu quỹ        | 19.136.400.000         | 19.136.400.000         |
| <b>Cộng</b>         | <b>244.305.960.000</b> | <b>244.305.960.000</b> |

**18c. Cổ phiếu**

|  | <b>Số cuối năm</b> | <b>Số đầu năm</b> |
|--|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 24.430.596         | 24.430.596        |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 24.430.596         | 24.430.596        |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 24.430.596         | 24.430.596        |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -                  | -                 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại         | (1.913.640)        | (1.913.640)       |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | (1.913.640)        | (1.913.640)       |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -                  | -                 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 22.516.956         | 22.516.956        |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 22.516.956         | 22.516.956        |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -                  | -                 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**18d. Phân phối lợi nhuận**

Trong năm Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 ngày 26 tháng 4 năm 2021 với số tiền là 18.013.564.800 VND.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

26



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG**

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**  
*Ngoại tệ các loại*

|                 | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------|--------------------|-------------------|
| Dollar Mỹ (USD) | 549.996,82         | 922.357,92        |
| Euro (EUR)      | 20,87              | 20,87             |

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

|   | <u>Năm nay</u>                | <u>Năm trước</u>              |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa, nguyên vật liệu | 25.355.952.960                | 15.121.157.094                |
| Doanh thu bán thành phẩm                | 866.334.042.597               | 834.857.394.626               |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ              | 4.146.131.082                 | 18.286.563.802                |
| <b>Cộng</b>                             | <b><u>895.836.126.639</u></b> | <b><u>868.265.115.522</u></b> |

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Tập đoàn chỉ phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Thiên Phúc Lộc với số tiền là 6.452.325.000 VND (năm trước là 3.382.577.000 VND).

**2. Giá vốn hàng bán**

|  | <u>Năm nay</u>                | <u>Năm trước</u>              |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa, nguyên vật liệu đã bán | 10.137.742.131                | 9.180.096.051                 |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán                | 802.098.331.981               | 762.990.205.252               |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp              | 4.144.312.900                 | 18.187.375.970                |
| <b>Cộng</b>                                  | <b><u>816.380.387.012</u></b> | <b><u>790.357.677.273</u></b> |

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

|   | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>             |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn  | 10.025.597.174               | 9.836.380.082                |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn   | 17.104.534                   | 13.480.556                   |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 5.970.219.682                | 1.636.466.585                |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh   | 1.291.462.104                | 1.162.439.120                |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>17.304.383.494</u></b> | <b><u>12.648.766.343</u></b> |

**4. Chi phí tài chính**

|  | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>            |
|--|------------------------------|-----------------------------|
| Chi phí lãi vay  | 6.130.059.981                | 7.390.429.137               |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh   | 3.326.254.535                | 1.370.855.558               |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 636.595.529                  | 427.362.322                 |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>10.092.910.045</u></b> | <b><u>9.188.647.017</u></b> |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

27

19875  
GTY  
M HUU  
VATU  
C  
PHOC

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG**

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****5. Chi phí bán hàng**

|                                  | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>             |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 371.988.180                  | 364.059.492                  |
| Chi phí vận chuyển               | 36.977.570.864               | 23.517.626.248               |
| Chi phí hoa hồng môi giới        | 703.099.750                  | 505.416.700                  |
| Các chi phí khác                 | 3.941.000.256                | 5.055.523.491                |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>41.993.659.050</u></b> | <b><u>29.442.625.931</u></b> |

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|                                  | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>             |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên            | 18.616.877.512               | 18.468.225.269               |
| Chi phí vật liệu quản lý         | 1.684.855.722                | 747.188.818                  |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.016.580.577                | 1.730.358.768                |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 963.851.032                  | 1.681.673.237                |
| Các chi phí khác                 | 3.918.032.786                | 3.463.177.385                |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>26.200.197.629</u></b> | <b><u>26.090.623.477</u></b> |

**7. Lãi trên cổ phiếu****7a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

|   | <u>Năm nay</u>    | <u>Năm trước</u>  |
|---|-------------------|-------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ     | 15.201.049.511    | 21.789.425.093    |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu                            | 15.201.049.511    | 21.789.425.093    |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 22.516.956        | 22.516.956        |
| <b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>                                    | <b><u>675</u></b> | <b><u>968</u></b> |

**7b. Thông tin khác**

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

|                                  | <u>Năm nay</u>                  | <u>Năm trước</u>                |
|----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 731.187.805.523                 | 637.899.638.251                 |
| Chi phí nhân công                | 127.141.515.222                 | 107.397.805.553                 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 20.112.944.210                  | 18.468.886.651                  |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 256.078.431.444                 | 298.745.401.051                 |
| Chi phí khác                     | 98.968.234.666                  | 101.598.019.357                 |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>1.233.488.931.065</u></b> | <b><u>1.164.109.750.863</u></b> |

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Tập đoàn có các khoản công nợ liên quan tới mua sắm tài sản cố định như sau:

|  | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------|-------------------|
| Nợ phải trả mua sắm tài sản cố định    | -                  | 5.754.600.000     |
| Trả trước tiền mua sắm tài sản cố định | -                  | 465.367.500       |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

28

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Giao dịch khác trong năm chỉ có giao dịch về cho thành viên Hội đồng quản trị tạm ứng với số tiền là 96.356.143 VND (năm trước là 2.716.047.766 VND)..

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

|                          | Chức danh  | Tiền lương           | Thù lao              | Cộng thu nhập        |
|--------------------------|--|----------------------|----------------------|----------------------|
| <b>Năm nay</b>           |  |                      |                      |                      |
| Bà Phạm Đỗ Diễm Hương    | Chủ tịch   | 227.465.430          | 120.000.000          | 347.465.430          |
| Ông Phạm Trung Cang      | Phó Chủ tịch   | 49.124.000           | 120.000.000          | 162.157.000          |
| Ông Phạm Văn Mẹo         | Phó Chủ tịch kiêm<br>Tổng Giám đốc                           | 369.292.000          | 120.000.000          | 462.914.000          |
| Bà Tôn Thị Hồng Minh     | Phó Chủ tịch kiêm Phó<br>Tổng giám đốc                       | 369.292.000          | 120.000.000          | 462.914.000          |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Loan | Thành viên kiêm Giám<br>đốc tài chính kiêm Kế<br>toán trưởng | 342.914.000          | 120.000.000          | 462.914.000          |
| Ông Trần Hữu Vinh        | Thành viên   | 240.800.000          | 120.000.000          | 343.600.000          |
| Bà Phạm Thị Trúc Ngân    | Thành viên   | -                    | 120.000.000          | 120.000.000          |
| Ông Huỳnh Minh Việt      | Thành viên   | -                    | 120.000.000          | 120.000.000          |
| Bà Đoàn Thị Hồng Tươi    | Thành viên   | -                    | 60.000.000           | 60.000.000           |
| Bà Danh Thúy Oanh        | Thành viên   | -                    | 60.000.000           | 60.000.000           |
| <b>Cộng</b>              |  | <b>1.598.887.430</b> | <b>1.080.000.000</b> | <b>2.601.964.430</b> |
| <b>Năm trước</b>         |  |                      |                      |                      |
| Bà Phạm Đỗ Diễm Hương    | Chủ tịch   | 405.457.000          | 120.000.000          | 525.457.000          |
| Ông Phạm Trung Cang      | Phó Chủ tịch   | -                    | 120.000.000          | 120.000.000          |
| Ông Phạm Văn Mẹo         | Phó Chủ tịch kiêm<br>Tổng Giám đốc                           | 342.914.000          | 120.000.000          | 462.914.000          |
| Bà Tôn Thị Hồng Minh     | Phó Chủ tịch kiêm Phó<br>Tổng giám đốc                       | 342.914.000          | 120.000.000          | 462.914.000          |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Loan | Thành viên kiêm Giám<br>đốc tài chính kiêm Kế<br>toán trưởng | 342.914.000          | 120.000.000          | 462.914.000          |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

29



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG**

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

|                       | <u>Chức danh</u> | <u>Tiền lương</u>    | <u>Thù lao</u>       | <u>Cộng thu nhập</u> |
|-----------------------|------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| Ông Trần Hữu Vinh     | Thành viên       | 225.661.000          | 120.000.000          | 345.661.000          |
| Bà Phạm Thị Trúc Ngân | Thành viên       | -                    | 60.000.000           | 60.000.000           |
| Ông Huỳnh Minh Việt   | Thành viên       | -                    | 60.000.000           | 60.000.000           |
| Bà Đoàn Thị Hồng Tươi | Thành viên       | -                    | 120.000.000          | 120.000.000          |
| Ông Nguyễn Văn Hùng   | Thành viên       | -                    | 60.000.000           | 60.000.000           |
| Ông Nguyễn Kim Ánh    | Thành viên       | -                    | 60.000.000           | 60.000.000           |
| <b>Cộng</b>           |                  | <b>1.532.178.000</b> | <b>1.080.000.000</b> | <b>2.589.860.000</b> |

**1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

| <u>Bên liên quan khác</u>                     | <u>Mối quan hệ</u>  |
|---|---|
| Công ty TNHH Đại Hưng                         | Người đại diện của Công ty TNHH Đại Hưng có mối quan hệ gia đình với Giám đốc Công ty TNHH ĐĐH  |
| Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Thiên Phúc Lộc | Người đại diện của Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Thiên Phúc Lộc là thành viên quản lý chủ chốt của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng |

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn ty chỉ phát sinh giao dịch với Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Thiên Phúc Lộc như sau:

|                | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------|----------------|------------------|
| Thuế văn phòng | 240.000.000    | 240.000.000      |
| Mua hạt nhựa   | 55.342.294.227 | 65.087.963.318   |
| Tiền điện      | 183.316.451    | 234.784.141      |

Giá bán hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Tập đoàn không có công nợ với các bên liên quan khác.

**2. Thông tin về bộ phận**

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ của Tập đoàn.

**2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh**

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại: kinh doanh bao bì nhựa, hạt nhựa.
- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất bao bì nhựa.
- Lĩnh vực khác: cung cấp dịch vụ.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn là sản xuất bao bì nhựa PP, PE, PET. Thị trường tiêu thụ chủ yếu của Tập đoàn là Việt Nam và các nước Châu Âu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

|                  | Năm nay                | Năm trước              |
|------------------|------------------------|------------------------|
| Việt Nam         | 413.035.209.401        | 374.038.570.143        |
| Các nước Châu Âu | 482.958.917.238        | 494.226.545.158        |
| <b>Cộng</b>      | <b>895.994.126.639</b> | <b>868.265.115.301</b> |

#### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2022

Hồ Nhật Minh  
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Loan  
Kế toán trưởng

Phạm Văn Mẹo  
Tổng Giám đốc

00  
00  
HN  
TĐ  
A  
4.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HÙNG**

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

| Năm nay   | Lĩnh vực thương mại    | Lĩnh vực sản xuất        | Lĩnh vực khác        | Các khoản loại trừ       | Cộng                   |
|---|------------------------|--------------------------|----------------------|--------------------------|------------------------|
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài                        | 25.355.952.960         | 866.334.042.597          | 4.146.131.082        | -                        | 895.836.126.639        |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận                    | 141.511.465.909        | 194.425.038.973          | 3.096.000.000        | (339.032.504.882)        | -                      |
| <b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>                         | <b>166.867.418.869</b> | <b>1.060.759.081.570</b> | <b>7.242.131.082</b> | <b>(339.032.504.882)</b> | <b>895.836.126.639</b> |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận   | 13.288.036.134         | (1.712.354.862)          | (313.798.325)        | -                        | 11.261.882.948         |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận  |                        |                          |                      |                          | 11.261.882.948         |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh   |                        |                          |                      |                          | 17.304.383.494         |
| Doanh thu hoạt động tài chính   |                        |                          |                      |                          | (10.092.910.045)       |
| Chi phí tài chính   |                        |                          |                      |                          | 782.422.143            |
| Thu nhập khác   |                        |                          |                      |                          | (33.032.243)           |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành  |                        |                          |                      |                          | (4.021.696.786)        |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại   |                        |                          |                      |                          | -                      |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>                                     |                        |                          |                      |                          | <b>15.201.049.511</b>  |
| <b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b> | <b>-</b>               | <b>14.396.394.802</b>    | <b>-</b>             | <b>-</b>                 | <b>14.396.394.802</b>  |
| <b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>                   | <b>683.054.844</b>     | <b>23.337.859.366</b>    | <b>-</b>             | <b>-</b>                 | <b>24.020.914.210</b>  |

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG**

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

|   | Lĩnh vực thương mại    | Lĩnh vực sản xuất        | Lĩnh vực khác         | Các khoản loại trừ       | Cộng                   |
|---|------------------------|--------------------------|-----------------------|--------------------------|------------------------|
| <b>Năm trước</b>  |                        |                          |                       |                          |                        |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài                        | 15.121.157.094         | 834.857.394.405          | 18.286.563.802        | -                        | 868.265.115.301        |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận                    | 106.775.350.000        | 242.647.937.250          | 3.136.000.000         | (352.559.287.250)        | -                      |
| <b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>                         | <b>121.896.507.094</b> | <b>1.077.505.331.655</b> | <b>21.422.563.802</b> | <b>(352.559.287.250)</b> | <b>868.265.115.301</b> |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận   | 4.973.929.031          | 18.470.659.804           | (1.070.399.994)       | -                        | 22.374.188.841         |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận  |                        |                          |                       |                          | 22.374.188.841         |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh   |                        |                          |                       |                          | 12.648.766.343         |
| Doanh thu hoạt động tài chính   |                        |                          |                       |                          | (9.188.647.017)        |
| Chi phí tài chính   |                        |                          |                       |                          | 1.708.059.370          |
| Thu nhập khác   |                        |                          |                       |                          | (485.590)              |
| Chi phí khác  |                        |                          |                       |                          | (5.752.456.854)        |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành  |                        |                          |                       |                          | -                      |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại   |                        |                          |                       |                          | -                      |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>                                     |                        |                          |                       |                          | <b>21.789.425.093</b>  |
| <b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b> | <b>931.752.637</b>     | <b>51.443.191.442</b>    | -                     | -                        | <b>52.374.944.079</b>  |
| <b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>                   | <b>408.254.295</b>     | <b>22.540.214.023</b>    | -                     | -                        | <b>22.948.468.318</b>  |

815  
 TY HỮU HẠN  
 X T U  
 C  
 H O C



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG**

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

|  | Lĩnh vực thương mại | Lĩnh vực sản xuất | Lĩnh vực khác | Các khoản loại trừ | Cộng                   |
|--|---------------------|-------------------|---------------|--------------------|------------------------|
| <b>Số cuối kỳ</b>                      |                     |                   |               |                    |                        |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận            | 19.474.938.256      | 563.775.476.327   | -             | -                  | 583.250.414.583        |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận |                     |                   |               |                    | 165.850.620.509        |
| <b>Tổng tài sản</b>                    |                     |                   |               |                    | <b>749.101.035.092</b> |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận        | 11.725.914.174      | 400.638.013.710   | -             | -                  | 412.363.927.884        |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận |                     |                   |               |                    | 412.363.927.884        |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>                |                     |                   |               |                    |                        |
| <b>Số đầu năm</b>                      |                     |                   |               |                    |                        |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận            | 30.184.194.569      | 522.081.051.585   | -             | -                  | 552.265.246.154        |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận |                     |                   |               |                    | 149.200.347.397        |
| <b>Tổng tài sản</b>                    |                     |                   |               |                    | <b>701.465.593.551</b> |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận        | 13.925.225.758      | 347.990.745.296   | -             | -                  | 361.915.971.054        |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận |                     |                   |               |                    | 361.915.971.054        |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>                |                     |                   |               |                    | <b>361.915.971.054</b> |

*(Handwritten signature)*

Hồ Nhật Minh  
 Người lập

*(Handwritten signature)*

Nguyễn Thị Thanh Loan  
 Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2022



Phạm Văn Mẹo  
 Tổng Giám đốc



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**P. CHỦ TỊCH HĐQT**



**Tân Thị Hồng Minh**